

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

TẬP SAN VĂN NGHỆ
LÁ BỐI XUẤT BẢN

NHẤT HẠNH • HỒ HỮU TƯỜNG • PHẠM CÔNG THIÊN
BÙI GIÁNG • TAM ÍCH • PHẠM DUY • VÕ HỒNG
DƯƠNG NGHIÊM MẬU • SƠN NAM • BÌNH NGUYÊN LỘC
NGUYỄN ĐỨC SƠN • KIM TUẤN • HOÀI KHANH



giữ thơm quê mẹ

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ — LÁ BỐI XUẤT BẢN

- | | | | | | |
|----------|------------------|---|-------------------------------|---|-----------------------|
| 2 - 3 | nhật hạnh | ★ | chỗ đứng | — | về với em bé thơ ngây |
| 4 | phạm công thiện | | | | ★ bắt nạt |
| 5 | thành tôn | | | | ★ cuộc tôi |
| 6 - 7 | bùi giáng | ★ | ruộng đồng mọc cỏ | — | dưới trời |
| 8 | hoài khanh | | | | ★ về nguồn |
| 9 - 16 | võ hồng | | | | ★ khoảng mát |
| 17 - 22 | hồ hữu tường | ★ | ngày trở về của đứa con hoang | | |
| 23 - 25 | nhật hạnh | | | | ★ sơ ý |
| 26 - 30 | bùi giáng | | | | ★ rằng từ ngẫu nhi |
| 31 - 37 | sơn nam | | | | ★ cầm bắt rùa |
| 38 - 53 | phạm công thiện | ★ | vài suy tưởng triết học | | |
| 54 - 57 | phạm duy | | | | ★ tiếng hát thật to |
| 58 - 59 | an di | | | | ★ đèn hôm nay bắt đầu |
| 60 | kim tuần | | | | ★ tháp cổ |
| 61 - 65 | chín | | | | ★ đồng sự |
| 66 - 70 | tam ích | ★ | thơ văn ngày lại ngày | | |
| 71 - 84 | dương nghiêm mậu | | | | ★ khí hậu pháo xiết |
| 85 - 91 | hoài khanh | | | | ★ cho lòng thờ than |
| 92 - 98 | nguyễn đức sơn | ★ | ngồi đợi ngoài hành lang | | |
| 99 - 104 | bình nguyên lộc | | | | ★ kinh tà bang |

Số 1 THÁNG BẢY NĂM 1965



NHẬT HẠNH

CHỖ ĐỨNG

*quê hương tôi là đây
chỉ có dòng sông, hàng cau, vườn chuối;
mặt trái đất dù mang đầy cát bụi
nhưng trăng sao vẫn đẹp những đêm Rằm.*

NHẬT HẠNH

VỀ VỚI EM BÉ THƠ NGÂY

*sương vương cành lá, bình minh đèn
tôi thấy em tôi mỉm miệng cười:
nắng sớm trong như hồn bích ngọc
ngày xanh tuổi mộng nở xinh tươi*

*ngây thơ mắt biếc hồn vô tội
trần ngập nhân gian vạn tiếng cười
sầu đau nhân loại, như mây khói,
phút chốc tan dần trong nắng mai.*

*đau thương sáu hận ngàn muôn kiếp
đanh lợi phù vân gợn nắng chiều
tôi thấy thiên đường đang mở cửa
nâng hồn em nhỏ trái tim yêu*

*về đi lữ khách! đường xa lắm
cát bụi sầu thương vương đã nhiều
thanh thản ngủ trong lòng đạo cả
cho hồn thơ ấu được nâng niu.*

(1952)



PHẠM CÔNG THIÊN

BẮT NHỊ

Mười năm qua gió thổi đổi tây
Tôi long đong theo bóng chim gầy
Một sớm em về ru giấc ngủ
Bông trời bay trắng cả rừng cây

Gió thổi đổi tây hay đổi đông?
Hiu hắt quê hương bên cỏ hồng
Trong mơ em vẫn còn bên cửa
Tôi đứng trên đồi mây trở bông

Gió thổi đổi thu qua đổi thông
Mưa hạ ly hương nước ngược dòng
Tôi đau trong tiếng gà xơ xác
Một sớm bông hồng nở cửa đông

1. 5. 65

THÀNH TÔN

CUỘC TÔI

bây giờ đau nổi phân thân
nặng vai âm phủ nhẹ chân địa đàng
mộ tôi máu đỏ da vàng
ý se những sợi điều tàn trong thây

nửa đời lâm lạc trong tay
tóc thừa râu đỏ mỗi ngày mỗi rơi
lâm li nếp sống thoi dơi
bóng đêm lười dết rã rời ầu nhi

cuộc tôi mỗi kiếp thiên di
thần thiên quỉ địa thu chi hằng giờ
vôi long hổ rã tượng thờ
hao tâm mòn lực gương mờ tương lai

những lo sinh tử miệt mài
nỗi niềm phàm tục đêm dài thê nhân
tửy không óc rỗng ngu đần
rình mò nhan diện số phần một lu

bói linh quẻ ứng tâm thù
kém tài đoán tướng phận mù tình chân
đường chia xa bước phân vân
về đâu ác quỉ thiên thần một ta.

HOÀI KHANH

VỀ NGUỒN

nều em đã cùng tôi trưa hôm đó
chuyến xe Saigon — Phú-nhuận ra đi
tôi sẽ đưa em về miền cát bỏng
cưỡi lạc đà đi suốt cõi châu Phi
để em biết nỗi buồn xa đất tổ
thương linh hồn bộ lạc thừa lang thang
và thương mình một tình yêu bé nhỏ
có nghĩa gì giữa đau khổ mê hoang
ôi Phi châu kiếp người đầy khổ nhục
tự bao đời ai dựng cõi điêu linh
sương không trắng giữa màu đen giá buốt
mặt trời bưng chưa sáng nẻo quang linh
thân phận đó lạc loài đêm sa mạc
kiếp người tôi trăm tủy cõi vô thường
nhưng ánh sáng sẽ hai miền hiển hiện?
vì mặt trời vẫn mọc ở Quê Hương
trưa hôm đó em đã cùng chuyến ấy
mang niềm đau tôi đến tận phương nào
em có nhớ mỗi lần xe tách bến
bóng một người ngơ ngác đó về đâu
hắn đã về giữa dòng sông nước chảy
của Á châu nhược tiểu khổ đau này
hắn đã về giữa cát bưng sa mạc
của Phi châu quẩn quại suốt trời mây.

BÙI GIÁNG

DƯỚI TRỜI

*Dưới trời chum nước dăm chiêu
ôi nường kiềm hiệp sao liêu lĩnh ru
niềm suy trọng, giặc hư phù
gõ thêm thiệp chén tạc thù đêm trăng*

*nửa cung bạc mệnh bên đèn
nửa cung sáu khổ giọt hăng hăng sa
dưới trời chân ngọc là hoa
ôi người thiên hạ thừa là địa phương*

*đi thêm thiệp cõi lạ đường
cành lên đọt đỏ cuối đường đợi trông
ây cây ngọc thụ ai trồng
Duồng Mô Din ngậm vân mộng Thượng du.*

HOÀI KHANH

VỀ NGUỒN

nều em đã cùng tôi trưa hôm đó
chuyến xe Saigon — Phú-nhuận ra đi
tôi sẽ đưa em về miền cát bỏng
cưỡi lạc đà đi suốt cõi châu Phi
để em biết nỗi buồn xa đất tổ
thương linh hồn bộ lạc thừa lang thang
và thương mình một tình yêu bé nhỏ
có nghĩa gì giữa đau khổ mê hoang
ôi Phi châu kiếp người đây khổ nhục
tự bao đời ai dựng cõi điêu linh
sương không trắng giữa màu đen giá buốt
mặt trời bưng chưa sáng nẻo quang linh
thân phận đó lạc loài đêm sa mạc
kiếp người tôi trăm tủy cõi vô thường
nhưng ánh sáng sẽ hai miền hiển hiện?
vì mặt trời vẫn mọc ở Quê Hương
trưa hôm đó em đã cùng chuyến ấy
mang niềm đau tôi đến tận phương nào
em có nhớ mỗi lần xe tách bến
bóng một người ngơ ngác đó về đâu
hắn đã về giữa dòng sông nước chảy
của Á châu nhức tiểu khổ đau này
hắn đã về giữa cát bưng sa mạc
của Phi châu quấn quai suốt trời mây.

KHOẢNG

MẮT

V Õ H Ò N G

Trưa hôm nay, đưa con gái lớn của tôi đi học về mang theo một tờ giấy in ronéo. Nó thập-thò đợi tôi ở cửa ngõ. Tôi vừa đặt mũ xuống bàn, chưa kịp lau mồ hôi trán thì nó đã lanh lảnh cất tiếng hỏi:

— Ba ơi, Ba làm nghề gì hở Ba? Uở! Sao mặt Ba đỏ vậy? Ba uống rượu hả?

Tôi quay lại, bất ngờ vì câu hỏi. Lại có chuyện gì mới xảy ra! Tôi hồi hộp lo lắng. Sự bất ngờ, tôi không thích vì hầu như chúng đều bất lợi cho tôi. Nhà tôi hiện đang nghèo và trong họ hàng không hề có một ông cậu, một bà cô nào vừa triệu-phú vừa không con. Ở Âu-Mỹ, thần Tài hay gõ cửa một cách đột ngột quá sức tưởng-tượng. Không phải chỉ có trúng số độc đắc. Người mua vé số đầu sao cũng còn có hi-vọng, cho dù rằng hi-vọng chỉ bằng đóm lửa đỏ ở đầu que diêm. Đẳng này có người

nằm chờ chết, — chết đói, — và bỗng nhiên người chường-khẽ gõ cửa báo tin: có một bà cô «gái già» của anh vừa tạ thế để lại một cái gia-tài có chúc thư cho anh thụ-hưởng. Tên của bà cô, anh lẫn lộn với tên của một hiệu may y-phục phụ-nữ. Địa-điểm nơi bà cô ở, phải lật tự-diễn ra tra. Tôi cũng có một bà cô trước đây bỏ nhà đi hoang vì mê một ông cai Lục-lộ. Cả nhà ai cũng ghét bỏ thù hằn người đàn-bà làm điểm-nhục gia-phong như thế. Chừng bảy, tám năm gì sau đó, có tin bà chết vì bệnh sốt xuất-huyết khi theo ông Cai đi phống đường ở Lộc-Ninh. Không ai nói một lời thương xót. Lâu lâu có lần bà nội tôi vô-tình nhắc đến, chẳng hạn: «Hồi xưa con Tám nó hay... (cô tôi thứ Tám)... Ngày trước, hồi con Tám nó còn...» nhưng chợt nhin về mặt lạnh lùng kín mít của những người có mặt, bà nội tôi vội im, bỏ đứt câu nói dở dang.

Vậy thì chắc chắn như hai lần năm là mười rằng tôi không thể mong có một bất ngờ nào mang lại hoạnh-tài cho tôi. Ngược lại, mọi cái bất- ngờ đều tổn kém cho tôi hết. Chẳng hạn thằng con leo lên ghế kéo ngã bẻ cái bình trà. Chẳng hạn vợ tôi làm bếp chặt nhầm ngón tay. Chẳng hạn có thông-cáo của Xã mời đồng-bào hôm sau tập trung tại sân vận-dộng để dự biểu-tình. Tôi nghi-ky DỊP MAY và THẦN TÀI. Trung-thành với tôi là những giọt mồ-hôi, những suối mồ-hôi đỏ cay con mắt, đỏ ướt vạt áo sơ-mi. Là sự đau mỗi nơi bắp thịt đùi, nơi thắt lưng sau một ngày cong

người ngồi trên cái yên xe và hai chân kĩa-kịt nặng nhọc đạp. Là những suy nghĩ âu lo cuộn khúc, quấn quai trong khối óc tôi. Tôi không tin ở DIP MAY. Nhìn con tôi ghêch mặt đợi chờ, tôi nói:

— Con hỏi làm chi?

— Cô giáo bắt học trò kê khai tên tuổi... tên cha mẹ...

Nó ngắt câu nói đến đó vừa trao tờ giấy in ronéo cho tôi. Đó là tờ «Phiếu lý-lịch của học sinh». Mọi khoảng trống đều đã được ngòi bút của nó lấp kín: tên họ học sinh, ngày sinh, nơi sinh, tên cha mẹ... Chỉ khoảng nghề nghiệp của cha là còn để nguyên. Một cảm giác khó chịu ùn ùn dâng lên hình như từ chạng vạc đổ lên đầu rồi tràn ra bao trùm lấy mặt. Nghề nghiệp của cha. Nghề nghiệp của tôi. Tôi có nghề nghiệp gì đâu? Thu tiền rác không phải là một nghề. Tôi nói, giọng ngập ngừng:

— Con cứ ghi là... thư ký.

Thư ký! Tôi tự ngượng với mình khi, lật qua lật lại chữ «thư ký» trong óc tôi thấy nó vương vãi như thân phận tôi không dụng nổi kích thước của nó. «Thư ký» là để dành cho những người đi giày da đen, áo Nyl-france và cưỡi Vespa vun vút. Người thư ký cạo râu có bôi bột xà phòng và đồ eau de Cologne xoa giữa hai bàn tay trước khi đi làm. Người thư ký mời nhau thuốc lá Ruby, — ít nhất là thuốc lá Ruby, — và ngậm kẹo chewing-gum khi nói chuyện với nữ đồng nghiệp. Tôi cách xa người thư ký bằng rất nhiều nghìn bạc. Quần kaki. Áo sơ mi popeline nội

hóa. Xăng-dan cao su trắng. Xe đạp cũ... Tôi...

— Sao con còn đứng đó?

— Con biên là thư ký hở Ba?

— Ừ. Hay là... Con cứ biên là «tư chức».

Tôi lẩm nhẩm: «Tư chức». Thời việc gì mà thắc mắc. Cô giáo đâu có biết tôi là ai để mà cần nhắc xem danh từ nào mới xứng hợp cho tôi.

Có tiếng vợ tôi quát to ở sau bếp:

— Để dành phần cho Ba mày. Có miếng nào ngon ngon mày ăn hết.

Tiếng thằng Đức, thằng con nhỏ của tôi:

— Con chỉ ăn cái cùi. Có cái cùi thơm mà mà cũng không cho.

— Cùi thơm để bằm trộn với mắm.

Quả là giọng nói của vợ tôi đã chát đi, đã chua đi như rượu ngon đã biến thành giấm. Hồi mới lấy nhau, giọng ấy ngọt, rót vào tai như tiếng con chim tình tự. Sự túng bấn vô tình đã là thứ vi-khuẩn Myco-derma aceti.

Tôi bước trở vào nhà sau. Thằng Đức, con Thúy Bình chạy ùa ra mừng. Tôi chọn những chữ thật đẹp để đặt tên cho con. Đó là món hàng xa xỉ độc nhất mà tôi có thể sắm cho chúng. Đặt tên đẹp không phải tốn tiền. Chỉ cần tra tự điển. Ít nhất chúng cũng được an ủi khi mang theo người món trang sức đó. Áo quần, giày dép, bút máy đồng hồ thì có thể sắm sau, khi nào có tiền. Tôi nghĩ: công tác làm cha mẹ, mình phải chia

ra từng đợt để thực hiện, y như xây cất nhà mà chưa có đủ tiền để làm một lúc. Có người làm nhà ngang trước, còn nhà lớn đợi làm sau. Có người làm nhà bấp nhà tiêu nhà tắm trước. Có người chỉ lo đồ được cái nền. Lựa chọn cái tên cho con, trước tiên, cũng quan hệ như khi xây móng. Lắm người đồ đạc cao, làm chức vụ lớn mà trót mang một cái tên xấu xí không còn sửa chữa được nữa khiến họ phải ân hận.

Thằng Đức khoe :

— Con đã làm được hai bài tính rồi, Ba ơi.

— Ừ.

Con Thúy Bình giật giật tay tôi :

— Con đã viết tập đủ một trang. Ba lên xem.

— Ừ. Ừ. Để tí nữa ba xem.

Đi thu tiền rác quả thật không phải là một nghề. Ai cũng có thể thay tôi được, vào bất cứ lúc nào. Tranh sống với tôi là mọi người đàn ông đủ sức đạp nổi chiếc xe đạp và viết gầy gọn một bức thư tình. Nhưng tôi có quyền đòi hỏi chi hơn. Chiến tranh âm ỉ vụt nổi vụt tắt trong suốt ba năm ở quê tôi, nay ào ạt bùng bùng như những ngọn lửa gặp gió. Mọi người chạy tản lạc bỏ cả nhà cửa, ruộng nương. Ông Nhân, thư ký Hội đồng Xã chạy ra Đà Nẵng làm phu khuân vác cho Hãng hàng không Việt-Nam. Anh Bá hương sư ăn lương ngân sách Xã thì chạy vào La-gi tá túc nơi họ hàng bên vợ đồ bánh bèo bánh căng độ nhạt. Gia đình rất đông con

của ông Phó tổng Vịnh tìm nơi trú ngụ không có, phải liêu dụng nhà bên bờ đường với một số đồng những gia đình khác đồng cảnh ngộ. Ty Cảnh-sát lập biên bản phạt đủ tội : xây cất không có giấy phép, phạm lộ giới, chiếm đất bất hợp pháp... Nhưng những lỗ tai quen với tiếng nổ long trời của bích-kích pháo và đạn ca-nông 105 ly đâm ra lớn với tiếng nói mực thước của Luật-pháp. Phạt tiền không có hiệu quả, phải dùng đến phạt giam. Đàn ông khôn khéo lánh mặt hết để cho đàn bà bế con nít lếch thếch theo Cảnh-sát vào trại giam. Đêm đến, đàn ông xuất hiện, dựng cột, dùng vách, lợp mái tôn. Tiếng búa đóng đinh chan chát. Như ở trong truyện cổ tích, cái khu phố bí mật này dựng ra toàn trong đêm đen. Cuối cùng nó cũng thành lập Liên-gia đại biểu như ở những khu phố hợp pháp khác và lũ trẻ con đã chạy chơi không chút e sợ trước sân các bà mẹ đã vạch vú cho trẻ bú trước hiên. Thế là ông Phó tổng Vịnh yên tâm để chuyển sang nghề làm thợ mộc. Biết bao nhiêu bà con khác ở quê tôi phân-tán đi đến miền nào tôi chưa biết hết. Giống như những mảnh giấy vụn bị gió lốc cuốn đi, có mảnh bay xa có mảnh tấp gần, trên các chặng đường ra vô lên xuống họ đều hiện diện. Và xơ xác như những mảnh giấy.

Vậy đích thực là tôi không có quyền lựa chọn. Tôi bằng lòng với thân phận mình lọc cọc trên một

chiếc xe đạp lở lói. Khu hoạt động của tôi là một khu tàn lập trước đây là bãi cát hoang và nghĩa địa. Từ ngày có phong trào di cư, người đến đông ở chật thành phố nên chính quyền phân lô cấp những khoảnh đất cát đầy mỡ mã và gai ma vương mọc ó này cho những tàn nghiệp chủ. Nhà mọc lên thay thế những ngôi mộ. Người sống giành chỗ của người chết. Đường cái chỗ lồi chỗ lõm, xe tôi phải nghiêng răng ken két để leo lên những cái dốc liên tiếp. Nhiều lần đang xỏ dốc ngon trớn, bỗng chạm vào một mô đất cao, cả xe và người tôi đánh bật thối lui tưởng như giàn xe và xương sống tôi có thể gãy đi được. Nắng đổ xuống mặt đường hoa cả mắt. Tôi phải nhắm mắt từng chập để tưởng tượng mình đang đi dưới những hàng cây xanh thả bóng mát yên tĩnh xuống lưng người bộ hành. Nắng. Nắng. Nắng quanh năm. Thân chủ của tôi không mấy người hòa nhã. Một bà di cư to béo phịch tru tréo lên khi nghe tôi tự giới thiệu:

— Giời thần ơi! Nhà cháu có bỏ rác ra đường đâu mà ông bắt giả tiền rác. Vườn nhà cháu đất trũng thành ao thành hồ, nhà cháu phải đi xin rác của hàng xóm đổ vào cho đầy.

— Nhưng mà thành phố đã đặt ra lệ thu tiền rác, — tôi ôn tồn ngắt lời.

— Nhà cháu nghèo ăn uống rau dưa chả có tí đầu tôm xương cá nào vất bỏ cho xe rác cả. Góc rau rế rau nhà cháu để dành băm cho lợn cho vịt ăn. Đây, ông không tin thì xin mời ông bước ra sau ..

Bà kéo tôi đi ngay ra nhà sau, không cần biết tôi có ưng thuận hay không. Tôi phải khó nhọc lắm mới gỡ được bàn tay sức lực và cả quyết đó.

Một ông công chức thịnh nộ bảo tôi:

— Đường chưa rải đá thì luật lệ đâu lại bắt trả tiền rác.

— Dạ, đây là Tòa Tỉnh thể theo lời yêu cầu của các Liên gia đại biểu xin phái xe rác đến để dọn rác cho đồng bào.

— Cả đại biểu tôi chẳng có Liên gia nào yêu cầu hết.

Ông nhìn thẳng ra sân mà nói, không thèm ngó đến tôi nữa.

— Dạ, chúng tôi đi thu tiền rác ở xóm này đã được nửa năm nay rồi ạ. Trước đây thì tôi đi thu ở khu Sân Bay còn khu này có người khác đi. Dạ, thế ra từ trước đến giờ ông chưa trả tiền rác tháng nào hết?

Ông công chức im lặng, đôi lông mày vẫn còn nhíu. Nhưng không còn vẻ giận dữ nữa mà thay vào đó là một sự bối rối, một sự lúng túng. Ông đằng hắng thật to vừa gọi con như quát:

— Lũ nhỏ đâu. Vào lấy cái vi ra đây cho tao.

Không có ai tử tế đón tiếp tôi. Ít ai mời ngồi. Lắm khi phải đứng ở hiên kê bút lên chiếc cặp da để viết biên lai. Nhiều nhà hẹn:

— Mời ông hôm sau đến. Hôm nay vợ cháu đi vắng. Hoặc:

— Ông chủ đi làm không có ở nhà. Mời ông bữa khác tới.

Tôi thoáng thấy bóng của « người đi vắng » đang lục đục ở trong bếp

hoặc nói chuyện ồn ào ở nhà ngang. Nhiều nhà cửa cổng khóa kỹ, gọi khản cả tiếng mà không ai mở. Ở xóm Mới nhà nào cũng nuôi chó, nhà ba con, nhà đôi con. Lúc nhỏ đi học tôi trót học thuộc bài Bệnh đại nên cứ thấy chó là sợ. Nhưng biết làm sao? Chỉ còn trông nhờ nơi Số mạng.

Sau bữa cơm trưa nuốt vội vàng, tôi nằm lên chiếc di-văng gỗ lơ mơ nghĩ đến Huế. Sáng nay khi gõ cửa một căn phố ở cuối đường Lê Đại Hành, tôi giật mình khi cửa mở tôi thấy có hai người đang ôm nhau hôn. Người đàn ông là một quân nhân Huế-kỳ da mặt đỏ và tóc màu hung như râu bắp. Người đàn bà mặc pyjama đứng cao mới đến ngực người đàn ông. Họ hôn nhau rõ lâu bất chấp có tôi đứng đó. Khi họ rời nhau ra, người quân nhân bước vội ra sân và người đàn bà lạnh lạnh nói:

— *Tu nai, nhè Johnny? Ai quây pho iu, nhè? Bai bai...*

Tôi giả như đang mãi nhìn một khoảng khung trời xa. Khi chiếc xe rồ máy lao vút đi, tôi quay lại. Người đàn bà trần trần nhìn tôi:

— Ông... Ủở, anh Bân.

Tôi ngạc nhiên:

— Dạ...

— Anh không nhìn ra em sao? Em là Huế đây mà.

— A! Huế. Tôi reo lên.

— Có lẽ đến bảy, tám năm rồi em mới gặp lại anh.

Huế mời tôi vào nhà. Căn nhà treo quá nhiều rèm, màn thêu hoa vẽ hoa sắc sỡ, kín đáo như một cái

hang. Mùi nước hoa thơm ngát. Mặt Huế bôi nhiều phấn và mi mắt có nét bút chì vẽ xéch lên khiến tôi nghĩ đến đôi mắt của con chim bạc má... Huế đưa thuốc lá mời tôi hút rồi nàng đi vào phòng sau. Tiếng nàng hỏi vọng ra:

— Anh uống gì để em đem ra? Gin nhè? Hay Whiskey?

Tôi nói:

— Cám ơn em. Anh không uống được rượu mạnh.

— Thế thì uống Coca.

HUẾ đẹp và thơm ngời cạnh tôi. Cốc Coca đặt trước mặt.

— Anh đi đâu vào giờ này mà ngẫu nhiên em lại được gặp?

— Ở... Anh đi tìm nhà người quen.

— Ở địa chỉ này phải không? Chắc hẳn ở đây trước em. Em mới dọn về được mười ngày.

— Người Mỹ lúc nãy là...

— Chẳng chồng em đó. Nó làm ở Lực lượng đặc biệt. Tử tế lắm. Nó hẹn khi nào về Huế kỳ nó sẽ đem em theo.

Huế lấy chồng Huế kỳ! Thật khó ai ngờ được cũng như khó ai ngờ rằng hôm nay tôi là nhân viên di thu tiền rác. Con của một ông Thông phán, cháu nội của một ông Lãnh binh.

— Thỉnh thoảng em có về quê không?

— Biệt! Vả lại, về để làm gì? Quê hương hẹp hòi như cái đáy lờ, như cái vũng nước, con cá quay qua trở lại không có chỗ vẫy vùng.

— Em cần cả một đại dương?

— Vâng. Em sẽ vượt Thái bình dương. Với Johnny. Mời anh uống. Em lấy thêm hai chai nữa cho anh.

Tôi giơ một bàn tay ra ngăn:

— Thôi, bấy nhiêu đây đủ rồi.

— Bây giờ anh làm gì?

Huệ chống một tay lên cằm chia mắt sát lại gần tôi. Đôi môi đỏ hé mở như vết thương.

— Anh làm... lãng nhãng. Chả ra chi. Minh chạy tản cư đến chỗ lạ, may có việc làm ăn là đủ qui rồi.

— Không ngờ anh mà cũng phong trần. Nhưng anh có chữ nghĩa nhiều nên tìm việc không đến nỗi khó.

Tôi nuốt vào một nỗi thẹn thùng, một niềm tủi nhục xót xa. Không có nước bọt chạy kèm theo vào thực quản. Huệ tưởng đâu tôi vẫn giữ được phong độ như ngày trước.

Thấy tôi đưa mắt nhìn những lớp màn, những lớp rèm vây quanh chi chít, nàng nói:

— Căn nhà hẹp quá phải không anh? Ở không đủ. Thuê mỗi tháng năm ngàn đồng. (Chết! Gấp đôi số lương của mình, tôi nghĩ). Em nhờ người đưa mối tìm thuê một ngôi nhà có vườn chừng mười ngàn mỗi tháng

Những con số ngàn như có chiều cao trong trí tưởng tượng của tôi. Những chồng giấy bạc. Những cột giấy bạc. Phần lương tháng của tôi mỏng như một chiếc dép cao su trẻ con vất bỏ nơi những đồng rác ở các góc phố. Chưa đếm đã vội hết. Cứ độ hăm lăm mỗi tháng, vợ tôi thường

lục tung nhà cửa vừa hò hét trẻ con, tưởng chừng có lỗ thủng ở ngăn kéo cất tiền.

Ngày còn đi học, Huệ yêu tôi. Chúng tôi hôn nhau hai lần và tôi giữ chiếc khăn mùi xoa của nàng. Thầy tôi không muốn tôi cưới Huệ vì mẹ Huệ mê cờ bạc và đồng bóng. Chúng tôi xa nhau. Huệ lấy chồng.

— À, anh ăn cái gì với em nhé? Em chưa kịp ăn sáng. Đêm qua đi nhảy về khuya, ngủ mê mệt.

Huệ đi lại mở tủ buffet đem bày ra bàn đủ thứ lon, đủ thứ lọ. Nàng bắt tôi ăn sáng-uych, bơ, phó-mát, uống bia đóng hộp, nước nho đóng hộp. Tôi nhìn xuống cánh tay béo lẳn trắng mịn của Huệ. Cái cổ no tròn như nặn bằng mỡ đặc. Viên hồng ngọc ở mặt nhẫn loé lên làm tôi lưu ý đến những ngón tay béo trắng thon thon. Huệ ngừng ăn, trầm ngâm một giây rồi chậm rãi nói:

— Em nhớ ngày chúng mình lén gặp nhau ở sau rộc rau muống. Từ ngày đó đến nay, em chưa bao giờ thấy có lần nào trời xanh trong và lá xanh mát như buổi chiều hôm ấy. Anh hôn em...

Nàng im lặng. Khi tôi ngừng nhìn nàng thì thấy mắt nàng lã chã nước mắt. Nàng nhếch một nụ cười:

— Em bây giờ ăn nói li lợm, anh đừng cười nhé? Xã hội không coi em ra gì thì em còn ăn nói văn hoa nghiêm chỉnh với ai? Phải văng tục. Phải ầu tả. Phải *hello okay*. Phải *tiên sư mày*, phải xưng *tao*. Phải hôn chùn chụt, phải cười dĩ thỏa. Em đâu có thích? Em muốn mơ mộng lãng mạn

như hồi xưa, hồi chúng mình yêu nhau lần đầu, hồi anh hôn em rụt rè với đôi bàn tay ngượng nghịu.

Nàng bồng bật cười:

— Anh nhớ lúc bấy giờ anh hôn em như thế nào không?

Tôi lắc đầu.

— Anh để mũi vào má em rồi hít dài như người ta hôn trẻ con.

Tôi cũng bật cười và thấy xốn xang ở nơi mắt của mình. Tôi nhớ lại mùi thơm của cái hôn đầu tiên đó. Lúc bấy giờ chỗ chúng tôi ngồi có mấy bụi é rừng, chúng tôi đưa nào cũng bứt từng nắm lá é vò giữa những ngón tay rồi để lên mũi ngửi. Khi tôi kính cần hôn lên má Huệ, tôi nghe mùi thơm cay của é rừng lẫn với mùi da thịt ấm áp nồng nồng.

Huệ nói:

— Đời em hồng rồi. Lấy thằng Huệ kỳ hay Huệ kiều hay Việt nam gì rồi cũng lê lét thân tàn cho đến ngày xuống lỗ.

Nàng hít dài một hơi thuốc lá.

— Anh với em thì cách biệt nhau quá xa rồi, mỗi người ở mỗi điểm trên một đường thẳng. Khi không được lấy nhau thì chúng mình như hai động tử nghịch chiều cứ mỗi ngày mỗi xa cách thêm. Thật là họa hoằn lắm mới gặp nhau được như hôm nay. À, lúc nãy anh bảo anh hiện làm gì?

Có nên thú thật với Huệ không? Trả lời rằng: Anh đi thu tiền rác? Không được. Huệ vẫn còn giữ tình yêu với tôi, vẫn còn nhìn về khung

trời màu xanh với rộc rau muống và cái hôn đượm mùi é rừng. Không. Tôi lắc đầu. Thà tôi thất nghiệp.

— Sao anh lắc đầu?

— Ờ! Anh làm việc nhi nhắng. Cũng có thể coi như đang thất nghiệp. Cuộc sống khó khăn, chiến tranh đầy quá nhiều người về dò thị...

Tôi nói lảm nhảm rất nhiều để tránh phải nói đúng điều tôi muốn nói.

Huệ nắm lấy tay tôi:

— Được rồi. Để em liệu tìm việc cho anh. Sở của Johnny tuyển người luôn luôn, nhưng để em vận động cho anh vào làm ở cơ quan dân sự cho nhàn hơn.

Cho đến lúc chia tay, Huệ không hỏi một lời nào về gia đình tôi hết. Có phải vì thi giờ chật hẹp, vì có nhiều kỷ niệm ngày xưa cần gợi lại hay vì những lý do tâm lý nào khác? Huệ không muốn có ai xen vào giữa chúng tôi? Có lúc nàng cầm hai tay tôi rõ chặt, rõ lâu rồi nói:

Phải chi em có thể nắm chắc hai tay của anh mãi mãi như thế này, khỏi phải bỏ ra. Em không cần ăn. Không cần sung sướng. Không cần sống.

Tôi đưa mắt tìm một tấm gương soi lớn để ngó xem tôi có xứng đáng không với tấm lòng thiết tha của Huệ. Nhưng đồng thời tôi lại sợ: nếu nhìn vào tấm gương, e tôi phải vội vàng kéo lui đôi tay của mình.

Tiền ra đến cổng, Huệ dặn:

Hôm nào anh đưa em về nhà quê

chơi một ngày. Suốt một ngày. Nhà quê nơi nào cũng được, của ai cũng được.

Huệ trao tay cho tôi bắt.

Khi ngồi lên xe đạp, tôi cảm thấy không còn đủ sức để đạp nữa trên những con đường lồi lõm chang chang ánh nắng. Tôi không còn đủ can đảm để tiếp tục đi gõ cửa những nhà còn lại, chia tập biên lai và đọc câu phù chú: « Xin bà cho tiền rác tháng này ». Tôi chán nản hết: công việc, trách nhiệm, âu lo. Nhưng đồng thời sao lại có một niềm hi vọng mới, một sức mạnh mới len lỏi trong tôi như một giầy leo lườn tránh bao nhiêu thân cây rậm rạp để ngồi lên ánh sáng.

Tôi ghé lại một quán nước, gọi một chai 33 và ngồi suy nghĩ mông lung. Óc tôi thoáng đầy đặc, thoáng trống rỗng. Tôi quần quai trong một hiện tại nhiều biến cố, thong thả trong một quá khứ có những khoảng mát. Tôi nghe phảng phất mùi thơm cay của lá é rừng vò nát trong ngón tay. Và câu nói của Huệ. Tôi lầm bầm nói lại với nàng:

— Huệ ơi! Chúng ta hôm nay không còn ngày thơ nữa. Thân em giang hồ và thân anh dọa dầy. Nền anh tin chắc chắn là lần sau anh sẽ hôn em đáng hoàng hơn. Không còn để mũi vào má em rồi hít như người ta hôn trẻ con nữa đâu.

VÕ HỒNG

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

NGUYỆT SAN VĂN NGHỆ do LÁ BỒI XUẤT BẢN

Thư từ, bài vở, ăn phàn xin gửi về :

Bưu phiếu xin để :

Trương Phú

HOÀI KHANH

Hộp thư 935 — Saigon

NGÀY TRỞ VỀ CỦA ĐỨA CON HOANG

Trong *Thăng Thuộc*, con nhà nông, tôi đã ghi một ký-ức :

«Năm ấy (năm 1918), có người gánh vào xóm tôi những cuốn *Kinh thánh* mà bán. Mỗi cuốn mỏng mỏng, độ sáu bảy xu, kẻ cũng rẻ, nên tôi xin tiền mua trọn bộ. Tôi đọc mê say. Không phải mê những giáo điều, mà từ ấy nhân này, tôi chưa chấp nhận, lại mê cạnh khía văn chương của các sách ấy. Những giáo điều cao thâm của tôn-giáo ấy, Jésus đã mượn những ngụ ngôn mà dẫn dụ cho muôn ngàn người, dầu thật học đến đâu, cũng có thể lãnh hội.»

Ba mươi năm qua. Năm 1948, ở Hà-nộ về, tôi lại dở *Kinh Thánh* mà đọc lại một đoạn, mà tôi đã quen với lời văn, nhưng gợi được một cảnh hao hao giống như cảnh lòng của tôi năm ấy. Tôi xin chép lại :

«Người kia có hai con trai ; đứa út nói với cha rằng : «Thưa

cha, xin cho con phần gia tài con đáng được». Người cha bèn chia gia-sản cho chúng nó. Cách chưa bao nhiêu ngày, con út tóm thâu hết, đi phương xa, ở đó ăn tiêu phóng đảng, phung phí gia-tài mình. Khi đã xài phí hết cả rồi, xảy gặp trong xứ có cơn đói kém lớn, thì nó mới túng thiếu, bèn đi ở bảm một công dân xứ đó. Người đó sai nó ra đồng chăn heo. Nó rất mong lấy võ đậu của heo ăn mà thốn cho đầy bụng, nhưng chẳng ai cho. Khi nó tỉnh ngộ, bèn nói rằng : «Biết bao người làm thuê cho cha ta được bánh dư dật, mà ta đây phải chết đói ! Ta sẽ đứng dậy trở về cùng cha mà thưa rằng : Cha ơi, tôi đã phạm tội với trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con của cha nữa ; xin đãi con như đứa làm thuê của cha vậy.»

«Nó bèn đứng dậy mà về cùng cha. Khi còn ở đàng xa, cha

thầy nó thì động lòng thương xót, chạy ra ôm lấy cổ mà hôn riết. Con thưa cùng cha rằng: «Cha ơi, con đã phạm tội với trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con của cha nữa». Nhưng người cha bảo các đày tớ rằng: «Hãy mau mau lấy áo dài tốt nhứt mặc cho nó, đeo nhẫn vào tay nó, mang dép vào chơn nó; rồi hãy bắt bò con mập làm thịt đi. Chúng ta hãy ăn mừng, vì con ta đây đã chết mà lại sống, đã mất mà lại tìm được» (*Tin lành theo Lu-ca 15 : 11-24*)

Năm 1948, đọc lại đoạn ấy, tôi cảm động ra nước mắt.

Trong gia đình dân tộc Việt-Nam, năm 1930, tôi đã rời bỏ gia - đình mà «đi phương xa», không phải để «ăn tiêu phóng đãng». Tôi nhập vào cái mê-ly-đồ của chủ nghĩa Mác - Lê, lầm tưởng đâu là vào đó là nắm được phương tiện để giải-thoát cho cả gia-đình. Lòng vồn như vậy, nào phải đã hư-hèn gì? Nhưng bởi tôi đã lầm, thì tôi cũng cam chịu tiếng tôi là «đứa con hoang» hư - hỏng. «Đi phương xa», hai năm 1945, 1946, tôi đã ở Hà-Hội. Về vật-chất, cộng-sản đãi ngộ tôi rất tử-tề. Song về tinh-thần, thân phận của tôi chỉ là thân phận của đứa «ra đồng

chăn heo... mong lấy vỏ đậu của heo ăn mà thốn cho đầy bụng. «Rồi tôi về, nhưng về, tôi không gặp sự niềm-nở hiển-từ của người cha, bắt con bò mập làm thịt mà đãi mừng vì tôi đã chết mà sống lại, đã mất mà lại tìm được... Luôn luôn, tôi bị ném đá, nếu không phải bị tát nước dơ vào mặt. Tinh-thần tôi không gặp sự niềm-nở hiển-từ, mà thể xác tôi thêm không được đãi ngộ như cộng-sản đã đãi ngộ tôi năm 1945-1946.

Vì vậy mà tôi sa nước mắt.

Vì vậy mà đau lòng, tôi xuất ngoại.

Xuất ngoại, tôi nào có mang được quê - hương theo đê giày của tôi? Nơi quê người, vất-vả lắm mới kiếm đủ ăn mặc cho một gia - đình khá đông, mà hề buông ra là tình quê-hương ám-ảnh. Năm 1950, có một bạn trẻ mắc kẹt trong Liên-khu V (Nam, Ngãi, Bình, Phú), bấy lâu nay tưởng tôi đã chết, thỉnh - linh được một mảnh nhứt trình cũ, thầy nói tôi còn sống ở Saigon. Bèn chẳng kể hiểm nguy, vượt bao nhiêu trở lực để rời khu về Sài-gòn, tưởng đâu là gặp tôi. Té ra nghe được là tôi vì khổ tâm mà bỏ xứ. Nghiến - ngấm trót mây tháng, bạn ấy mới viết

thơ cho tôi. Đại ý nói rằng «dân tộc không chấp anh mà ném đá anh, thì anh hãy ở luôn bên này; không lo cho dân tộc được, thì lo cho sự-nghiệp văn-hóa của riêng anh vậy!»

Nhưng lòng tôi nào có cho phép tôi lo riêng cho sự-nghiệp văn-hóa của cá-nhân tôi? Phóng dân tộc chịu sò phận của dân tộc Chàm, bị bôi trên những trang sử tương-lai thì tên mình đâu có ghi trên một cuốn sổ mà mỗi tờ đều làm bằng vàng, đời sau cũng chẳng ai khen một «vĩ nhân một nước đã mất». Năm 1930, lúc mới hai mươi tuổi, tôi đã từ chối việc làm «vĩ nhân của một dân tộc mất nước», tôi đã từ bỏ sự - nghiệp khoa học, để dần thân vào đường hành-động, thì hai mươi năm sau, 1950, lẽ nào tôi hốt lại bát nước đã đổ. Tuổi bốn mươi chưa phải tuổi già! Lòng như vậy, song cảnh bị ném đá lại cũng làm cho tôi rất sợ khi trở về, lại cũng bị ném đá nữa.

Tôi an-ủi tôi rằng lúc này là lúc quân - đội viễn chinh Pháp ngự-trị. Sau lưng kẻ ném đá tôi có những bàn tay ngoại-quốc giật dây. Nên tôi chờ...

Tôi chờ đến khi có ngưng chiến 1954.

Năm 1954, sau hồi ngưng chiến, Việt kiều ở Paris rộn-rịp lo về Hà-nội. Có người rủ tôi đi về ngoài này. Tôi ra ngoài này mà làm gì? Để mà sống lại cái cảnh «ra đồng chăn heo... mong lây vỏ đậu của heo ăn mà thốn cho đầy bụng» một lần nữa chẳng? Nếu phải về, thì về Sài-gòn. Nhưng tôi còn sợ ném đá, bị tát nước dơ vào mặt. Tôi chờ đợi cho đến tháng XI, bốn tháng sau cuộc ngưng chiến mới quyết-định về.

Những tưởng những sợi dây do bàn tay ngoại-quốc giật không còn nữa, hay bớt nhiều lắm rồi, không dè một cái lưới khổng-lồ chụp lên tôi, không khác nào lúc nhỏ tôi bủa lưới mà chụp bắt se-sẻ. Về nước không đầy năm tháng, tôi mất tự-do, suýt theo ông bà. Theo ông bà, có gì mà đáng buồn, vì ai cũng phải chết một lần. Mất tự-do, dường như tôi đã quen ở tù rồi, sau ba lần tù dưới chế-độ thực-dân. Nhưng tôi sợ hơn hết là sợ bị ném đá, sợ bị tát nước dơ vào mặt. Thế mà lần này, Ngô-đình-Nhu tổ-chức một cuộc ném đá và tát nước dơ đại qui mô...

Tôi nhớ lúc Jésus lên núi Ô-li-ve, người ta dẫn đến một người đàn bà bị bắt tại trận về «tội ngoại tình». Với câu phán

bắt hủ rằng «Ai trong các người là vô tội, hãy ném đá nàng trước đi» (Tin lành theo Giăng 8 ; 7), Jésus đã làm cho chúng thẹn, đều ra đi, không ai định tội cho nàng đã ngoại tình. Tôi lại xét tôi. Từ thuở bé, tôi chưa hề mắc «tội ngoại-tình» với ngoại-bang. Trong vụ khói lửa đỏ - thành năm 1955, bề ngoài của vụ gieo cho tôi cái oan ấy, sớ phận đã như vậy, âu cũng nhẫn tưng mà mang cái oan tày với cái oan của Quan - Âm Thị - Kính. Nhưng không khỏi tủi sao chẳng có ai là Jésus, mà cất tiếng hỏi «Ai trong các người là kẻ chưa từng phạm tội ngoại-tình với ngoại-bang ?», tủi sao lời của Jésus thốt lên giữa sườn núi Ô-li-ve, vang khắp đó đây hơn một ngàn chín trăm hai mươi mấy năm, lại không có đội đèn lương tâm của kẻ cầm bút mà viết những như bản để bôi xấu tôi ngàn đời.

Mang cái án tử - hình, tôi không sợ. Bị bôi xấu một cách đại qui mô, tôi rất tủi. Tủi quá, muốn quên sự tủi nhục, tôi cố gắng làm một việc mà tôi chưa từng biết làm : viết tiểu-thuyết. Ngày nào, tôi cũng nạo óc mà nhả ra hai mươi trang. Song, tủi nhục dấn-dập, bị nén, nó trả thù. Nó làm cho tôi điên lên. Cơn điên của tôi làm cho nước

ngoài hay, đánh điện can thiệp. Chánh-phủ rồi, phái người điều-tra. Phúc trình lại rằng tôi «giả điên»... Phước đức ông bà để lại, tôi hết điên. Nhưng nghe rằng phúc trình báo rằng tôi đã «giả điên», tôi không dám nén tủi nhục nữa. Tôi đã để tủi nhục chèn-ngự tâm-hồn tôi, tinh-thần sứt, thể xác suy, từ ấy sức khỏe của tôi cứ giảm thêm hoài...

Cũng may là sau khi thả ra, chút tình của bè bạn chung-quanh tôi xoa dịu, tôi quên những viên đá ném, những mẻ nước dơ tạt vào mặt, mà sức khỏe bình phục lại. Tôi muốn chen vào sự sống muôn màu. Một bạn cũ, là Trần-văn-Hương, mắt kẹt trong một cái ghếnh chánh-trị, tôi thài-lai viết một bức thư khuyên can, thì đá tới tấp rơi vào mình, nước dơ tạt vào mặt. Sợ quá, tôi rút lui, không dám hó hé.

Ngồi nhà mà buồn một cái buồn mênh - mông, thì các vị thượng-tọa lãnh đạo Viện Đại-Học Vạn-Hạnh đến tận nhà mà mời cộng-tác. Tôi không tin một giáo điều nào cả, nên tôi không thể đi tu. Ngay đến Phật-giáo là một tôn-giáo không giáo điều, tôi cũng không tin nổi nếp tu-hành đang phổ biến, nên tôi

cũng không thể cạo đầu, mặc nâu sòng mà tụng kinh gõ mõ. Tôi vì dám thanh-niên, tôi lại tưởng rằng muốn tạo cho Viện Đại-Học Vạn-Hạnh một sắc thái dân-tộc (như các nhà lãnh đạo muốn), thì ít ra, người cộng-tác phải không «mắc tội ngoại-tình». Nên tôi nhận. Nào dè đâu, sau khi nhận ấy, từ tứ phương, đá ném tới vào mình tôi, nước dơ tạt vào mặt tôi.

Tôi hãi quá! Bây lâu nay, tôi thường nghe người ta dạy rằng bởi sợ hãi mà phát sanh ra sự tin tưởng tôn-giáo. Nên tôi nhớ lại *Kinh Thánh* mà tôi đã đọc lúc chưa đầy mười tuổi, và tôi đã mê như mê *Bích Câu Kỳ Ngộ*. Lời phán của Jésus: «Ai trong các người là kẻ chưa từng phạm tội...» sao hồi xưa có thể dừng tay những kẻ ném đá, còn bây giờ? Lời ngụ-ngôn của Jésus nói lòng khoan dung của người cha, vừa gặp đứa con hoang về, là giết ngay con bò mập mà đãi, sao hồi xưa có thể có được, còn bây giờ? Bây giờ, mỗi lượt tôi hó hé gì, thì đá rơi vào người tôi. Bây giờ, đứa con hoang là tôi sau chín năm «đi phương xa», đã trở về đúng tháng sáu năm 1939, mà chưa được chứng kiến việc giết con bò mập. Có tương quan gì giữa việc không giết con bò mập và việc ném đá tôi chẳng? Không có ai muốn cho

tôi «trở về» chẳng? Một người đã chia thân phận từ tứ-hình như tôi, nay làm Tổng-Trưởng Bộ Chiêu-Hối... Tôi hoài nghi nốt hiệu lực của công việc «chiêu hối» của ông bạn, nếu «họ trở về» mà thấy số phận của tôi, trở về đã hai mươi sáu năm mà chưa được ăn «thịt bò mập» tượng-trưng cho sự tha thứ. Hoài nghi chánh-sách chiêu-hối của người, tôi hoài nghi luôn chánh-sách chiêu-hối của tôn-giáo. Tôi hoài nghi cả cái tôn-giáo tự thân (la religion en soi) : hai ngàn năm trước còn có người lành, tôn-giáo càng phổ biến thì người càng khó sống. Cho hay, lập luận của các nhà lý-thuyết dạy rằng sợ hãi phát sanh ra tư-tưởng tôn-giáo là không đúng. Càng sợ hãi, tôi càng tách xa tôn-giáo.

Tôn-giáo chỉ có đền với tình thương. Tôn-giáo không thể đền với sự sợ hãi. Gần năm mươi năm nay, tôi có nhiều cảm-tình *Kinh, Thánh*, nhờ những mẫu chuyện nhỏ nhỏ như hai mẫu chuyện mà tôi kể ở trên. Tôi những ước mong cho câu: «Ai trong các người là kẻ chưa từng phạm tội...» dừng được những viên đá ném vào người tôi. Hai mươi sáu năm nay, «đi phương xa» mà trở về, tôi mong được thịt bò mập. Tôi mong tình thương, chớ tôi nào mong bị ném đá?

Các tôn-giáo mà tôi cho là thiêng-liêng hơn tất cả các tôn-giáo, là cái đạo thờ tổ-quốc, cũng không thể xây dựng trên sự sợ hãi. Đạo thờ tổ-quốc phải xây dựng trên tình thương. Tổ-quốc là cái gì? Nếu các đứa con «đi phương xa» mà trở về, chẳng được ăn bò mập mà chỉ lãnh đá ném? Có bao nhiêu người được cái nhân từng của tôi, trở về đã được hai mươi sáu năm, chưa được ăn bò mập, tượng-trưng cho sự khoan dung, mà chỉ lãnh đá ném? Mượn những tôn-giáo có giáo chủ mà dẫn dụ đền các tôn-giáo không giáo chủ là đạo thờ tổ-quốc, mượn những tôn-giáo có giáo điều, mà dẫn dụ đền tôn-giáo không giáo điều mà chỉ có tình thương tổ-quốc, mượn những tôn-giáo có giáo-hội mà dẫn dụ đền các tôn-giáo không có giáo-hội này, tôi ước mong sao cho cái đạo vì tánh cách thiêng-liêng, chỉ có tánh cách đạo, mà thoát được, vượt được tánh cách tôn-giáo.

Thời xưa, thờ đạo tổ-quốc đã có những tín-đồ hiển trứ như bà Trưng, bà Triệu, như Lý-thường-Kiệt, như Trần-quốc-Tuần, như Lê-Lợi, như Nguyễn-Huệ. Đạo thờ tổ-quốc đó có người đặc-đạo. Thời nay, nếu tín-đồ của đạo này chẳng chịu giết con bò mập mà đái những đứa con «đi phương xa» trở về,

mà mỗi người thủ một đồng đá để ném chúng nó, thì đạo này cũng như các tôn-giáo kia, quả thật đã đền hồi «mạt pháp».

Tôi không biết trong hồi mạt pháp của các tôn-giáo, còn có thể nào có người đặc-đạo trong tôn-giáo ấy chẳng? Nhưng tôi chắc-chắn rằng trong đạo thờ tổ-quốc, nếu đã đền hồi mạt pháp, thì nương nơi thời thế nào mà kẻ áo vải phật cờ đào được? Nếu tất cả đều «mắc tội ngoại-tình», như người đàn bà mà Jésus binh vực, nếu tất cả đều có mặc-cảm đều phạm tội mà riu-riu rút lui, thì trên cái trống không, ai leo lên mà đứng được? Thờ tổ-quốc cốt ở chỗ thuần thành, mà thành-công nơi chỗ đại-chúng hóa.

Đừng ném đá đòi với kẻ «đi phương xa» mà trở về. Giết bò mập mà tỏ dạ khoan dung và tình thương. Xây-dựng trên nền-tảng ấy, đạo thờ tổ-quốc có thể hòa-đồng với tất cả tôn-giáo nào xây-dựng trên khoan dung và tình thương. Ở trong xứ, đạo thờ tổ-quốc hòa-đồng được với các lực-lượng tôn-giáo này. Ở ngoài nước, đạo thờ tổ-quốc sẽ có nhiều đồng-minh.

Muôn «Giữ Thơm Quê Mẹ», thì khắp đâu đâu, tín-đồ của đạo thờ tổ-quốc đột xông lên trăm hương của khoan dung và tình thương. Bởi vì, chỉ có khoan dung và tình thương mới có mùi thơm. Còn căm hờn và hận thù bao giờ cũng tanh mùi máu.

NHẬT HẠNH

SƠ Ý

Bé Dũng nhảy tung tăng trên con đường đi đền ngọn đồi trước chùa Thanh Tịnh. Chú điệu Hương đã hứa với Bé chiều nay đưa Bé lên đồi chơi và hái hoa. Chú đã dặn với Bé rằng sau khi tan học thì Bé đến dưới chân đồi, có chú đợi ở đây. Chiều nay bãi học sớm hơn mọi hôm một giờ, Bé đã tạt vào nhà cắt sách vở và uống một ly nước mưa, nhưng hình như vẫn còn sớm. Nắng vẫn còn nhuộm đủ ngọn đồi. Nhưng gió chiều đã thổi. Trời cũng mát như buổi sớm mai, và cũng hồng như buổi sớm mai. Con đường tới chùa ngoan ngoãn nằm dài, in hình bóng cây bóng lá.

Bé đã đến dưới chân đồi. Nhưng lạ chưa, cảnh vật hình như thay đổi. Mái tam quan vẫn in hình mờ nhạt trên ngọn đồi bên kia. Nhưng ngọn đồi bên này hình như không còn nữa. Bé thấy một đồng cỏ xanh tận ngút ngàn, cỏ mượt như nhung và màu xanh quỳn rũ Bé một cách lạ lùng. Bé chạy lại và lăn mình trên nệm cỏ. Hương có ngạt ngào, à mà không, những cây hoa có bông tím bông vàng trà trộn trong cỏ đã tỏa ra một thứ hương diệu kỳ pha lẫn với màu cỏ đồng quê quen thuộc. Bé đứng dậy. Một cửa rừng hé mở trước mặt Bé : tiếng đón chào líu lo của một đôi hoàng

anh trên cành một thứ cây lạ khiến Bé không còn ngại ngùng. Bé bước vào rừng. Một cảnh tượng đẹp đẽ lạ kỳ hiện ra trước mặt Bé. Có những cây mà lá trong xanh như làm bằng ngọc bích. Có những cây mà cành như bằng vàng, lá như bằng bạc. Có những cây mà hoa trái như lóng lánh ánh Kim cương. Mỗi bước, Bé thấy một kỳ quan mới lạ. Mỗi bước, Bé thấy một thứ hoa trái tuyệt vời. Có những bông Hàm Tiêu đượm sương, có những đóa Mãn Khai trĩu nặng trên cành yểu. Có những chồi non lên mạnh như tuổi thơ nhân loại. Mỗi thứ tỏa một mùi hương diệu kỳ. Bé càng vào sâu, khu rừng càng trình bày trước mắt Bé nhiều kỳ hoa dị thảo. Càng lúc càng thấy mới hơn, lạ hơn. Nhưng Bé đã ngợp, đã quá ngợp. Bé không chịu nổi nữa. Sức Bé không đủ để chịu đựng cái kho vô tận mệnh mông của muôn vạn kỳ hoa dị thảo này. Bé không dám bước tới nữa. Bé trở lui, dần dần ra khỏi khu rừng. Đồng cỏ lại hiện ra với màu xanh mát dịu như tình mẹ; lẫm lẫm trong màu xanh đó là muôn màu khác nhau của các cây hoa nhỏ rải rác đó đây.

Bé lại thấy ước ao được lăn mình trong nệm cỏ. Bé ngồi xuống, mở giầy giầy, cởi giầy cầm tay, hai chiếc giầy nhỏ xíu như hai bàn chân nhỏ xíu của Bé. Bé rón rén bước trên cỏ mềm, sung sướng đặt chân trên mầu xanh êm mát của cỏ.

Bé đã quên hết. Quên rằng mình mới ở trường về. Quên rằng mình đang đi tới nơi hẹn với chú điệu Hương. Bé ngồi xuống cỏ, đặt giầy xuống cạnh và vuốt ve một bông hoa tím. «*Hay là ta hái bông tím này chơi*» bé nghĩ. Và Bé đưa bàn tay nhỏ bé định ngắt. Nhưng bỗng dừng đật động, cả đồng cỏ hình như rung chuyển thật mạnh, làm bé thật thẩn. Bé vội đứng dậy, tay trái nắm lấy đôi giầy, mắt nhìn ngơ ngác. Đồng cỏ vẫn rung chuyển, như đất dưới chân bé sắp sụp đổ đên nơi. Bé hoảng hốt bỏ chạy. Bé chạy thật mau. Bé nhảy vọt ra đường. Và khi quay lại, đồng cỏ biến mất.

Đổi thông trước chùa vẫn y nguyên như mọi hôm. Bé dụi mắt nhìn kỹ lại: chẳng có đồng cỏ, chẳng có khu rừng nào cả. Chỉ có những cây thông căn cỗi mọc

thừa thớt trên đôi. Dựa lưng nơi một gốc thông, chú điệu Hương hình như vừa ngủ dậy. Chú dụi mắt. Chú không trông thấy Bé. Chú đưa tay lên vỗ nhẹ trên trán chú. Hình như chú nhức đầu.

Bé thở hào hển, tiền lại chào chú. Chú đưa tay ra cho Bé. Nhưng rồi chú rút tay lại và đưa lên trán. Chú vẫn nhức đầu. Bé thấy chú nhức đầu. Bé biết chú nhức đầu.

— Nào, dẫn em đi chơi trên đôi, đi chú.

Nhưng không, chú không trả lời. Hình như chú không muốn đưa Bé đi chơi chiều hôm nay. Chú đứng dậy nắm tay Bé, cố gắng dìu Bé đi. Nhưng chú lao đảo suýt ngã. Chú phải ngồi xuống bên một gốc thông. Bé nhìn chú. Chú nhìn Bé.

— Sao em chỉ có một chiếc giấy?

Bé nhìn lại thì quả thật trong tay Bé chỉ có một chiếc giấy. Chiếc giấy nhỏ xíu, phẳng phất một thoáng hương kỳ ảo. Chiếc kia, Bé đã làm rơi trong đồng cỏ.

BUI · GIANG

RẰNG TỰ' NGẪU NHĨ

Chuyện ngẫu nhĩ là chuyện gì không rõ. Hỏi chàng Kim Trọng ắt rõ hơn. Hỏi nàng Thúy Kiều, e nàng không chịu nói, dù trong bụng nàng có lẽ nàng rõ hơn chúng ta tất cả chúng ta.

Chúng ta là ai? Là mọi người hôm nay sẵn sàng quên mọi sự hôm qua, mọi sự hôm nay mọi sự về sau. Vì sao như thế? Tạm nói là: vì bận rộn sưu tầm cái nghĩa của ngẫu nhĩ đó thôi.

Nói bận rộn sưu tầm cho vui vậy thôi. Thật ra không bận rộn. Không sưu tầm. Mà nếu thật có bận rộn sưu tầm, lại càng bết thêm lắm vậy.

Ấy bởi rằng: nếu bận rộn sưu tầm cái gì, khác thì không sao. Nhưng đã gọi là nêu câu «ngẫu nhĩ», mà còn nằng nặc đòi sưu tầm nghĩa của nó, e rằng càng lằm lặc thêm ra. Thế còn gọi là ngẫu nhĩ, nhĩ ngẫu gì được nữa.

Số là: vốn tự xưa kia, cái ngẫu nhĩ là cái không ngờ trước: Bỗng dung mà đến cho vui cười, bỗng dung mà đi cho thiên hạ khóc, bỗng dung mà cảm động quay đầu cho kẻ đối diện không biết nghĩ sao, bỗng dung mà tảng lờ như không nhận thấy, làm cho người ta không biết phải biện bạch thế nào...

Đó là tinh thể của cái ngẫu nhĩ vốn tự xưa kia.

Vốn tự xưa kia «là», tới ngày nay vẫn chưa ngừng «là», đó là nghĩa của cái «là» trong ngẫu nhĩ.

Sao gọi là «là»? Có kẻ bảo: «Là» là «lã» vậy. Và thêm rằng: Nếu không có tiếng «lã», thì trong nhân gian không còn ngôn ngữ. Mà nếu mất ngôn ngữ thì nhân gian mất nghĩa nhân gian. Bởi đâu? Rằng sở dĩ nhân gian là nhân gian, ấy bởi nhân gian là «cõi». «Trăm năm trong cõi người ta». Nếu người ta không

có cõi, thì người ta không phải là người ta. (Vì không ta, không người). Nếu không người không ta, thì làm sao có được cái người ta để làm nên nhân gian một cuộc giữa biển dâu phôi mỡ trong ánh mờ tồn lưu. (1)

Nhân gian có người ta, nhân gian có cõi. Nhưng bởi đâu mà có người ta làm nên có cõi? Cái gì là căn cơ sơ thủy của người ta trong cõi có trăm năm?

Ay là cái lời trong cổ lục vậy. Lời là thiết lập. Lời là căn cơ. Lời là nhiếp dẫn.

Từ đó về sau trăm năm bước vào sử lịch dựng mộng sử xanh cho phong tình phiêu dật rất mơ màng.

Bất cứ lúc nào, dù trước giờ giác ngộ, dù sau phút đam mê, bao giờ con người ta cũng có thể xô phong tình vào chiêm bao được cả, kể từ ngôn ngữ là lời đã bước vào cổ lục mà truyền với sử xanh, để cho con người mỗi lúc mỗi có thể lại bên mép bàn ngồi ở bên đèn mà lần giở với hai tay:

Cảo thơm lần giở trước đèn

Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.

Cổ lục đã truyền vào sử xanh cho phong tình trường tại thì mọi vật, mọi đồ trong nhân gian đều kể từ đó mà được kết hợp chót vót nguy nga dâu rặng muôn năm vẫn nằm lì ngang mặt đất. Chim chóc ăn trái cây, trâu bò nằm bờ ruộng, bốn lá cồn kết lại làm một chùm hoa cỏ, bến phiêu diêu là có sóng phiêu bồng.

Hỡi ôi ! ngôn ngữ là lời

(1) cf. Heidegger: « Si plantes et animaux sont privés du langage, c'est parce qu'ils sont emprisonnés chacun dans leur univers environnant, sans être jamais librement situés dans l'éclaircie de l'être. Or seule cette éclaircie est « le monde ».

*Ấy trong tiết điệu ấy ngoài âm thanh
Dư vang cuối lá đầu cành
Niềm riêng suy trọng sao đành từ nan
Rừng phong thu giữ hội đàn
Rượu thơm từ đáy chén vàng nguyệt khuy
Rừng phong thu đã nhuộm kỳ
Chiêm bao bờ cỏ gái Tỳ Hải gieo.*

Cái chỗ ngẫu nhĩ lạ lùng trong buổi mới một lần làm bồn chồn cái dạ con người ta và kéo dài thao thức tận thanh cho mai sau chừ lão chúng tình về tư lự – đầu đuôi ngành ngọn đều khởi tự cái cơn đầu ngôn ngữ ra hoa.

Cõi trăm năm thoát biến thành thiên - thu - cơn - mộng - cõi. Tha hồ thiên hạ đi về tiếp tục mà kết lá vào cho trái cây. Trái lựu trái đào, em cho ăn trái lê vậy. Hưởng nữa là...

«Hựu hưởng thập thủ tân thi, quán nhập đoạn trường chi tập; tứ huyền cung oán phổ thành bạc mệnh chi âm; giác thê lương kỳ não nhân, phục sinh đình nhi cố ảnh. Hoa ưng thâu diêm, liễu dục tăng kiều. Tham Bắc Bộ chi phong tao, tiểu đề diệp vận. Thiện Nam Triều chi phấn đại, nùng đạm tương nghi... Cố nghi chừ lão chung tình, biến danh tình ư quần biên tự giác; toại sử thiên thu ký sự, thái phong lưu ư thặng phấn tàn chi...»

Từ đó về sau... Nhân gian có bờ lau bến lá để đi về ẩm cúng mà thút thít bên nhau.

Chợt nhìn em đốt than đen đủi, chợt ngó ra màu hồng lệ thiên hương. Chợt tao ngó đầu non Duồng

Mô Din tư lự, chợt muòn đời vào vạn
đại là hơi thở riêng Hoàng Hậu mai
sau. Chợt chiêm bao liễu yêu bài
động, chợt phong tình vạn chủng lồng
lộng phơi hoa.

*Thanh Minh trong tiết tháng ba
Lễ là Tảo Mộ hội là Đạp Thanh.*

Cái nghĩa u huyền của tháng ba
là chi thế ? Nào hội, nào lễ, nào Tảo
Mộ, Đạp Thanh, cùng xúm xít dàn
bày song song như hai hàng chân
ngọc duỗi ấy cũng chỉ vì cái « là, là »
nó liễu là lộn lại rất lần khăn phổ
hội đo ra.

*Thanh minh trong tiết Tháng ba
Lễ là Tảo Mộ hội là Đạp Thanh
Một giờ ngẫu nhi ngày xanh
Ngửa ngang là mộng nên đành là thừa
Cung đàn lựa những ngày xưa
Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây
Lòng thí chủ vốn hẹp hòi
Cúi xin phương trượng trong ngoài mở ra.*

Suy tư sâu thẳm về chỗ đó cái chỗ
của « là, là » từ trong tình thể
phơi ra, đó là điều kiện thiết yếu của
tái lập tồn lưu đo ra vạn đại. Con mắt
sẽ nhìn thấy Thúy Kiều...

Con mắt sẽ nhìn thấy Thúy Kiều
về chủ tọa buổi hội thoại giữa các
thiên tài cổ kim trong một vòm ánh
sáng khác.

*Trông đầu đá vọng thiên di
Mất gì cô quả mất gì bá vương
Đầu phơi cung bạc lên cồn
Quần tiên giữ áo trút nguồn cho ma ?
Thơ sầu rượu kịch đưa ra
Ních tì ti sáng sáng là cuồng ngâm ?*

*Cần khôn gió đờ chất chông
Về trong thiên hạ đêm mồng một giêng
Hồng nhan em trú ngụ miền
Mép nào xa đội phi tuyến về mây ?*

Mép miền nào em trú ngụ ? Lần
cuối cùng xin hỏi lại Sử Xanh.

Những từ sen ngó đào tơ...

Sen ngó đào tơ là cái chi lạ rứa?
Mà cứ lạ rứa đi về ám ảnh mọi cái
Tại Thề. Bây giờ là sực tỉnh Thiên
Thu ? Mà thiên thu là thu thiên còn
là Tồn Lưu Vĩnh Thề nhớ Trường
Sinh đi biệt khúc Lâm Dồn ? *Những
từ sen ngó đào tơ ?* Đi về kêu gọi bây
giờ ra sao ? Những từ bờ cỏ chiêm
bao ? *Mười lăm năm mới Bây Giờ Là
Đây.* Cái Bây Giờ Là Đây hiển hiện
tròn đầy tươi tốt hơn mười rằm xưa.
Trọn lành lái liễu lên thôn lá cồn lên
cỏ. Quá khứ không còn. Tương lai
không cần nữa. Sau trước dồn về bây
giờ tại đó là bất tuyệt luân lưu ngàn
thu kia là phút nợ. *Ni il n'a jamais été,
ni il ne sera, parce qu'il est maintenant,
tout à la fois, sans discontinuité. Có điều
chi nữa mà ngờ.* Có dừng dấu tôi
nữa nhé. Hai đũa vén tấm màn phủ
trên dâu biển, nghe linh hồn lắt lay
thần thánh, ngự trị lên sáu cõi luân
hồi di chuyển chu lưu. *Au milieu de
ces cercles, est la divinité qui dirige le
cours de toutes choses ; car elle est le
principe de toute naissance douloureuse et
de toute génération, poussant la femelle
dans les embrassements du mâle et le mâ-
le dans ceux de la femelle — PARMÉNIDE.*

Con cái nằm vào trong vòng tay
con đực, con trống chui vào
hang con mái, phối dựng âm dương

theo thiên lý lưu hành, quyết định mọi sinh nở đoạn trường, để đau bùng reo thất thanh hỗn thế hệ. — *Et tu apprendras également les oeuvres vagues bondes de la lune... Tu connaîtras aussi les cieux qui nous entourent...* Và sao mọc lên trời, và trăng tròn di động vắng vặc mộng lang thang, và những quỹ đạo tuyết sương khắp ba nghìn thế giới cùng rủ nhau giải rõ cái nghĩa thần thánh đún đầy âm dương giao hội quân bình.

Tư tưởng nguyên sơ nảy giờ huyền hoặc. Người đời nay không còn Ký ức. Ký niệm mất dư vang. Mãi mê biện chứng duy lý duy vật, quên hết mọi sương bóng siêu nhiên mơ màng bình minh trên cỏ độ. Đầu ngõ nào mây dội? Cồn lá nào — là Thâm Xứ tuyết băng? Con người chết ngọt. Weil, Hemingway đã bỏ đi. Ta xin gọi — ời em Thúy Kiều về nhanh với chứ!

Cảo thơm lần giở trước đèn

Phong tình cỏ lục còn truyền sử xanh.

Trước ánh đèn (**Lửa Phôi Dựng**) chuyện Phong Tình biến làm Ẩn Ngữ: *Nó nằm trong Cỏ Lục đề truyền vào sử xanh*: Nghĩa là: buộc người nghe phải nghe trong Tiếng Gọi của Cái Vây — là Cái Vây — là Cái-Vây-Phong-Tình không phải cái Phong-Tình Chỉ-Duy-Có-Vây. Theo Heidegger, đó là chỗ khác nhau giữa cái **le Même** và cái **l'Identique**. **Tiếng Gọi** đã truyền vào **Sử xanh** làm cho trang Cỏ Lục tê tái tim ngắt — nghĩa là: bất thành linh **động mình tuyết bạch** — là: *trắng muốt vô vàng*. Cảo thơm

trước ánh đèn đúng là: hương lửa ba sinh cỏ mọc ba miền phong tình xanh lục lãng đãng ba chân trời trăm năm về kêu trong Thời Gian Tố Chất: ba sinh biến làm ba góc biển của triều năm tháng rộng — kết Chùm Vĩnh Viễn trong Trường Sinh Bất Tuyệt Đói Đói Vành Nương Tử đón Chân Trời về mộng giữa Phù Du.

Độc Nguyễn Du là: nghe cái lời vô ngôn trong ẩn ngữ, đừng bỏ lạc ý ẩn ngữ — là mất khả năng nghe. **Anh đã về?** — **Em nghe dưới chân vang**: hoa lá nở với chuông rền giọng thắm. *Ainsi demeurons-nous de ceux qui entendent et prêts à laisser le mot reposer en lui-mê me comme mot-énigme, afin que tout d'abord nous aider à considérer la pleine mesure d'énigme contenue dans le mot.*

Thế là chúng ta chịu làm những con gái biết nghe, và sẵn sàng chịu để cho cái lời nằm trong miền cõi nó là: mép cồn ẩn ngữ vô ngôn — là cốt đề: trước tiên ta được lắng tai ngóng về mười hướng, mở linh hồn đón một cái nói dị thường trong cỏ lục khả dĩ giúp ta cân nhắc đầy đủ cái nghĩa trọng nghìn non của uyên nằm trong ẩn ngữ, là: tụ hội tuyết sơ khai triều gọi sóng phiêu bồng.

« Sao gọi là nghe? » — từ đó mang nghĩa: nghe là ngóng đợi triều sử xanh cỏ lục giậy trào — còn lưu tồn là *truyền trong tiếng gọi*. Truyện Thúy Kiều mở ra ở trước đèn theo điệu nọ, thì *Essai et Conférences* khép lại với những tiếng kia:

Logos, Moira, Alêthéia,

Những tiếng *Chữ Tài Chữ Mệnh, Cờ Lục, Sử Xanh, Anh Hoa Phát Tiết, Những Điều Trông Thấy, Cảo Thơm Lăn Giở* - cùng muốn nói cái gì ở phía bên kia âm thanh lay lắt?

Il est vrai que pour saisir au-delà des mots ce que ces mots veulent dire, une interprétation **doit fatalement user de violence...**

Muốn « nắm » cái ở bên kia lời, sự luận bàn giải thích tất nhiên buộc phải sử dụng điệu quá khích cưỡng chế. Nhưng đó không phải là võ đoán bướng bỉnh làm bừa. Đó được thúc đẩy và hướng dẫn bởi sức mạnh của một ý tưởng chủ yếu khơi dẫn linh cảm vũ bão — thuận theo ý hướng thăm thẳm, tin tưởng nơi cái đã suy tư tha thiết trong tác phẩm tài hoa. Người luận giải chỉ được phép liều mạo hiểm giấn mình trong cuộc — là riêng bởi cái niềm tin, cái ý tưởng mãnh liệt nọ.

Il est vrai que pour saisir au-delà des mots ce que ces mots veulent dire, une interprétation doit fatalement user de violence. Mais cette violence ne peut se confondre avec un arbitraire fantaisiste. L'interprétation doit être animée et conduite par la

force d'une idée inspiratrice. La puissance de cette idée permet seule à l'interprète le risque, toujours présomptueux, de se confier à l'élan secret d'une oeuvre, pour s'attacher à ce qu'elle n'exprime pas et tenter d'en trouver l'expression. L'idée directrice elle-même se confirme alors par sa puissance d'éclairement.

Trang 256 cuốn *Kant et le problème de la métaphysique* quả đã đặt đầy đủ cơ sở cho suy tư. Kể từ đó...? — Cái - liêu - nhảm - mắt - đưa - chân của Thúy tài hoa, từ đó đã mở những phương trời. Cái Bước Nhảy của Thúy Kiều đã đốt sáng ngọn lửa âm thanh trên cái Đà Dự Liệu đoạn trường phóng hoạt. Ý tưởng chủ yếu của suy tư hoẵng viễn được minh chứng vững vàng bởi cái sức soi sáng dị thường phát từ lời phong nhã.

Nguyễn Du đã « diễn giải » câu chuyện Nàng Kiều theo điệu riêng — lịch nghĩa ký sự sử ký, nhưng thuận theo ý chiêm niệm sử xanh. Ta sẽ vô tình tàn phá tiếng nói của Thúy Kiều, nếu cứ bo bo nghĩ rằng: phải khách quan vô tư bước vào cuộc phân tích cái mảnh tấm hồng nhan hoen ố triều Minh.

(Xem lại: Câu hỏi của Thúy Kiều mở ra với Tây Phương).

CẨM BẮT RỪA

SƠN NAM

Trần nhậm tại đồn Kiểm lâm ở rạch thứ Sáu từ hai năm rồi nhưng thầy đội Bình không hiểu rõ khu rừng tràm dưới quyền kiểm soát của mình bắt đầu từ đâu và chấm dứt ở đâu. Ranh giới không rõ rệt như vậy, nghĩ cũng khó mà làm việc.

Theo bản đồ thì bốn phía rừng giáp ranh với đất công điền và đất của ông Tây Mu Ri. Nhưng các phần đất này đều bỏ hoang, tràm mọc từng cụm dày bịt, giống như «lô» rừng cấm của chánh phủ Pháp! Thầy đội Bình suy nghĩ:

— Ranh giới ở đâu cũng được. Giữa rừng tràm của nhà nước và đất tư nhơn, cần gì có ranh. Việc đó can hệ tới mấy ông họa đồ, mấy ông hương chức làng và ông Tây Mu Ri. Mình làm tài khôn, e đụng chạm tới mấy ông. Thôi thì mình cứ xem vùng ranh giới đó như vô chủ. Rắn rít, chồn dèn, chuột, chim cúm nùm và đàn làng... ai muốn làm gì thì làm, tự do. Như vậy, mình được cảm tình với dân làng với các loại muông chim cây cỏ, với âm binh, cô hồn các đảng.

Nhưng tinh thể không yên ổn và thời gian nào chịu trôi qua âm thầm từ đầu tháng đến cuối tháng như thầy mong ước. Mùa hạn năm ấy, trong vòng hai tháng, ở vùng biên giới vô định nọ đã xảy ra nhiều biến cố rắc rối.

Lửa cháy rừng! Lửa cháy rừng!

Đôi ba ngày thì rừng cháy một lần khói cuộn cuộn đen kịt góc trời đỏ khé khi hoàng hôn đỏ xuống và mãi đến canh ba, canh tư, ánh lửa mới chịu đổi ra màu vàng vọt khi màn sương buông nhẹ, mờ mờ. Sáng nay, mặt trời vừa mọc là lửa lại cháy nữa. Cùng với hai người lính kiểm lâm, thầy đội đích thân chạy băng qua vùng cỏ hoang, đến nơi cháy để lập vi bằng, báo cáo lên quan trên.

Rừng nổ lên, vang dội những tiếng lốp bốp như pháo Tết ngày Tết. Khói tỏa cay mắt, che khuất trước mặt, phảng phất mùi gì như vị thuốc bắc.

— Cái gì lạ vậy? Cái gì vậy? —
Thầy đội hỏi.

Một chú lính kiểm lâm đáp:

— Dạ, cây tươi mà cháy tức tươi thì... nổ.

Thầy đội Binh nói gắt:

— Tôi làm kiểm lâm, bộ tôi dốt chuyện đó sao? Nhưng mà tại sao nổ liên tu bất tận, lạ quá. Hồi ở Hà Tiên, rừng cháy hoài mà sao tôi không nghe như vậy?

— Dạ, ở đây là rừng tràm. Tràm có nhiều hạt. Hễ gặp lửa là hạt nổ nghe lớp lớp, rậm đám lắm.

Thầy đội lắc đầu:

— Trời! Lửa như vậy, cháy mãi, phá hại bao nhiêu cây tươi. Nước cạn rừng, làm sao chữa lửa được.

— Dạ thưa thầy, mọi năm cháy như vậy hoài rồi tràm cũng mọc lại, rừng cũng hoàn là rừng.

Thầy đội lấy tay che mắt. Trong làn khói chưa tan, có bóng dáng đôi ba người chạy lảng vảng; sau lưng, họ mang vật gì khá to, giống như cái gùi.

Một giọng nói đàn ông reo to:

— Được quá! Cháy như vậy coi được quá. Vái trời cho gió thổi lên, cháy thêm nữa...

Giọng đàn bà nhỏ nhẹ hơn:

— Bữa nay cháy khá hơn hôm qua, thấy mà mừng. Ở! Cu đâu? Ếch đâu? Mổ lưng chưa con? Hửi khói rồi sặc, rồi ho hả?

Mấy đứa con nít nói eo éo:

— Một con! Hai con! Bốn con! Một con tổ nai này nữa! Chạy đi đâu, mấy đứa lon con này nữa! Tao thộp đầu tụi bây! Tao nhốt tụi bây!

Thầy đội Binh ngờ ngác, hỏi chú lính:

— Họ làm gì vậy? Giống như đánh giặc...

— Dạ, họ bắt rùa.

— Rùa ở đâu vậy?

— Dạ, rùa trời sanh trong rừng. Rùa vàng, rùa quạ, rùa hôi, rùa nắp, rùa sen... đủ loại. Rừng cháy, rùa chạy ra. Thầy muốn ăn không? Để tôi biểu họ đem lại cho thầy. (Nói lớn). Bà con ơi!

Một người trạc bốn mươi tuổi, bước ra từ đám khói mù mịt, lưng đen lảng mướt mồ hôi:

— Chào thầy đội. Chào mấy chú. Nãy giờ... mấy ông tới mà tôi không đê. Mấy ông cảm phiền.

Thầy đội hỏi:

— Còn đám kia? Hò hét điều gì?

— Dạ, đó là vợ với hai đứa con tôi chớ ai đâu xa lạ. Góc rừng này tôi cất chòi ở một mình ên một cối. Hôm rày, nghe danh thầy, tôi muốn tới thăm ngật chưa tìm được món gì xứng đáng. Sẵn đây, tôi biểu mấy đứa nhỏ xách ra cho thầy một xâu rùa vàng, mùa này, trứng con tượng ra, béo lắm.

Thầy đội gật đầu:

— Được rồi! Cảm ơn. Chú tên gì?

— Dạ, tôi là Trương Văn Đặng, vợ tôi là Trần Thị Tám, gốc gác ở Bà Húc, Cần Thơ xuống đây lập nghiệp. Mấy năm rồi, nghèo quá, nói thiệt thầy thương dùm. Tôi chưa đóng nổi giấy thuế thân. Tôi nghĩ: mình ở một chỗ không có đi đâu, vài bữa thì ra

ngoài xóm, tới tiệm Chệt mua rượu
nướng cho ấm bụng, vậy thôi.



Thịt rùa ngon quá. Trứng rùa béo
quá!

Đó là lý do khiến thầy đội Bình
trở lại vùng biên giới mà tìm Bảy
Đặng, người tặng rùa hôm trước.
Thêm một nhiệm vụ bí mật khác:
thầy muốn điều tra nguyên do cháy
rừng. Mùa hạn, lửa cháy lá khô, lan
ra; ấy là trời đất xui khiến nhờ vậy
mà hồi xưa hồi xưa ông bà chúng ta
được dịp ăn thịt nướng lần đầu tiên,
trong hang đá. Trường hợp cháy
rừng đời xưa khác. Biết đâu Bảy
Đặng cố ý đốt rừng để bắt rùa nhậu
chơi. Việc phá hoại tài sản nhà nước
ấy cần ngừa trị gấp. Tại sao thế gian
này lại còn những phần tử ích kỷ.
Hèn gì... dân Việt Nam chưa mở mặt
với thế giới!

Đến chòi của Bảy Đặng, thầy đội
trố mắt hồi lâu. Trong chòi, chú Bảy
đã xây một cái bồ to lớn, chứa chấp
bao nhiêu là rùa. Đồi ba trăm con
rùa đủ cỡ, đủ loại đang cõi dè lên
nhau, chen lấn nghe lộp cộp. Con thì
ngả ngửa, khoe cái yếm vàng lờm,
bốn cẳng ngoe nguầy bơi trong không
khí. Con khác cố gắng quào vào vách
bồ bằng sậy, lú cổ dài nhằng, miệng
há rộng, thiếu răng giống như mỏ chim
cò. Loại rùa nấp e thẹn, khép cái
yếm lại dấu kín đầu cổ vào trong mai,
giống như một món đồ ngon cất kỹ
trong cái hộp bằng xương.

Tay bắt mắt mừng, chú Bảy
Đặng gạt đầu hoan hỉ khi nghe thầy
đội Bình khen rằng:

— Thịt rùa ăn ngon hơn thịt gà.
Mấy con rùa bữa hôm thiệt xứng
đáng là .. rùa!

Bảy Đặng nói vồn vã:

— Má bây trẻ luộc thêm năm ba
con gi nữa đi. Thầy đội chiếu cõ tới
nhà mình. Éch đâu? Cu đâu? Kiếm
rau ngổ, rau răm về cho nhiều. Gắn
lung sen, rau mọc hoang cả đám.
Nhớ không?

Thầy đội Bình hớp miếng rượu,
ngồi lên bộ vạt:

— Chú Bảy rành nghề bắt rùa
quá!

— Đâu phải là nghề. Bắt chơi vậy
thôi. Rùa xứ này nhiều quá mạng,
tôi không muốn bắt hết. Con nào
quá nhỏ, tôi liệng bỏ. Còn rùa quạ
thì tôi lựa toàn là rùa cái, rùa quạ
đực ốm nhom, nhốt chật chồ. Xin lỗi,
thầy đội quê ở xứ nào? Chắc xứ đó
ít rùa lắm.

— **T**ôi ở Cần Đước nhưng mà con
cần được hết rồi. Đó là hồi
xưa, hồi dằng cự. Bây giờ, lội dõ
con mắt cũng không kiếm ra một con
cần được nhỏ xiu.

Bảy Đặng nói:

— Ở đây, nhiều bữa tôi ăn rùa
trừ cơm, ăn độn với cơm như ở
ngoài Bắc người ta ăn khoai lang. Ăn
thét rồi ngán quá. Rùa nướng, rùa
rang, rùa nấu cháo, rùa xào lá cách
lá lốt. Riết rồi ăn gan, ăn trứng, bỏ
thịt.

— Nó đẻ ở đâu mà nhiều quá
vậy?

— Dạ, trời sanh. Mùa này, rùa tượng trứng non trong bụng. Đứng cử, nó đảo hang mà đẻ, trứng như trứng gà nhỏ, trông dỏ lớn hơn trông trắng. Nó khôn mà khéo lắm, cái con rùa cái..

Thầy đời suy nghĩ:

— Tôi không hiểu...

— Dạ, nó lựa chỗ cao ráo mà gởi trứng để khỏi bị ẩm ướt, hơi thúi. Mỗi lỗ chôn mười trứng, hai mươi trứng không chừng. Tôi gặp một vài lần, moi móc lên coi thử nhưng tới chừng sắp trở lại chỗ cũ thì không tài nào sắp gọn như trước được. Thế nào cũng dư đôi ba trứng. Tháng ba, trời gấm chuyền mưa. Đất nứt, mấy con rùa con phá vỏ bò ra, nhỏ cỡ ngón tay út con nít.

— Chú Bảy nói đúng. Hèn gì rùa chẳng sợ trời gấm. Người ta nói rùa cần trời gấm không nhả. Tôi muốn kiếm vài con rùa nhỏ cho mấy đứa con chơi, ngặt sợ bị cắn.

— Không sao đâu thầy. Rủi bề gì thì lấy cọng cỏ hay khúc chum nhang thọc vô lỗ mũi rùa. Ngộp thở, nó há miệng ra tức thì. Nói mà nghe chớ năm khi mười họa nó mới cắn một lần. Nó thuộc vào hàng tứ linh: long, lân, qui, phụng có cần tu lâu đời...

Thịt rùa dọn ra trong cái vìm to lớn, xông hơi nghi ngút. Chú Bảy Đặng nói tiếp:

— Ăn đi thầy. Rượu đây, uống thêm nữa đi thầy. Thịt rùa hiền lắm không có phong.

Hai người uống chung một chén rồi hai chén.

— Nè, ăn gan rùa đi thầy, bổ lắm, nên thuốc lắm. Gan này là gan anh hùng, nhỏ con mà lớn gan, sống trong bầu trời mà không sợ... trời. Còn ruột non ruột già của nó thì sạch bổn, ăn luôn cũng không dơ.

Thầy đời đỏ hoe đôi mắt, mồ hôi tươm ra, tỏa mùi rượu nực nồng theo lỗ chơn lông:

— Tầm bậy quá. Tây dạy tôi nhiều chuyện nhưng nó quên. Nó dạy nào cây trầu, cây gõ. Nó quên nói rằng hề làm kiếm làm ở U Minh thì phải biết ăn thịt rùa...

Bảy Đặng ngạc nhiên:

— Bên Tây, không có rùa sao thầy?

— Ừ! Có chớ... Để nhớ coi... Rùa với thỏ chạy đua. «*Xem kìa xem tích xưa, thỏ với rùa hai chú chạy đua*», Đó là bài ca Bình Bán vẫn. Thỏ thua rùa.

— Còn tích gì nữa không vậy thầy?

— Bên xứ mình, con rùa là thần Kim Qui.. Trọng Thủy My Châu đó. Rùa là ông thần xây thành đắp lũy. Móng rùa là cái... máy, để vô ná lẫy thì... bả phát bả trúng. Lại còn bên Tàu, xưa kia con rùa nổi trên sông Hoàng Hà, trên lưng rùa vẽ hình bát quái.

Bảy Đặng suy nghĩ rồi góp ý thêm một ý kiến tầm phào:

— Hèn gì rùa có cần tu. Rùa sẵn

sàng chịu đựng khó nhọc. Lời thơ xưa nói rằng kiếp con rùa «*trong đình đội hạc, trong chùa đội bia*», «*qui hạc xưa nay ở một đình, có sao con trọng lại con khinh*».

Thầy đội Bình ngà ngà men rượu, nhường mắt rồi vỗ trán, gật đầu lia lịa:

— Bởi vậy kiếp của chú Bảy đây là... kiếp rùa, đội hạc đội bia riết rồi ốm nhách. Chú Bảy chơi điệu với anh em. Tôi làm đội kiểm lâm, tôi hứa giúp chú Bảy có sở làm. Từ rày về sau, hễ chỗ nào rừng hư hao vì... tai họa bất ngờ thì nhà nước sẵn sàng trồng trám trở lại. Rừng này bị cháy hoải, chú kiểm cho tôi chừng một trăm lít hột trám, tôi mua hai xu một lít. Chịu không? Phải trồng trám cho rừng tươi tốt kéo quan trên rày ra... Chịu không?

Thiếm Bảy từ nãy giờ lui cui sau bếp, bỗng bước ra nhìn chổng, cau mày.

Chú Bảy giựt mình:

— Dạ... không cần. Rừng trám bị cháy thì tự nhiên mọc trở lại. Hột nó rơi xuống đất, nhờ bị cháy nên nó nứt mầm mau lắm. Hột trám hái về, thầy muốn trồng thì cũng phải bỏ vỏ chảo mà rang cho nóng, nó mới chịu mọc.

— Ừ, ừ... Vậy thì khỏi trồng. Nhưng chú Bảy lấy gì mà sống? Trồng cây cho nhà nước, đó là nhiệm vụ, làm ra tiền. Chú Bảy chê à! Vậy thì làm sao có bạc xài. Chẳng lẽ ăn thịt rùa trừ cơm hoải sao? Con người

phải ăn cơm. Nếu thiếu cơm thì ốm nhom ốm nhách?

oOo

-- Uống rượu say, nói chuyện lung tung, làm hại nhà cửa. Ba nó thấy chưa?

Tàn buổi tiệc rùa, chú Bảy Đặng bị vợ cản nhắc tới lui. Chú hối hận vô cùng vì một vài câu nói lơ đễnh, thốt ra lúc ăn nhậu với thầy đội Bình.

«*Buổi tiệc đó thiệt là hữu ích*». Thầy đội Bình nghĩ như vậy. Nó giúp thầy tìm được vài tia sáng trong vấn đề cháy rừng!

Đúng vậy. Bảy Đặng là tay bợm nhậu, chuyên nghề đốt rừng để bắt rùa, ném đá dẫu tay! Bằng cứ là từ buổi ấy về sau, ít khi nào Bảy Đặng tới đồn kiểm lâm thăm viếng thầy như đã hứa. Chú Bảy bơi xuống ngang đồn kiểm lâm, gởi lên vài con rùa rồi hối hả tách bến, đến tiệm tạp hóa, tại xóm đình.

Trời sa mưa.

Mười mùng sanh sôi nẩy nở gấp mười lần, so với mùa nắng hạn. Thầy đội không buồn đến vùng biên giới mà tuần tra nữa vì hiểm họa cháy rừng đã giảm bớt, nhờ thời tiết.

Thầy bơi xuống đến xóm đình, ghé tiệm Chệt Xinh Phóc mà uống giải sầu, mua bin đèn, thuốc hút. Tình cờ, thầy nghe chệt Xinh Phóc thốt lời tâm sự:

— Bảy Đặng kỳ cục quá, cắt chòi ở trong rừng làm vua một cõi, ít chịu



giao thiệp. Thầy đội biết thắng đó không?

Thầy đội gật đầu, nghe tiếp:

— Nó mua chịu gạo của tôi từ mấy tháng rồi mà chưa trả tiền. Nó hứa đem yếm rùa ra bán cho tôi để trừ nợ. Yếm rùa gửi về bên Tàu, qui lắm. Người ta nấu thuốc cao, thuốc bổ gân cốt... Vậy mà hôm qua, nó đem yếm rùa cho tôi. Nó mua thêm nào là nhang, đèn cầy, một cây dao, hai cây búa... đủ thứ. Nó mua thêm một con gà. Nghèo mà xài sang. Rốt cuộc, nợ chồng chất...

Thầy đội sững sốt, hồ nghi. Phải chăng Bảy Đặng là tay dầu trộm đuôi cướp, tay gian đạo sĩ trá hình. Anh ta muốn sống một cõi riêng biệt để giữ bí mật mọi hành động bất chánh. Việc bắt rùa chỉ là bình phong để che mắt thế gian. Rồi bề gì, thầy chịu trách nhiệm lớn.

Sáng sớm, thầy đích thân bơi chiếc xuồng nhỏ, mặc áo bà ba như bọn đốn củi lậu, đội nón lá che khuất nửa mặt. Nhưng dưới chiếc chiếu rách lót trong lòng xuồng, thầy dấu kín một cây súng, ngừa khi bắt trặc.

Gặp thằng Cu đứng trước sân một mình, thầy hỏi khẽ:

— Ủa! Ba má đâu hết rồi?

Thằng bé sợ sệt, chỉ vào trong chòi:

— Cũng cơm ông nội, bà nội đó!

Trên bộ vạt, một con gà nằm ngóng mổ, hai cánh tréo lại. Đồi ba ngọn đèn cầy cháy leo heo. Mờ nhang

ngút khói, bay cuốn cuộn. Thầy đội Bình hỏi lần nữa:

— Ba má đâu? Thắng anh mày đâu?

Nó chỉ vào vách:

— Ngoài rừng, ngoài kia đó!

Đôi mắt thầy đội dán vào kẽ vách: Vách lá, rách te tua, trống trải quá. Ngoài rừng, bên kia vách lá cả một vùng trời nước trong sáng. Nước nổi lên, lai láng, phản chiếu ánh nắng mai và soi rõ bóng dáng một đợt mây trắng tuyết. Bao nhiêu thân tràm đã ngã xuống, rũ rượi. Góc rừng biên giới đã hóa ra thửa ruộng. Chú Bảy Đặng và vợ đang lui cui cày bừa đốn mấy gốc tràm nhỏ còn sót lại, mấy gốc tràm đã bị cháy từ hôm trước!

Thằng Éch thì ở trường, cầm dao cạy mớ rễ cây. Vài con cò trắng bước tới lui, mò cá.

Giọng chú Bảy Đặng nói tỏ rõ:

— Đất mềm quá, nhiều phân. Gieo mạ xuống là mọc liền. Lúa giống khỏi bị nạn cá ăn. Cò bắt cá dùm mình, phải không... bà chủ điền?

Thiểm Bảy cười tùm tùm:

— Mấy năm rồi, mình đốt mà rừng không chịu cháy sạch. Năm nay, rừng cháy nhiều, chẳng sợ thầy đội kiểm lâm rầy la. Minh đâu có phá rừng của nhà nước để làm ruộng. Đây là cây khô, cây chết cháy; mình dọn cho sạch để cấy lúa mà thôi! Mong quá. Trăm nghề, không gì bằng

nghề nông. Cùng ông bà, ăn lễ hạ điền luôn thể, nhờ đất nước phò hộ.

Chú Bảy nói:

— Ai mà không biết như vậy. Hồi ở Bò Húc, Cần Thơ, mình làm tá điền. Bảy giờ miếng đất nhỏ xiu nhưng là của mình làm chủ. Không lẽ thầy đội Bình bắt bớ, quở phạt mình. Thầy tới đây chừng một hai năm rồi dời đi nơi khác. Thầy gây ác cảm với vợ chồng mình làm gì?

Trong khi đó, thằng Éch ngưng tay, chạy lại gần cha mà nói:

— Vô nhà, ăn thịt gà nghe ba! Ở trồng, không chừng thằng Cu nó ăn trước rồi. Thịt gà chắc là ngon hơn thịt rùa đó. Mai mốt, nuôi gà nghe ba!

Thầy đội thở dài cười thầm, nghĩ tới việc đốt rừng nhà nước để chiếm hữu đất ruộng! Rõ ràng vợ chồng

Bảy Đặng xâm lấn theo kế hoạch định sẵn từ trước.

Làm cách nào để tranh cãi, giải thích?

Dung túng Bảy Đặng chẳng? Hợp với lòng nhân đạo đó. Nhưng e có ngày thầy đội bị cách chức. Thầy chợt hiểu vì sao Bảy Đặng không nhận lời kiếm hột tràm đem về trồng vào những chỗ bị cháy.

Thầy nghĩ ra một kế. Rồi thầy về, gấp rút. Chiều hôm ấy, một người lính kiểm lâm bơi xuống tới chòi Bảy Đặng, mang theo một tấm bảng, dựng ngay ranh của khu rừng: « Cấm bắt rùa! »

Vợ chồng Bảy Đặng lắc đầu, nói với người lính kiểm lâm:

— Tụi tôi hiểu rồi. Không biết chữ nghĩa nhưng hiểu rồi. Cám ơn thầy đội quá chừng. Đốt rừng bao nhiêu đó, đủ rồi.

S. N.

Nhà xuất bản LÁ BỒI
ĐÃ PHÁT HÀNH:

DIALOGUE

★ Một tập sách viết bằng Anh ngữ và Pháp ngữ đề mở đối thoại với những văn nghệ sĩ và tư tưởng gia Tây phương:

- 1.- In search of the enemy of man (addressed to The Rev-Martin Luther King). NHẤT HẠNH
- 2.- Paroles d'un revenant (adressées à Mr. Jean Paul Sartre). HỒ HỮU TƯỜNG
- 3.- Lettre à André Malraux TAM ÍCH
- 4.- Lettre à René Char sur le sentier du silence BÙI GIÁNG
- 5.- The ontological background of the present war in Viet Nam (an open letter to Henry Miller). PHẠM CÔNG THIỆN

(In toàn trên giấy quý, giá: 100đ.)

PHẠM CÔNG THIÊN

VÀI SUY TƯỞNG TRIẾT HỌC

Rút từ tập Nhật Ký

SỰ TIỀM ẨN TRIẾT LÝ CỦA TẤT CẢ MỌI CÂU HỎI

Triết lý là gì? Chính câu hỏi này là một câu hỏi về một câu hỏi; bởi vì triết lý là một câu hỏi rồi; và khi nói «Triết lý là gì?» thì đã hiện lên một câu hỏi thứ hai rõ ràng hơn: «là gì?».

«Là gì?» là câu hỏi làm sáng tỏ câu hỏi ẩn tiềm trong «triết lý». Trong «triết lý» chứa đựng một câu hỏi đen tối. Câu hỏi đen tối là câu hỏi nằm trong bóng tối như một người nằm trong gian phòng tối mà không bật đèn. Câu hỏi sáng là bóng đèn, nghĩa là ánh sáng; ánh sáng làm sáng tỏ những gì nằm trong tối. Chữ «triết lý» trong câu hỏi «triết lý là gì?» là bóng đèn, là ánh sáng khi nó đứng và hiện diện trong những chữ khác, trong tất cả những chữ khác; nhưng khi chữ «triết lý» đứng chung với chữ «là gì?» như trong câu hỏi «triết lý là gì» thì lập tức chữ «triết lý» trở thành đen tối và chữ «là gì?» hiện diện với tất cả huy hoàng sáng rực của ánh điện. Trong câu hỏi «triết lý là gì?», chữ «triết lý» là câu hỏi đen tối; còn chữ «là gì?» là câu hỏi sáng tỏ; câu hỏi «là gì?» làm SÁNG TỎ ý nghĩa đen tối của danh từ «triết lý»: ý nghĩa đen tối của «triết lý» là câu hỏi; «làm triết lý» là làm câu hỏi; «học triết lý» (gọi tắt là «triết học») là học câu hỏi hay học đặt câu hỏi; «triết gia», «triết nhân», «nhà triết lý», «con người triết học» là những danh từ để gọi con người mà thể tính của họ là đặt câu hỏi — nói một cách khác là tra vấn, cật vấn. Người làm triết lý là người hỏi cung, người tra khảo. Người làm triết lý là con người chỉ biết hành hạ tra tấn. Tra tấn, đánh đập, đồ nước vào mũi, đâm kim vào đầu ngón tay là những hình thức tế nhị của một câu hỏi.

Triết lý xuất hiện từ lúc nào? Từ lúc bắt đầu có ngôn ngữ. Con người chỉ được gọi là NGƯỜI khi nào con người biết nói; con người biết nói là con người biết nghe (câm thì phải điếc, mặc dù điếc không bắt buộc phải câm). Nói là nghe; nói là hỏi; hỏi là trả lời. Lúc con người biết nói là lúc triết lý xuất hiện; vì biết nói là biết hỏi; hỏi là triết lý. Đứng trước sự vật, con người nguyên thủy bắt đầu ngạc nhiên. Chính sự ngạc nhiên tạo ra ngôn ngữ, thi ca và triết học; chính sự ngạc nhiên khai sinh tư tưởng (Aristote đã ý thức được sự ngạc nhiên là suối nguồn của suy tư). Sự ngạc nhiên là câu hỏi. Sự ngạc nhiên xuất hiện cùng lúc với ý thức và ý thức có nghĩa là hỏi. Hỏi thì phải hỏi về cái gì; vì nếu không hỏi về cái gì thì không phải là hỏi, nghĩa là không phải là ý thức. Hỏi là triết lý; hỏi về sự hỏi này là triết học; triết học là hỏi về triết lý, mà nói gọn là: «Triết lý là gì?». «Triết lý là gì?» là hỏi về sự hỏi, nghĩa là cái «LÀ GÌ?» ấy là gì?, nói gọn là: «LÀ GÌ? là gì?». Như thế ý thức quay lộn lại ý thức; ý thức về ý thức hay là ý thức tự hỏi ý thức. Nói một cách khác, triết lý là ngạc nhiên; triết học là ngạc nhiên về sự ngạc nhiên này.

Triết lý là hỏi; triết học là hỏi về hỏi; trong chữ TRIẾT LÝ khi chiết tự, ta thấy có chữ KHẨU; KHẨU là miệng; miệng dùng để nói; nói là hỏi (và trả lời). Không bao giờ trả lời nếu không ai hỏi. Chỉ trả lời là khi có hỏi đi trước. Triết lý là hỏi; khoa học là trả lời. Khoa học là gì? Đây là câu hỏi; khoa học không thể trả lời câu hỏi này, bởi vì đây là câu hỏi về khoa học; mà bản chất của khoa học là chỉ trả lời; mà trả lời thì chỉ trả lời khi người khác hỏi; khoa học không thể hỏi khoa học, vì hỏi khoa học là phản bội khoa học, là không phải khoa học. Phận sự triết lý là hỏi; phận sự khoa học là trả lời. Người ta thường nói: HỎI TỨC LÀ TRẢ LỜI. Câu ấy có nghĩa là triết lý bao trùm khoa học. Triết lý là bóng tối; khoa học là một ngọn đèn cầy yếu ớt; bóng tối vây phủ ngọn đèn, nhưng ánh đèn leo lét bắt đầu chiếu rọi ánh sáng yếu ớt lên không gian. Ánh sáng trả lời bóng tối. Bóng tối kêu gọi ánh sáng; bóng tối hỏi; ánh sáng liền trả lời. Ánh sáng chỉ là ánh sáng là NHỜ vào bóng tối; ngược lại, bóng tối không thể NHỜ vào ánh sáng; vì nếu bóng tối mà NHỜ vào ánh sáng thì ánh sáng sẽ phá hủy bóng tối và bóng tối sẽ không còn gọi là bóng tối nữa. Bóng tối là bóng tối, nhưng ánh sáng chỉ là ánh sáng là NHỜ bóng tối; mặt trời chỉ là mặt trời là nhờ nằm trong không gian đen tối vô tận.

Triết lý là hỏi

Triết học là hỏi về hỏi

Khoa học là trả lời câu hỏi của triết lý, nhưng không thể trả lời về câu hỏi về câu hỏi; vì nếu trả lời về câu hỏi về câu hỏi, thì sẽ bị triết lý hỏi về câu trả lời của khoa học về câu hỏi về câu hỏi; lúc bấy giờ khoa học lại trả lời nữa; nhưng câu trả lời này lại bị hỏi nữa. Cứ như thế mà đi mãi, từ hỏi đến trả lời, từ trả lời đến hỏi, cho đến vô tận, vô cùng không bao giờ dứt được, ad infinitum.

Như thế cả triết lý và khoa học đều rơi vào ngõ cụt, ngõ bí, không lối thoát. Nhưng triết lý vẫn cao hơn khoa học là có thể đặt lên một câu hỏi về chính ngõ cụt này, về chỗ sơn cùng thủy tận này; triết lý đặt câu hỏi về hố thẳm vô cùng này. Lúc bấy giờ khoa học không thể trả lời được nữa và đành chịu thất bại đầu hàng; đang lúc đó, triết lý đặt lên câu hỏi; chờ mãi mà không thấy khoa học trả lời được; đau đớn tuyệt vọng quá đến nỗi chịu không nổi, triết lý liền im lặng và nhảy xuống hố thẳm, lúc bấy giờ chính là lúc giải thoát. Khi giải thoát rồi có còn được trả lời hay không, thì không con người nào được biết, vì chỉ khi nào đã giải thoát rồi thì mới biết được. Nhưng giải thoát thì im lặng; tất cả những con người giải thoát đều là những con người im lặng. Vì thế câu hỏi tối hậu của triết lý không còn được trả lời; thế cho nên triết lý mới quay lại hỏi chính sự hiện diện của mình; triết lý quay lại hỏi triết lý, hỏi về chính câu hỏi của mình, khi đó thì triết học xuất hiện; vì triết học là hỏi về triết lý. « Triết lý là gì? » là một câu hỏi của triết học. Triết học là sự ngạc nhiên của chính triết lý. Nhưng khi hỏi: « Triết học là gì? »; câu này có nghĩa là: « câu hỏi « TRIẾT LÝ LÀ GÌ » là gì vậy? »; như thế, triết học có nghĩa là sự ngạc nhiên của chính triết lý; còn bây giờ sự ngạc nhiên của chính triết học thì gọi tên là gì? Có thể gọi là tôn giáo.

Triết lý là sự ngạc nhiên

Triết học là ngạc nhiên về sự ngạc nhiên trên

Tôn giáo là ngạc nhiên về sự ngạc nhiên của triết học về sự ngạc nhiên của triết lý.

Như trên, chúng ta thấy mức thang giá trị đi từ dưới lên trên, thấp nhất là triết lý, bậc thang thứ hai là triết học và bậc thang thứ ba là tôn giáo; do đó tạm kết luận là tôn giáo cao hơn triết học và triết học cao hơn triết lý.

Nhưng sự thực thì không phải dễ dàng như đã trình bày. Bởi vì triết lý là sự ngạc nhiên; vì thế triết lý lại có thể ngạc nhiên về sự có mặt của tôn giáo, nghĩa là triết lý có thể đặt câu hỏi; và câu hỏi của triết lý về tôn giáo chính là sự ngạc nhiên của triết lý về sự ngạc nhiên của tôn giáo về sự ngạc nhiên của triết học về sự ngạc nhiên của triết lý. Do đó, từ mức thang thấp nhất là bậc thứ nhất, triết lý lại leo lên bậc thang thứ tư, nghĩa là bậc thang cao hơn bậc thang thứ ba là tôn giáo. Trong giai đoạn này, mặc dù triết lý ở nơi bậc thang cao nhất là bậc tư, nhưng chưa hẳn là mọi sự đã thanh toán xong, vì triết học lại bước lên bậc thang thứ năm và ngạc nhiên về triết lý, như thế nói cho rõ nghĩa hơn là ở bậc thang thứ năm này triết học là sự ngạc nhiên về sự ngạc nhiên của triết lý về sự ngạc nhiên của tôn giáo về sự ngạc nhiên của triết học, về sự ngạc nhiên của triết lý.

Đến đây, tôn giáo lại vọt leo lên bậc sáu và ngạc nhiên về sự ngạc nhiên của triết học ở bậc năm; do đó có thể định nghĩa dài dòng tôn giáo là sự ngạc nhiên

về sự ngạc nhiên của triết học về sự ngạc nhiên của triết lý về sự ngạc nhiên của tôn giáo về sự ngạc nhiên của triết học về sự ngạc nhiên của triết lý.

Như thế chúng ta thấy sự ngạc nhiên đi từ tôn giáo đến triết học rồi đến triết lý rồi từ triết lý lại ngược lại tôn giáo đến triết học rồi lại đến triết lý, vân vân.

Nói theo toán học thì :

- 1- Triết lý là sự ngạc nhiên
- 2- Triết học là sự ngạc nhiên ²
- 3- Tôn giáo là sự ngạc nhiên ³

Đó là giai đoạn biện chứng thứ nhất; đến giai đoạn biện chứng thứ hai :

- 1- Triết lý là sự ngạc nhiên ⁴
- 2- Triết học là sự ngạc nhiên ⁵
- 3- Tôn giáo là sự ngạc nhiên ⁶

Rồi đến giai đoạn biện chứng thứ ba :

- 1- Triết lý là sự ngạc nhiên ⁷
- 2- Triết học là sự ngạc nhiên ⁸
- 3- Tôn giáo là sự ngạc nhiên ⁹

Nếu gọi tắt 3 giai đoạn biện chứng pháp là A, B, C và gọi tắt triết lý là T.L.; triết học là T.H.; tôn giáo là T.G. và sự ngạc nhiên là N.N. thì ta có những phương trình như sau :

1- Giai đoạn biện chứng A :

$$TL^a = NN$$

$$TH^a = NN^2$$

$$TG^a = NN^3$$

2- Giai đoạn biện chứng B :

$$TL^b = NN^4$$

$$TH^b = NN^5$$

$$TG^b = NN^6$$

3- Giai đoạn biện chứng C :

$$TL^c = NN^7$$

$$TH^c = NN^8$$

$$TG^c = NN^9$$

Triết lý là hỏi

Triết học là hỏi về hỏi

Tôn giáo là hỏi về hỏi về hỏi

Không hỏi tức là im lặng; và im lặng có nghĩa là tiêu hủy triết lý, triết học và tôn giáo và nhảy tung xuống hố thẳm để giải thoát

Chỉ khi con người không còn nói nữa, không còn hỏi nữa và cũng không còn trả lời nữa thì con người mới giải phóng được giới hạn của thể phận làm người để mà siêu hóa bản thể mình.

Hỏi có nghĩa là siêu hóa thú tính trong con người; nhưng từ hỏi đến im lặng thì chính sự im lặng ấy siêu hóa nhân tính. Con người đi từ man rợ để đến nhân bản, nhưng từ nhân bản con người bước đến siêu nhân bản. Siêu nhân bản là im lặng. Nhưng siêu nhân bản tự hỏi chính bản vị của siêu nhân thì lúc bấy giờ siêu nhân bản đã tự siêu hóa để đến thần bản và cứ mãi, hỏi rồi im lặng, im lặng rồi hỏi để rồi đi đến sự im lặng tuyệt đối. Sự im lặng tuyệt đối ấy là Đạo trong Thiền tông và Lão Trang.

Những dòng trên cũng đồng thời làm sáng tỏ ý nghĩa đen tối của câu này trong quyển *ALSO SPRACH ZARATHUSTRA* của Nietzsche: «Con người là một cái gì phải được vượt lên».

Khi Wittgenstein nói rằng: «Phải im lặng những gì người ta không thể nói được» (*Wovon man nicht sprechen kann, darüber muss man schweigen*) (cf. Ludwig Wittgenstein, *Logisch philosophische Abhandlung*, 1921).

Khi nói thế thì Wittgenstein đã hủy diệt nội dung và bản chất của triết lý và triết học và tôn giáo — Như thế con người không còn ngạc nhiên nữa, mà phải im lặng; và chính sự im lặng này dọn đường đưa đến sự thể nhập bên trong sự ngạc nhiên; lúc bấy giờ con người không còn đứng trước sự ngạc nhiên như là đứng trước một đối vật (hiểu theo nghĩa *Gegen-stand*); lúc bấy giờ con người và sự ngạc nhiên không còn khác nhau; con người trở về sự ngạc nhiên, con người là ngạc nhiên. Sự ngạc nhiên trở lại nguyên thể và trở nên im lặng và như thế sự ngạc nhiên không còn gọi là ngạc nhiên nữa mà là Đạo, tức là suối nguồn nguyên thủy (*Ursprung*) mà sự ngạc nhiên đã thoát ra để xuất hiện trên đời. *DA* trong *Dasein* của Heidegger chính là sự ngạc nhiên, ngạc nhiên vì thấy mình ở đó (*Befindlichkeit*).

Con người chợt thấy mình là *Dasein* và sự vật chung quanh là *Zuhandensein* hay *Vorhandensein*. Không có sự ngạc nhiên sẽ không có sự hốt hoảng quẩn quại xao xuyến (*Angst*) và không có *Angst* thì sẽ không tìm được dấu vết để lần mò quờ quạng trở về *SEIN*, tạm dịch ra chữ Việt là Tính (nghĩa của chữ Tính này nằm trong chân trời tư tưởng Trung hoa).

★

Khi hỏi thì phải trả lời.

Mà khi trả lời thì chỉ trả lời bằng 4 phạm trù:

- 1- Trả lời
- 2- Không trả lời
- 3- Vừa trả lời vừa không trả lời
- 4- Không trả lời mà cũng không không trả lời

Nội dung của mỗi câu trả lời đều nằm trong những phạm trù này:

- | | | |
|------------|------------|----------------------|
| 1- hiểu kỳ | 2- xác tín | 3- dò xét |
| 4- kêu gọi | 5- van xin | 6- giải trí, vân vân |

mỗi một câu hỏi đều chứa đựng một Weltanschauung, mà người hỏi thường khi không ý thức được ý thức hệ của chính mình.



Âm nhạc không phải là hỏi và trả lời mà là **NÓI** ngôn ngữ nguyên thủy. (Ursprache) Tất cả nghệ thuật cao siêu đều nói ngôn ngữ ban đầu.



Con người hay đặt câu hỏi là con người muốn chạy trốn giới hạn tính cảnh (những Grenzsituation, situations limites, như là sự chết, sự đau khổ, sự chiến đấu, vân vân). Nhưng không hỏi thì không còn là **NGƯỜI**. Heidegger nói: « L'essence du Dasein réside dans son existence » (Das Wesen des Dasein liegt in seiner Existenz) Phải nói như vậy mới tối hơn và trung tính hơn: Das Wesen des Dasein liegt in seiner Frage ».

Bản chất của hiện hữu là hỏi, vì thế hỏi tức là siêu hóa.

- Questionner, c'est transcender
- S'interroger, c'est se surmonter, se dépasser, se transcender

Karl Jaspers: « *Philosopher, c'est transcender* »,
(cf. Rechenschaft und Ausblick, Munich, 1951)

Mỗi một câu hỏi đều là một sự tiềm ẩn, che giấu, giữ kín, hàm ý, hàm súc (implication) mà con người bị hỏi phải mở màn bằng cách giải thích (explication) đem ra ngoài (EX-) cho được rõ ràng.

Sein của Heidegger ẩn náu trong mỗi một câu hỏi thông thường hằng ngày của mọi người; nhưng nếu con người biết phóng ra ngoài đi tới đấng trước mình theo nghĩa EX trong chữ EXISTENZ của Heidegger thì có thể đưa Sein ra ngoài sự tiềm ẩn — mở màn, Aletheia, để cho SEIN lộ ra.

Những câu hỏi thông thường hằng ngày đã đi xa và quên lãng Sein bởi vì con người bị ràng buộc trong nghề nghiệp, bận tâm lo lắng (Besorge) cho cuộc sống.

BIẾT CÁCH HỎI thì Sein mới xuất hiện được trong câu trả lời. **CON NGƯỜI HIỆN NAY CHƯA BIẾT CÁCH HỎI**. Đó là thảm kịch lớn lao nhất của nhân loại.



Phải đề ý triết đề đến chữ **VỀ** (dịch ra Anh là about); chữ **VỀ** là trung tâm điểm, là tinh túy, bản chất, thề chất của triết lý. **KHÔNG CÓ CHỮ VỀ THÌ SẼ KHÔNG CÓ TRIẾT LÝ VÀ TRIẾT HỌC**.

Hiểu được ý nghĩa tiềm ẩn của chữ **VỀ** là nắm được hết cơ cấu, động cơ sanh hoạt của triết lý và triết học.

Biểu tượng, hình tượng là **VỀ**.

Biểu tượng, hình tượng xuất hiện lúc chữ **VỀ** xuất hiện; biên giới để phân biệt con người và thú vật là biên giới được gạch bằng chữ **VỀ**. **CON NGƯỜI HỎI LÀ CON NGƯỜI NÓI VỀ**. Thú vật không biết hỏi là vì thú vật chỉ biết **KÊU**, chứ không biết **KÊU VỀ** hay **NÓI VỀ**.

HỎI có nghĩa là **NÓI VỀ**.

Người ta chỉ **HỎI** bằng biểu tượng.

Sự ngạc nhiên từ trên trời đi xuống trần gian để nhập thề (incarnation) mà làm biểu tượng (symbole) thề là câu hỏi xuất hiện **BẰNG** và **VỚI** biểu tượng.

Câu hỏi chính là **BIỂU TƯỢNG**, biểu tượng cho sự ngạc nhiên.

Ngạc nhiên về ngạc nhiên là biểu tượng về biểu tượng, chẳng hạn Y biểu tượng cho biểu tượng X.

Triết học là sự ngạc nhiên **VỀ** sự ngạc nhiên của triết lý **VỀ** sự ngạc nhiên của tôn giáo **VỀ** sự ngạc nhiên của triết học **VỀ** sự ngạc nhiên của triết lý.

Nói theo quá trình biểu tượng thì triết học là biểu tượng (5) về biểu tượng (4) về biểu tượng (3) về biểu tượng (2) về biểu tượng (1).

Tác dụng đặc biệt của biểu tượng là **CÓ THỀ BIỂU TƯỢNG CHO BIỂU TƯỢNG** và cũng có thề **BIỂU TƯỢNG CHO BIỂU TƯỢNG CHO BIỂU TƯỢNG** và cứ thề đi mãi cho đến vô hạn.

Toán học là biểu tượng. Vậy toán học có thề thoát ra ngoài tác dụng của biểu tượng không? Nhất định không. Toán học cao nhất và triết lý cao nhất sẽ gặp

nhau trong cùng một thể cảnh giới hạn, một nhà toán học giải thoát là một nhà thần bí hay một vị thánh hay một bậc giác ngộ.

Ý NIỆM VỀ VÔ HẠN (l'infini)

Có thể ý niệm về vô hạn? Tác dụng của VẾ đã là biểu tượng rồi. Ý niệm nằm trong quá trình hữu hạn; hữu hạn dùng làm biểu tượng cho vô hạn thì lại chỉ là vô hạn của hữu hạn, vô hạn của hữu hạn chỉ là vô hạn trong tương đối hay hữu hạn tự phóng đại.

Vô hạn của toán học là hữu hạn tự phóng đại. Biểu tượng về biểu tượng về biểu tượng, cứ như thế cho đến vô hạn.

Vô hạn ở câu trên là vô hạn của toán học, tức là một thứ tiến trình không thể đếm được mà chữ Sanskrit gọi là a - samkhyam (vô hạn ở đây là vô số — samkhyam: số; a-samkhyam: vô số) nói một cách khác là vô hạn về lượng (chữ Phạn gọi là a-parimitam) (cf. Rev. H.O. Mascarenhas, *St Thomas Aquinas and the Mediaeval scholastics, H' of Ph. E. and W. vol II, tr. 157*); chữ Phạn của vô hạn (anantam) hoàn toàn khác hẳn vô hạn trong nghĩa vô số (asamkhyam) và vô lượng (a-parimitam); vô hạn của St Thomas d'Aquin gần gần đến anantam của triết học Ấn độ; (e. g. Taittiriya Upanisads, 2-1). Thomas d'Aquin đã cho ta thấy rằng vô hạn của Aristote chỉ là vô hạn tương đối, *infinitem secundum quid* (cf. *Summa Theologica, I, q. 7, a. 2, c.*)

THỬ PHÁ HỦY NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG THÁNH THOMAS D'AQUIN

Sự ngạc nhiên là sự chuyển động (mouvement). Theo định nghĩa này chúng ta có thể định nghĩa triết học ở bậc thang thứ năm là:

Triết học là sự chuyển động về sự chuyển động của triết lý về sự chuyển động của tôn giáo về sự chuyển động của triết học về sự chuyển động của triết lý.

Và tôn giáo ở cấp bậc 6 thì:

Tôn giáo là sự chuyển động về sự chuyển động của triết học về sự chuyển động của triết lý về sự chuyển động của tôn giáo về sự chuyển động của triết học về sự chuyển động của triết lý.

Theo thánh Thomas D'Aquin « không có gì có thể đưa tiềm thể (potentiality) đến hiện thể (actuality) nếu không do một thực thể mà chính nó đang ở trong hiện thể ».

Và trước câu nói trên, thánh Thomas D'Aquin đã định nghĩa sự chuyển động (motion) chỉ là đem một sự vật từ tiềm thể đến hiện thể (cf. *Summa Theologica I, q. 2, a. 3, c.*)

Như thế theo định nghĩa tôn giáo ở cấp bậc 6 thì:

Tôn giáo được hiện diện do sức chuyển động của triết lý gây ra do sức chuyển động của triết học, và sức chuyển động của triết học này lại phát sinh từ tôn giáo, và tôn giáo từ triết lý và triết lý từ triết học, vân vân.

Từ *potentia* đến *actus* rồi bỗng nhiên ngừng lại *Actus Purus*, phải chăng thánh Thomas D'Aquin đã cưỡng bức và tiêu diệt *Potentia Purus*? Không có *Potentia Purus* thì làm gì có *Actus Purus*, nhưng ở đâu lại có *Potentia Purus*? Lại do *Actus Purus* sao? Như thế chúng ta lại tiếp tục tiến trình vô hạn của sự ngạc nhiên trong triết học, triết lý và tôn giáo.

Trong triết học Ấn độ chúng ta cũng thấy từ *prakrti* đến *purusa* rồi lại ngừng lại nơi *Uttama Purusa* (tức là *ISVARA*), mỗi một con người sinh hoạt là do sự biến thể từ *potentia* đến *actus* và sức sinh hoạt hay sự biến thể này được hàm dưỡng trong *Actus Purus* (theo thánh Thomas D'Aquin)

Do đó, theo định nghĩa về sự chuyển động trong *Summa Theologica* I, q. 2, a. 3, c: « Vì vậy cái gì được chuyển động thì phải được chuyển động do một cái khác nữa », và cái khác này được chuyển động do cái khác nữa, vân vân, cho đến vô hạn. Nhưng thánh Thomas D'Aquin nói rằng như thế thì không được: « Phải cần đi đến chuyển động đầu tiên, không do sức chuyển động nào khác thúc đẩy và mọi người đều hiểu đó là Thượng đế » (*Summa Theologica* I, q. 2, a. 3, c).

Như thế Vô hạn của thánh Thomas D'Aquin chính là vô hạn của hữu hạn và sức chuyển động liên tục ấy phải ngừng lại nơi suối nguồn phát ra sức chuyển động mà nếu không có suối nguồn này thì tất cả sức chuyển động liên tục đều ngừng lại.

Như thế vô hạn của thánh Thomas D'Aquin có khác gì vô hạn của Aristote? và lại còn thấp hơn vô hạn của toán học (nghĩa là vô số và vô lượng — *a-samkhya* và *a-parimitam* của Phạn ngữ). Đó là lý do cốt nghĩa tại sao trước khi từ giã cõi đời, thánh Thomas D'Aquin đã phủ nhận trọn sự nghiệp thần học của mình.

THỬ PHÁ HUỶ CĂN BẢN TƯ TƯỞNG CỦA JEAN PAUL SARTRE

Trong *L'Être et le Néant*, chúng ta thường thấy Sartre nói: « *L'être est ce qu'il n'est pas et il n'est pas ce qu'il est* ».

Nói như thế thì Sartre lại cũng chưa vượt khỏi thánh Thomas D'Aquin; sau đây ta hãy đem những biểu tượng (*symboles*) của J.P. Sartre đổi thành những biểu tượng của thánh Thomas D'Aquin:

est ce qu'il n'est pas = actus + potentia
 n'est pas ce qu'il est = potentia + actus

Khi dùng biểu tượng trên phải nhớ rằng sức chuyển động được liên tục là nhờ actus và potentia có liên quan dính liền nhau \rightarrow tượng trưng bằng dấu +

Sartre nói rằng không có Thượng đế nhưng Sartre thế lại bằng Néant; nhưng dù Sartre đã cố tình phủ nhận, nhưng Néant đã mang đủ đặc tính của một Thượng đế trong Thần học của St Thomas D'Aquin. Như thế Sartre đã thất bại trong việc phủ nhận Thượng đế của Thần học, vì chỉ phủ nhận một danh từ để gọi một danh từ khác, thay vì gọi là con bò chúng ta gọi là con trâu; nhưng dù gọi TRÁU hay BÒ thì con vật đó vẫn hiện hữu.

Trong một tiến trình potentia + actus + potentia + actus + potentia + actus + potentia v.v... đáng lẽ bài toán cộng này đi đến vô hạn, thay vì thế St Thomas D'Aquin ngừng lại không cộng nữa mà lại trừ - potentia ra khỏi tiến trình lũy tiến của bài toán cộng potentia + actus + potentia + actus v.v...

Sở dĩ actus mà thành hình được là nhờ có potentia trong nó, như thế trong actus có potentia, trong potentia có actus; khi St Thomas D'Aquin hủy bỏ potentia thì lúc đó actus không còn một tí potentia nào nữa, mà trở thành actus purus; nhưng nếu là actus purus thì làm gì có được một tí potentia trong nó để có thể làm ra sức chuyển động theo tiến trình lũy tiến potentia + actus hay potentia \rightarrow actus, như thế làm gì có sinh vật và kẻ sáng tạo? Làm gì có Thượng đế? Vì chỉ có Thượng đế là khi có loài người. Mà muốn có loài người thì phải có potentia trong Actus Purus - mà nếu có potentia trong Actus Purus thì Actus Purus không thể gọi là Purus mà chỉ có thể gọi là actus; như thế Thượng đế không còn là Thượng đế mà bị lói cuốn trong dòng luân chuyển của biện chứng pháp. Có thể nói về triết lý Sartre bằng danh từ Thần học của Thomas D'Aquin như sau:

Pour-soi = potentia
 En-soi = actus
 Néant = potentia purus
 Etre = actus purus

Như thế, sở dĩ có Actus Purus là vì có Potentia purus; sở dĩ có potentia purus là vì có actus purus, có SAT là vì có Asat; có Asat là vì có SAT.

Vì thế có thể kết luận Thượng đế của St Thomas D'Aquin và Hư vô của Jean Paul Sartre chỉ là MỘT và hoàn toàn giống nhau. Như thế chúng ta thấy Hư vô (Néant) của Jean Paul Sartre khác hẳn Hư vô (Nichts) của Heidegger; vì chính Heidegger đã ý thức cùng với Hegel rằng: « Etre pur » và « Néant pur » đều là một và giống nhau. Còn chữ « KHỔNG » (Sunyata) của Nagarjuna (Long Thọ) thì hoàn

toàn khác nữa, bởi vì Sunyata không phải là Néant pur mà cũng không phải là Être pur, không SAT cũng không A-sat.

X

VỀ DẤU HIỆU (signe) VÀ BIỂU TƯỢNG (symbole)

Dấu hiệu không thể thay thế dấu hiệu.

Biểu tượng có thể thay thế một biểu tượng.

Nếu dấu hiệu có thể thay thế dấu hiệu (thì ta gọi dấu hiệu đó là biểu tượng, chứ không gọi là dấu hiệu nữa).

Dấu hiệu báo cho biết sự có mặt.

Biểu tượng NÓI VỀ sự có mặt hay vắng mặt.

TRƯỚC là dấu hiệu; VỀ là biểu tượng.

Suzanne K. Langer đã phân biệt giữa IN FACE OF (trước mặt) và ABOUT (về) (cf. S. K. Langer, the Language Line...).

X

KIẾN THỨC SƠ DẲNG CỦA QUYỀN L'ÊTRE ET LE NÉANT

Quyền này chỉ là một bài toán công phu mà vẫn còn thuộc phạm vi toán học sơ đẳng cộng trừ — Bởi vì thực ra POUR SOI chỉ là dấu trừ (—) và EN SOI là dấu cộng (+) chỉ có thế thôi.

X

PHẬT GIÁO VÀ THƯỢNG ĐẾ

Phật giáo có nhận rằng có Thượng đế hay không? Thượng đế là một danh từ mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Thượng đế của Thánh kinh (Cựu ước và Tân ước), Thượng đế của Meister Eckhardt và Thượng đế của St Thomas D'Aquin. (Thượng đế của St. Thomas D'Aquin-khi-viết-Somme và Thượng đế của St. Thomas D'Aquin-trước-khi-ông-từ-trần đều là hai Thượng đế hoàn toàn khác nhau).

Phật giáo không nhận có hay không có một Thượng đế, đó là điều thông thường hiện nhiên ai cũng có thể thấy được, nhưng phải hiểu tư tưởng Phật giáo bao trùm thống quát hết mọi trạng thái của cuộc đời (bao trùm cả DAS UMGREIFENDE của K. Jaspers); vì thế, nếu đứng trên một vị trí giới hạn, ta sẽ thấy CHÂN NHƯ (Bồ đề) v.v... là một sức chuyển động đầu tiên hiểu theo nghĩa Thượng đế của St. Thomas D'Aquin.

Đứng trên một vị trí thứ hai, ta sẽ thấy Chân như, Bồ đề v.v... là một sự dặt dộng chuyển động, hiểu theo nghĩa Thượng đế của Maître Eckhardt.

Đứng trên một vị trí thứ ba, là sẽ thấy Chân như và Bồ đề v.v... không có, theo nghĩa «bồn lai vô nhất vật» của Lục tổ Huệ Năng.

CÂU HỎI và SEIN (L'Être)

Chỉ có một câu hỏi duy nhất (Frage) là câu hỏi về SEIN (L'Être). Đó là tất cả ý nghĩa của triết lý Heidegger và cả Jaspers, mặc dù SEIN của Jaspers có nghĩa là Transcendenz và khác ý nghĩa của Heidegger; cả ý nghĩa của Existenz trong triết lý Jaspers cũng khác Existenz của Heidegger).

Heidegger đã đánh dấu một biến cố quan trọng trong triết học khi đem SEIN ra khỏi sự lãng quên của triết học Tây phương từ Socrate, Platon, Aristote cho đến nay.

Nhưng chúng ta — những triết gia ở thế hệ này phải vượt Heidegger bằng cách đồng hóa Frage với Sein — FRAGE chính là SEIN — Triết lý không hỏi về Sein, mà chỉ hỏi, chỉ nhảy thẳng vào Frage.

Vượt Heidegger không có nghĩa là đi cao hơn Heidegger mà chỉ có nghĩa lôi ra ánh sáng (explication, éclaircissement; Jaspers: Erhellung) những gì mà Heidegger còn để nằm trong tối (implication).

HỎI và TRẢ LỜI

Người ta chết không phải vì không thể trả lời một câu hỏi, nhưng bởi vì đã có thể trả lời quá nhiều.

Hỏi là mystère, là méta-problematique trong tư tưởng Gabriel Marcel.

Trả lời là problème.

Hỏi là Être.

Trả lời là Avoir.

HIỂU và LÀM

Muốn giải thoát, không phải tiêu diệt sự nô lệ mà là HIỂU sự nô lệ.

Hiểu là hỏi.

Bi kịch không phải vì HỎI mà không thể trả lời được; bi kịch chỉ là không hỏi (và hỏi có nghĩa là ngạc nhiên). Tôi không thể CÓ sự ngạc nhiên. Tôi LÀ ngạc nhiên.

VỀ KRISHNAMURTI

Tất cả những quyển sách của Krishnamurti đều là những câu hỏi. Thường khi Krishnamurti đề cho mọi người đặt câu hỏi, nhưng Krishnamurti chỉ trả lời bằng cách hỏi lại hoặc trả lời mà không trả lời gì cả. Ta đoán rằng Krishnamurti đã giải thoát khỏi tiến trình biểu tượng.

REDUCTION EIDÉTIQUE CỦA HUSSERL

Reduction eidétique là quyết định làm thế giới xuất hiện trước khi suy tưởng VỀ. Nói cách khác là THỂ GIỚI, chứ không phải là VỀ thế giới. Nói đến sự hiện hữu hay không hiện hữu của Thượng đế. Nói đến Niết bàn và Vô minh đều là những suy đoán VỀ.

KANT VÀ NỀN TẢNG TRIẾT HỌC

Mở đầu quyển Critique de la raison pure, ngay dòng đầu của lời mở đầu : « Le raison humaine a cette destinée singulière, dans un genre de ses connaissances, d'être accablée de questions qu'elle ne saurait éviter, car elles lui sont imposées par sa nature même, mais auxquelles elle ne peut résoudre parce qu'elles dépassent totalement le pouvoir de la raison humaine ». (Préface de la première édition 1781. — Trad par A. Tremesaygues et B. Pacaud).

Câu này của Kant đặt nền tảng của một nền triết học mới và là tiêu chuẩn cho cả nền triết học Tây phương.

Trong câu nói này ta thấy tiềm ẩn những câu hỏi này :

- 1.- Vận mệnh của lý trí con người là thế nào ?
- 2.- Vận mệnh này có phải là vận mệnh của lý trí trong một loại trí thức của nó thôi hay trong tất cả ?
- 3.- Bản chất của lý trí con người ?
- 4.- Quyền hạn của lý trí con người ?
- 5.- Siêu việt tính của câu hỏi là gì ?

NỀN TẢNG CỦA TRIẾT HỌC MAI SAU

Nền tảng của suy tư mai sau phải bắt đầu xây dựng trên căn nguyên tính tưởng của Heidegger trong « ngôn sở ngôn » (das Gesagte dieses Satzes) sau đây :

« Dieses Seiende, das wir selbst je sind und das unter anderen die Seinsmöglichkeit des Fragens hat, fassen wir terminologisch als DASEIN ». (Sein und Zeit, p. 7, b).

Xin dịch lại bằng : « ngôn sở ngôn » của Nguyên Ngôn (Logos) của Việt nam :

« Tính thể này được phú bẩm — ngoài những tiềm thể khác — là tiềm tính tính vẫn mà chúng ta gọi là Dasein, tức là hiện tính thể ».

SỰ THẤT BẠI CỦA TRIẾT LÝ VÀ TRIẾT HỌC

Jaspers: « *Das Scheitern ist das Letzte* » (L'échec est la fin suprême).

Cf. Kant: « *Son oeuvre doit toujours rester inachevée, puisque les questions n'ont jamais de fin* » (Préface de la 1^{ère} édition 1781 - C.d.I. R. Pure).

Cf. Kant: « *Le terrain (Kampfplatz) où se livrent ces combats sans fin se nomme la MÉTAPHYSIQUE* ». (Préface de la 1^{ère} édition 1781).

NHỮNG CÂU HỎI TRIẾT HỌC VÀ KHOA HỌC

Nếu dùng theo thuật ngữ Kant thì tất cả những câu hỏi khoa học đều là ANALYTIQUE và những câu hỏi triết học thì SYNTHÉTIQUE.

Dùng theo thuật ngữ Karl Jaspers thì triết lý không có ĐỐI TƯỢNG còn khoa học thì có đối tượng (cf. *Rechenschaft und Ausblick*) nhưng Kant gọi les jugements géométriques là synthétique, vậy thì Kant đã đánh dấu sự cáo chung của hình học của Euclide và đồng thời đưa hình học theo viễn tượng của Lobatschevski và Riemann.

TRÁNH MÀ KHÔNG VƯỚNG

Làm thế nào khi suy tưởng, tránh ở đây mà không vướng vào bên kia bởi vì BÊN KIA và Ở ĐÂY cũng chỉ là một mà thôi.

Tránh Huệ Năng gặp Thần Tú, tránh Thần Tú gặp Huệ Năng thực là nguy hiểm.

Làm sao TRÁNH mà KHÔNG VƯỚNG?

Làm sao tránh mà không gặp ai hết hoặc không gặp bất cứ cái gì?

PHÁ HỦY NỀN TẢNG TÂM LÝ HỌC C.G. JUNG

Trong quyển *Psychological Types*, C.G. Jung phân chia hai loại: *INTROVERTED TYPE* và *EXTRAVERTED TYPE*; trong mấy chương đầu, C.G. Jung đưa ra mấy ví dụ để chứng minh tư tưởng tâm lý học của ông: Jung đem trường hợp của Tertullian và Origen:

— Tertullian: *sacrificium intellectus*.

— Còn Origen thì *sacrificium phalli*.

C.G. Jung cho rằng *sacrificium intellectus* là thuộc *introverted type*; và *sacrificium phalli* là *extraverted type*.

Nhưng có thể nói ngược lại không?

Chính *sacrificium intellectus* mới là *extraverted type* và *sacrificium phalli* mới là *introverted type*.

Vậy C.G. Jung đã sai; chính Origen mới là *introverted*, còn Tertullian chỉ là *extraverted*.

Freud đã phạm một sai lầm rất lớn trong tư tưởng nhân loại; nhưng sự sai lầm của Freud rất dễ thương và một sự sai lầm rất thông minh.

Còn sự sai lầm của C.G. Jung quả thật là ngu xuẩn.

Sự phân chia con người ra làm hai hạng, hai mẫu (introverted và extra-verted) là một thái độ trước sự vật theo phạm trù LY TÍNH.

LY TÍNH tức là đa DIỆT TÍNH.

Làm thế nào để biết được biên giới của IN- và biên giới của EX-?

Nếu IN- và EX- đều có thể cùng lúc nói chung cho một THỂ thì sự phân hạng của C.G. Jung mất raison d'être.

Dù rằng không ai là hoàn toàn IN- và không ai hoàn toàn EX-; mà trong mẫu người IN- luôn luôn có một chút chất EX-; trong mẫu người EX- luôn luôn có một chút chất IN- (như chính C.G. Jung đã từng thấy như vậy), nhưng tôi vẫn muốn đặt lại vấn đề từ NGUYÊN TÍNH:

— Sự phân hạng của C.G. Jung đã LY TÍNH, vì đã đưa TÍNH rơi vào SỐ LƯỢNG.

Khi nói trong mẫu người EX- có một phần EX- là đã rơi vào SỐ ĐẾM.

Bây giờ không cần phê phán C.G. Jung trong nguyên tính nữa.

Tôi chỉ xin phê phán trên cương vị THƯỜNG TÍNH. Tôi sẽ dùng SỐ ĐẾM để phá hủy tư tưởng SỐ ĐẾM của C.G. Jung, tôi xin dùng toán học của hai nhà toán học Đức nổi danh khắp thế giới là George Cantor và David Hilbert.

Số học của George Cantor và David Hilbert là « số học vô số học »; theo phương pháp đo vô số theo điệu SONG HÀNH của George Cantor, chẳng hạn như đo số thường (chẵn và lẻ) và số chẵn để xem coi loại số nào nhiều hơn:

1	2	3	4	5	6	7	8	v.v...
↑	↑	↑	↑	↑	↑	↑	↑	
↓	↓	↓	↓	↓	↓	↓	↓	
2	4	6	8	10	12	14	16	v.v...

Theo lối so sánh vô số như trên thì ta thấy sự vô số (infinity) của những số chẵn (even number) thì cũng BẰNG, cũng NHIỀU NGANG NHƯ sự vô số (infinity) của tất cả các số (cả chẵn lẫn lẻ).

Bởi vì theo « số học của vô số học » (arithmetics of infinity) thì một phần bằng toàn thể; hay nói rõ hơn: một phần của toàn thể lớn bằng ngang chính toàn thể ấy.

Trong tư tưởng tâm lý học của C.G. Jung TIỀM ẨN tư tưởng số lượng hay tư tưởng số đếm; nhưng tư tưởng số học của C.G. Jung còn quá NON KÉM, chưa tiến triển đến số học của vô số học, thành ra C.G. Jung đã thấy lệch vấn đề rất xa và rất ngu.

C.G. Jung nói rằng khi phân loại mẫu người thì sở dĩ gọi là mẫu người IN- là vì trong người ấy chất IN- nhiều hơn chất EX-; và sở dĩ gọi là mẫu người EX- là vì trong người EX- ấy, chất EX- nhiều hơn chất IN-; nói một cách khác, trong EX- có IN-; trong IN- có EX-; nhưng sở dĩ gọi là EX- hay gọi là IN- là tùy theo trường hợp số lượng của EX- hay IN- nhiều hơn hay ít hơn.

Lý luận của C.G. Jung là thứ lý luận sơ đẳng và ngu xuẩn.

Nếu chúng ta có học qua « số học vô số » thì ta thấy rằng một phần EX- cũng bằng và nhiều ngang như toàn thể IN-; hay một phần IN- cũng bằng hoặc nhiều hơn toàn thể EX-; chẳng hạn như tôi có thể đo theo lối song hành của nhà đại toán học George Cantor:

1 ex	2 ex	3 ex	4 ex	5 ex	6 ex	7 ex	v.v...
↑	↑	↑	↑	↑	↑	↑	
↓	↓	↓	↓	↓	↓	↓	
2 in	4 in	6 in	8 in	10 in	12 in	14 in	v.v...

2 in, 4 in, 6 in, vân vân thay thế cho một phần IN-; vì 2, 4, 6 đều là những số chẵn, tức là chỉ một phần của toàn số (toàn số gồm có số chẵn và lẻ).

Còn 1 ex, 2 ex, 3 ex, vân vân thay thế cho toàn thể EX-; vì 1, 2, 3, 4 đều là toàn số.

Như thế, một phần IN- bằng và nhiều ngang nhau với toàn thể EX- trong một mẫu người. Vậy làm sao có thể gọi một người nào đó thuộc loại EXTRAVERSION khi một chút chất INTROVERSION trong người ấy cũng nhiều ngang như EXTRAVERSION! Trường hợp này áp dụng cho tất cả mọi người.

Như thế, Tertullian vừa là EXTRAVERTED TYPE vừa là INTROVERTED TYPE (mỗi type này đều là 100%/o) và trường hợp Origen cũng giống như vậy.

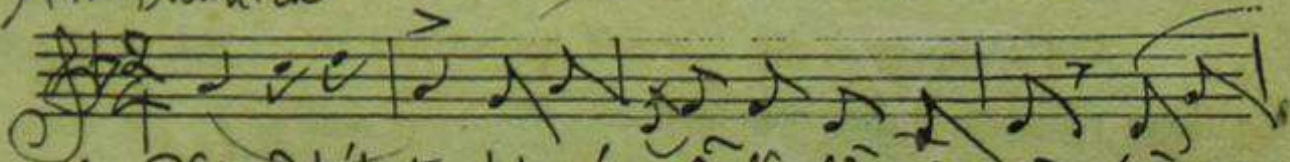
Thế là tôi đã phá hủy tâm lý học của C.G. Jung từ căn bản và đánh dấu sự cáo chung của tâm lý học Tây phương.

Saigon, tháng 6, 1965
PHẠM CÔNG THIỆN

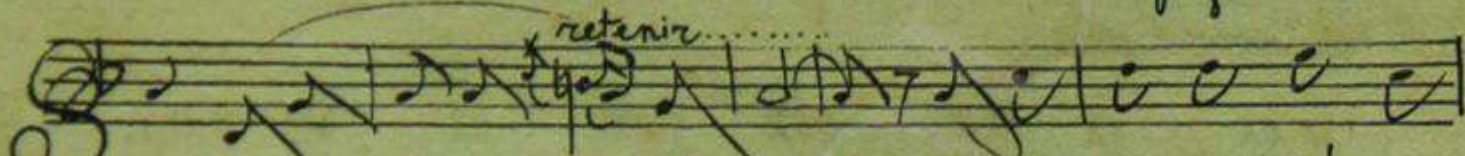
Tiếng hát thật to!

nhạc và lời:
Phạm Duy

Alla Ballata



1. Lời sẽ hát to hơn súng nổ bên bờ ruộng già Lời tôi



2.

Lời si hát to hơn những kẻ khêu ngon lúa thu.
Lời tôi ca lời tôi ca như suối rừng thu
Lúa âm u ai đốt từ lâu

Miền quê tôi khua tiếng kêu gao
Lời tôi ca như nước nhiệm màu
Thánh mưa rơi cho đất niềm đau

Lời si hát to hơn lũ quỷ đang tìm đường về.
Lời tôi ca lời tôi ca xưa hai hững đi
Mùa xuân qua ai mất tuổi thơ

Lời tôi ca hơn má xuân già
Cơn yêu nhau xin cứ mãi mãi
Đừng cho ai ăn cướp tình ta

3.

Lời si khúc to hơn đứa nhỏ đang ngời via hè
Trẻ bỏ về trẻ bỏ về đi giữa vườn hoa
Hỏi thăm em có mẹ cha

Hỏi thăm em có ông ba

Hỏi thăm em em có cửa nhà

Một ngày qua em mất cả ba

Lời si khúc to hơn đứa nhỏ đang tìm nụ cười.

Trẻ thơ đi trẻ thơ đi xin đến gần tôi

Cùng em chơi tôi có bàn tay

Và đợi môi tôi hát ầu ơ

(Chia) hạt cơm rơi hay bát gạo đầy

(Cũng) như ven sông hay gôi bụi cây

4.

Trời sẽ khóc cho em gái nhỏ theo mẹ chú nhà
Mặt chiều mưa Một chiều mưa (đi) trong ngõ buồn nhỏ
Tủ vườn quê ra chôn phần hoa
Người em xưa đi vắng đến nhà
(Rồi) Chợt đêm đêm son phấn nhạt mờ
(Mới) Nhận của tôi dâng mấy lời thơ
Trời hát tiên đưa dầm thieu phụ quay về tương như
Lời tôi ca lời tôi ca hun bết lạnh tro
Lời như tờ như tóc tìm nhau
(Giống) thơm tho chấn gôi tuổi máu
(Mạnh) giống to rồi / vợ ngay vào
(Còn) lại bao nhiêu (vẫn) soi rõ mặt nhau

5.

Trời sẽ hát to hơn tiếng nhạc mở hồ phồng trà
Này danh ca này danh ca không có giọng ca
Này danh ca vô khúc tình ca
Mãnh vui điên hay khóc than vô
Xông hơi da hơn tiếng nhạc thừa
Nghẹn lời ca hay đứt đường tơ
Trời muốn hát thay cho giọng cái lương gầy một ngày
Về chợ quê Về chợ quê ruộng trồng cầu may
Lời tôi thay anh Kép già cầm
Lâm quân đi theo nữ anh hùng
Giết Coai gian hay giết mình thân
Và hoan hô ông lão hiền trung

6.

Lời sẽ hát to những hát nhỏ hơn lời mọi người
Mặt ngày nao mặt ngày nao nghe bỗng đây với
Loan dân tôi ca hát niềm vui
Loan dân tôi ca khúc yêu đời
Mặt ngày tan chinh chiến thật rồi
Loan dân tôi vui sống thắm thời

Lời sẽ hát to những hát nhỏ như lời nguyện cầu
Lời yêu nhau lời thương nhau cho đến dài lâu
Lời tôi ngọt như tiếng trăng Kêu
Lời tôi vang như tiếng chuông chiến
Lời tôi cao như tiếng ngọn diêm
Lời tôi sâu như tiếng tình yêu
(lời tôi sâu như tiếng tình yêu)

tháng 6/65

AN DI

ĐẾN HÔM NAY BẮT ĐẦU

Nay trở về quỳ hỏi mẹ con đâu
cha đã quên đi từ thuở nhỏ
mẹ ở bên này hay bên kia
— mẹ con giờ đã mất
cho đến hôm nay con bắt đầu biết khóc
và khóc thật nhiều
để thấy mình lớn khôn
từ mấy mươi năm con có lúc nào vui
mà cũng chưa biết buồn
cả đêm dài mưa luôn
cho đến hôm nay tôi bắt đầu biết khóc
từ thuở sơ sinh
chưa bao giờ thấy mẹ
nhớ tấm hình xưa em đã cắt
con dỡ ra xem
mặt mẹ còn xinh như chưa bao giờ chia cắt
sau tấm hình mẹ con gầy gáp
bây giờ xin chỉ cho em
mặt mẹ đây này em còn nhớ không?
bây giờ xin chỉ cho anh
mặt mẹ sáng lên vẫn còn hy vọng

này anh

này em

có trông thấy mặt mẹ giống mình

người cha tu hành lặng thinh

cho con xin quỳ xuống

tôi nhớ năm xưa

chuyện tưới nước cam lồ cho người sống lại

nên chạy đi tìm một vị cứu tinh

duyên con chưa được gặp

— chiều nay

bầu trời giông tố u ám nhiều mây

tôi đi nhặt cỏ cây và đất khắp nơi đây

đất cả hai miền nam bắc

chiều nay

tôi mang từng gánh đất quý hương trên đôi vai gầy rạc

lấy nước sông nhồi vất

nặng nên hình mẹ tôi

tôi sẽ ngồi đây thấp nén hương cầu nguyện

có lẽ ngày nào cũng gặp được duyên

người đến với nhành dương rướn lên hình tượng

chiều nay

tôi đã quay về bốn phương tám hướng

cho hồn nhập định về tây

em hãy nhìn tôi đây

tôi đã nguyện cho tôi vỡ tung lòng ngực

để yên sóng gió ba đào

như đã có Người từ nẻo trăng sao

đến bao giờ tôi gặp?

mẹ ơi!

con xin cúng dâng thịt xương hình vóc

cho đến hôm nay con bắt đầu biết khóc

khi trở về hỏi mẹ con đâu

cha cũng ra đi về vô ngã.

KIM TUÂN

THÁP CỔ

cho Trịnh-công-Sơn
và Đinh-Cường

Mưa bay mưa bay mưa buồn tháp cổ
Anh xa quê hương nước mắt Chiêm Thành!
Anh xa quê hương bao giờ trở lại?
Giọt sầu nhỏ xuống đêm đen.

Như chim tha hương qua miền giá lạnh
Cánh nối đường mây thương nhớ ai hoài
Dù chỉ một lần đi kiếm tương lai
Hai bàn tay không hai bàn chân mới
Giận mình hóa kiếp muôn năm

Nước mắt anh đầy cuộc đời giả trá
Có gì để nhớ nhau thêm
Đường xa, đường xa bên rừng núi đứng
Thương em trăm năm giấc mộng êm đềm

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Tòa soạn GIỮ THƠM QUÊ MẸ vừa nhận được các tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm tạ và ân cần giới thiệu với bạn đọc:

- * **ĐÊM**, tập truyện ngắn của Dương Nghiễm Mậu, do Giao Điểm xuất bản. Sách dày 150 trang, bản tặng không đề giá.
- * **THƯƠNG NHỚ MỘT MÌNH**, truyện dài của Sĩ Trung do Miền Nam xuất bản. Sách dày 438 trang, giá 75đ.
- * **ĐÊM XUÂN TRĂNG SÁNG** của Võ Phiến do Thời Mới xuất bản. Sách dày 172 trang, bản đặc biệt không đề giá.
- * **HAI CỐI U MINH**, tập truyện ngắn của Sơn Nam do Hữu Nghị xuất bản. Sách dày 196, trang giá 50đ.
- * **ĐÊM LÊN CƠN DÀI**, thơ Triệu Cung Tinh, 36 trang, giá 30đ.

CHÍN

ĐÔNG SỰ

Mỗi khi về làng làm việc, tôi không quên ghé nhà Lợi trong năm bảy phút để «đánh giây thép» với nó. Số là cậu bé trong thôn này có lối trò chuyện bằng những câu cụt ngắn — ngắn còn hơn những câu nói chuyện đi bằng điện tín.

- Ba em đâu rồi? tôi hỏi
- Ba đi làm!
- Còn má em?
- Má làm ngoài Saigon!
- Em còn đi học hay không?
- Hết rồi!
- Em học tới lớp mấy?
- Lớp nhứt!
- Trường nào vậy hả em?
- Trường Phước-Thiện!

Trả lời như vậy không có nghĩa là Lợi không muốn trò chuyện, không muốn tiếp khách. Phải nhìn con mắt sáng và đầy thiện cảm của nó khi tôi và chị bạn bước vào nhà mới biết được như thế. Và cũng phải nhìn mấy cái răng to trắng nhô ra một cách thực thà của nó khi nó nói chuyện thì mới thấy có thiện cảm với nó được. Nó mới có mười ba tuổi mà đã khá

cao. Nước da đen sạm, có lẽ vì phơi nắng nhiều quá. Chị ba nói đùa: «Em Lợi chuyên môn đánh giây thép». Lợi không hiểu, đứng ngơ ngác. Tôi cười xòa và nói:

— Lợi biết chị Ba nói xấu gì em không? Chĩ bảo em hay trò chuyện bằng những câu ngắn quá, như khi mình đánh dây thép hà tiện chữ sợ viết nhiều, tốn tiền đó mà.

Không biết Lợi có hiểu, có giận có buồn hay có vui vì câu nói đùa hay không mà chẳng thấy có phản ứng gì trong đôi mắt và trên cái miệng cười của nó cả.

Trong xóm ai cũng coi Lợi như người lớn bởi vì nó đảm đang tất cả công việc nhà. Má nó thì đi làm mướn cho người ta ở ngoài Saigon. Ba nó say sưa tối ngày. Một mình ở nhà, nó đi bắt cá, câu tôm, nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa thật vén khéo tươm tất. Nó còn lo áo quần cơm nước cho hai đứa em, săn sóc chúng như một người mẹ săn sóc cho hai đứa con thơ. Thằng sáu vừa cầm lại điếc,

chín tuổi, và thằng Tám năm tuổi. Nó cũng còn một đứa em gái thứ năm, kể đó. Con bé cũng phụ rửa chén nhặt rau cho nó được. Chung quanh nhà có trồng rau. Có một giàn mướp. Chính Lợi dựng giàn, gieo hạt, chăm sóc cái vườn. Từ trong ra ngoài, Lợi chăm sóc chu đáo. Lối xóm có ai muốn xin vài cọng rau thơm ăn cũng đến hỏi Lợi.

Có một bữa nọ tôi ôm thằng Tám vào lòng, thì Lợi cũng đến gần vuốt tóc em nó và nói:

— Chín coi, lớn vậy mà tối nào đi ngủ cũng đòi: anh Tư! gối mềm, anh Tư!

Lợi là anh Tư, và tối nào cũng ngủ chung với các em. Nhà có bộ ngựa đề dành cho ba của chúng nó. Cái giường tre phía trước là để cho con Năm và thằng Sáu, nó và thằng Tám nằm cái chông phía trong.

— Em biết đi câu, đi nôm cá không? tôi hỏi.

— Biết! Lợi đánh giầy thép.

Con Năm nói:

— Anh Tư em cái gì cũng biết hết.

Tôi nhìn lại Lợi, anh Tư của bọn nhỏ. Cái quần cụt đen. Cái áo sơ mi rằn cù. Đầu Lợi hớt brosse, tay chân đen thui, mắt khá to và sáng. Hàm răng vì hơi hô nên lúc nào nhe ra như là muốn cười. Tất cả những gì về nó cũng đều diễn tả cái chất phát, quê mùa mà đôn hậu. Nhìn nó thôi tôi cũng biết rằng nó không thể ôm các bạn bè mà vật lộn như những đứa cùng lứa tuổi.

Luôn mấy hôm về làng tôi không thấy Lợi. Thì ra nó phải đi Thủ-Đức phụ làm thợ cắt nhà hay là xây lò gạch. Chi đó đề kiếm tiền. Má nó mất sở làm rồi.

Má nó ốm, cao, và nước da xanh mét, mặt bác dài và nhỏ, hàm răng đều đặn. Bác có một cái u nhỏ trên trán phía bên mắt trái. Cái u màu xám đen trông rất khó chịu và dễ sợ. Bác đi làm thuê công tháng cho người cháu gái giàu có ở Saigon. Mỗi tháng về nhà một lần. Bữa giờ ông ngoại thằng Lợi, bác đã về nhà không nói trước, nên cô cháu bèn cho «nghỉ việc» luôn. Từ hôm bác về, nhà cửa bác phải trông nom, vì Lợi đã phải đi làm nuôi gia đình. Lúc nào cũng thấy bà làm việc. May, vá, trồng trọt. Bác mua rau muống về chế thành từng cọng nhỏ và dài để bán ở chợ bên cầu mỗi sáng. Bác thích sắm chén đĩa nồi chảo mới. «Của bà mua đó, bác trai, ba thằng Lợi nói. Bà có bao nhiêu tiền là đi lo mua sắm chén đĩa nồi chảo».

Mỗi lúc dạy nữ công cho bọn trẻ ở Trường Chim - Sơn - Ca xong, tôi thường hay ghé nhà Lợi. Ngồi chế rau muống phụ với bác gái, tôi nghe bác tâm sự về ba thằng Lợi: «Thật là khổ lắm đó Chín. Mỗi lần ông say thì ông chửi lung tung, mắt lòng thiên hạ hàng xóm hết». Vậy mà tuy có phàn nàn về bác trai, người làng đầu trên xóm dưới ai cũng thương bác gái. Bởi vì, khi ai đau ốm bác cũng lo. Bác đi coi thầy, coi bà, tìm thuốc tìm thang và lo việc cúng quảy giùm. Có một bữa má con Huệ lâm sự. Bác hối hả chờ đi Saigon ngay. Tới nhà bảo sanh thì sanh liền. May quá. Chị Bảy má con Huệ khen bác dễ thương và chê bác trai không biết điều.

Bác với bác trai là «chấp nối» chứ không phải gặp nhau từ hồi trai trẻ. Bác có một đời chồng trước và đã có hai con trước khi gặp bác này. Hai cô con gái nghe nói cũng «sạch sẽ và ngăn nắp» như mẹ. Bác thuộc về hạng những người đàn bà biết chịu khó buôn tăn bán tảo nuôi gia đình.

Ba của Lợi cũng ốm, nhỏ người. Nước da đen bóng, hơi đỏ, tuổi trên dưới bốn mươi lăm. Khi trời hơi lạnh, hoặc lúc có khách thì bác mặc thêm ra ngoài cái bà ba cũ cái áo lính dài tay mới mua lại được với giá rẻ.

Một buổi sáng chủ nhật, tôi về làng dạy cho các em gái làm mút trái chùm ruột—trái này rất nhiều trong làng—ghé vào thì thấy bác trai đang ngồi trước nhà ngó mong ra đường. Thỉnh thoảng quay lại nói chuyện với bác gái. Tôi nhen lửa dưới bếp với các em nhỏ trong xóm. Bác gái chằm chằm ngồi vá lại áo cũ cho con, yên lòng cho tôi muốn làm gì dưới bếp thì làm. Tôi cũng sung sướng thấy mình được đối đãi như người nhà. Cái áo tôi mặc đây tuy xấu mà vẫn còn thơm tất sang trọng. Tôi nghĩ khó mà «đồng sự» một cách hoàn toàn với dân làng. Dù cố gắng, vẫn còn có một cái gì cần vượt qua. Bữa trước tôi ở lại ăn cơm với hai bác. Bác gái nói chuyện về Lợi hiện đang ở Thủ Đức. Bác trai vừa nhai vừa nhìn tôi, nói chuyện rất tự nhiên với giọng kẻ cả (điều này tôi cũng lấy làm sung sướng):

— Bác nghĩ ở đời có được miếng cơm là quý, cần chi sang giàu. Sau trận chiến tranh này, ai tu nhiều kiếp mới còn sống sót. Tôi buông bát nhìn lên:

— Dạ, con thấy sao mình có phước quá. Xa hơn mình có mấy cây số thì đã thấy khờ. Mỗi ngày bên này bên kia bắn nhau chết chẳng biết bao nhiêu.

Thế rồi thì tất cả những cảm nghĩ của bác trai về chính trị và thời cuộc cứ tuôn chảy ra như không bao giờ ngừng, cạn. Tôi phải xoay câu chuyện sang hướng khác.

— Hai bác thiệt có phước quá. Em Lợi vừa ngoan ngoãn vừa đảm đang.

— Ừ, bác từ xưa đến nay toàn gặp chuyện may không thôi, Chín à. Có lẽ nhờ bác biết lẽ phải đối với mọi người. (Tôi chắc bác không biết nhiều đến khâu nghiệp của bác). Thằng Lợi đó, năm nó lên năm tuổi tưởng đã bỏ nó rồi a cháu. Giữa đêm giữa hôm phát dưng đau bụng, nhào lên nhào xuống vậy đó. Sáng sớm, bác chạy lên ông hai đầu xóm xem tuổi nó, cho ông biết giờ đó nó đi về hướng nào, thì ông lật sách coi và nói: «ông bà» thấy thương rờ đầu chơi đó. mới «rờ đầu» mà đã gần chết như vậy. Bác liền mua cây quả nhang đèn cúng vái xong là nó hết bệnh.

Bác ăn được bốn chén cơm. Và bác nói toàn chuyện ăn hiền, ở lành, như phần đông những người lớn tuổi lúc nhàn nhả. Có một bữa ngồi chẽ rau muống, tôi nghe bác gái cho hay là ngày nào bác trai cũng uống ít nhất là sáu đồng bạc rượu đế. Mỗi bữa cơm uống chừng hai đồng. Tôi nói nhỏ: Sau bữa trước ăn cơm với hai bác, cháu không thấy bác trai uống rượu? «Ừ, thì vì có cháu nên ông chẳng uống đó». Vậy ra sự có mặt của mình và của các bạn ở làng cũng khiến cho các bác nề nang nhiều đấy chứ. Vấn đề bài

trừ nạn nong rượu đã được đặt ra mấy tháng rồi mà chưa tìm ra cách giải quyết cho được êm đẹp. Có lẽ phải đi từ từ. Kể cả đến các cậu trai trẻ mười bốn mười lăm tuổi mà cũng đã uống «lai rai» rồi mà. Bác trai có cảm tưởng rằng bác không còn có بدن phận nữa. Lợi lúc nào cũng làm việc, má nó cũng vậy. Bác thì chẳng hề làm gì, dù Lợi đi khỏi cả tuần cũng vậy. Thế mà mỗi ngày uống tới sáu đồng bạc rượu. Bác hay đi đứng lưng chừng, hoặc ngồi chồm hồm trên bức ngựa, hoặc khoanh tay lại ngó ra sân. Dáng điệu và nước da của bác khiến ta tưởng là bác đã già nua, nhưng hai mắt và cái miệng của bác khi bác cười thì lại cho ta biết rằng bác còn trẻ.

C hỉ khi túng tiền lắm bác mới chịu đi làm thuê ít ngày. Khiêng gạch. Bào. Giũa, v.v... Bác không có nghề gì chuyên biệt. Có lẽ nếu tôi ăn cơm nhà bác lâu thì bác bớt được rượu. Bớt thôi, chớ bỏ thì chắc còn lâu.



Làm việc đúng một tháng mà Lợi chỉ được chủ cho nghỉ một ngày chủ nhật.

Những người hàng xóm của Lợi đều nhân ngày đó về thăm nhà. Nhưng Lợi chẳng về. Nó nhắn về với ba má nó rằng nó sẽ gắng ở lại cho đến khi nào làm xong việc thì về. Ba nó than nhớ nó. Không biết nó có nhớ nhà không. Có lẽ nó nghĩ rằng nhà cửa đã có má nó lo thì nó có thể yên tâm ở lại.

Tôi đi Huế một tuần. Đến khi về làng, ghé tới thì gặp Lợi. Mắt em trộm, da em xanh và má hóp hẳn đi. Hỏi ra tôi mới hay em đi làm ở cả Bình-Tuy, Rừng Lá, chỗ có tiếng là rừng thiêng nước độc. Má của

Lợi bảo là có dẫn em đi bác sĩ chích thuốc cho nên hôm nay em bớt nóng rồi. Tôi yên tâm ra về. Nhưng sau đó mấy hôm trở lại thì thấy em càng ốm, càng xanh. Đôi mắt sáng đã mờ dần đi và đôi môi trắng bệch. Cái má càng hóp lại. Lợi vẫn hiền từ, nhăn răng cười với tôi. Tôi hỏi em đã bớt chưa? Má em nói: bệnh nó còn nhiều nhưng hôm nay đã hết tiền rồi, không đi bác sĩ được. Tôi bảo đưa toa thuốc cho tôi xem. Thì ra Lợi bị rét rừng. Đáng lẽ phải uống Nivaquine theo các bạn tôi bảo nhưng thấy uống mấy ngày chưa lành đã vội ngưng, nghĩ rằng đi chích thuốc ở Saigon hay hơn. Tuy vậy em vẫn không hết bệnh. Vừa rồi có người bày cho Lợi ăn trái *thảo khấu*. Ăn rồi thấy đỡ mồ hôi, mát nhiều, và đêm đó Lợi ngủ được. Nhưng bữa nay Lợi vẫn còn mệt, và đẩy mình mọc toàn *ban bạch*.

Tôi nghĩ không có cách gì để giúp Lợi ngoài cách đưa chút tiền cho em uống thuốc. Nhưng như vậy là trái với nguyên tắc làm làng rồi còn gì, vì trong làng chưa tổ chức được hợp tác xã tín dụng? Gia đình Lợi làm sao vay tiền được?

Tôi tìm hết cách để tế nhị giúp cho em vài trăm bạc. Thật là khó vì phần thì sợ trái nguyên tắc anh tôi rầy, phần thì sợ gia đình ấy ngần ngại. Nhưng cuối cùng Lợi nhận sự giúp đỡ. Em mua trái *thảo khấu* và ăn thêm cho đến khi hết hẳn sốt. Nửa tháng lên rừng làm việc, lãnh 450đ về rồi ngã xuống đau ốm như thế này thì thật là tội nghiệp.

Lợi đã bình phục dần dần, tuy còn yếu và xanh. Tôi muốn đi xin cho em một cái học bổng nhỏ để nó có thể học cho hết lớp nhất. Khi nghe tôi nói, mắt Lợi

sáng lên. Nó là một đứa bé chịu khó và siêng năng làm việc. Nếu được một chút giúp đỡ, chắc chắn nó sẽ vượt được những ràng buộc của nghèo khổ.

Tôi gửi xe solex ở nhà Lợi rồi đi vào xóm. Trong khi làm việc thì trời mưa. Khi tạnh mưa trở về để lấy xe thì thấy trên xe có phủ một chiếc áo mưa cũ. Chào má của Lợi xong tôi cầm lấy chiếc áo mưa lên xem có phải chiếc áo mưa của tôi không, bởi vì tôi có để phía sau xe chiếc áo mưa của tôi trước khi vô xóm. Nhưng bác vội nói: «Không, không, áo mưa của cháu bác để trong nhà đây. Thằng Lợi nó bảo bác đem chiếc áo mưa của nó để che cho xe cháu khỏi ướt đó. Chớ mà rui xe ướt chạy bắt máy không

được rồi thì làm sao? Tôi cảm động vì Lợi còn bệnh nằm yên một chỗ mà cũng lo lắng cho tôi. Thật là một thứ tình cảm chân thực chứ không phải thứ tình cảm chờ bánh chờ kẹo của một vài xóm nghèo trong thành phố.

Hôm về làng lo làm khai sinh cho Lợi, tôi thấy em hân hoan ra mặt: «Chín ơi, em còn bệnh rồi làm sao mà em đi học được hả Chín?». «Thì em cứ thông thả, để lành hẳn rồi đi học, có sao đâu» Lợi nôn nao như cậu học trò lên năm mới được đi học lần đầu.

Tôi đặt tay lên trán nó cho nó nằm im. Trưa đó, tôi ở lại nấu và ăn cơm với gia đình Lợi.

CHÍN

NGÀY LẠI NGÀY

sổ tay của

TAM ÍCH

Ở Mỹ, các nhà văn nghệ có tiếng như Truman Capote, Saul Bellow, Salinger, Kérouac... có tiền dư, nhưng vẫn thiếu một cái gì có tinh chất... tinh thần. Họ luôn luôn đề cao một đời sống ép xác và hường thượng...

★

Thiếu thì kêu thiếu! Thừa thì lại phàn nàn là .. thừa!

Jean Giono, một tiểu thuyết gia Pháp trứ danh năm nay bảy chục tuổi. Ông ăn mừng sinh nhật: có tiệc, có quan khách, có ký giả phỏng vấn.

Ký giả Gilbert Ganne nói chuyện với ông về Camus, hỏi ý kiến ông về tác giả L' homme révolté, ông trả lời:

— Tôi chưa từng đọc Camus, dù là chỉ đọc một giòng mà thôi! Tôi không thích Camus. Có, tôi có ngó qua, nhưng thấy sách vở Camus khó tiêu....

Gilbert Ganne hỏi thêm:

— Có nhiều người ông không thích? Nhiều.

— Sartre, chẳng hạn...

— Sartre ấy à? Đối với tôi, Sartre không có trên trái đất này. Ở, chỉ là chuyện Dubo, Dubon, Dubonnet.

— Nói một cách khác?

— Nói một cách khác, Sartre chỉ là chuyện quảng cáo mà thành danh! Có gì mà phải quan tâm!

Còn Mauriac?

— Ông cho phép tôi nói riêng với ông nhé! Tôi chưa từng đọc sách của Mauriac. Tôi chỉ đọc mấy tên sách. Mà hẳn là sách của tôi, Mauriac cũng chẳng bao giờ đọc. Thì giờ đâu mà đọc cho hết!

★

Bài phỏng vấn dài, nhưng tôi chỉ trích một đoạn quan hệ đến điều tôi muốn nói. Nghĩ là ai cũng thấy ngay rằng Jean Giono có vẻ hằn học đối với Camus, Sartre,

Mauriac... lắm. Nhiều lý do. Còn có một lý do rất... người. (ôi, người ơi là người!) là lý do sau này, tôi còn nhớ rõ vì tôi có theo dõi từ xưa. Số là trong đệ nhị thế chiến, Giono, cũng như Montherlant, Sacha Guitry... ở dưới một hình thức nào đó, cộng tác với chính quyền Vichy — nghĩa là với Đức quốc xã.

Đến ngày giải phóng, lẽ tự nhiên là dư luận không tha... kể cả dư luận các nhà văn đã từng đau thương khùng khiếp vì Hitler. Ngày nay, có dịp được sống lâu, có dịp được giàu có... Giono trúi «bầu tâm sự» lên đầu Sartre, Camus...

★

Già mà đại.

★

Tôi được tin Roger Vaillant chết ngày 12-5-1965. Vaillant là tác giả những tiểu thuyết *Drôle de jeu*, *La loi*, *Les mauvais coups*, vân vân...

★

Nhất là cuốn *Drôle de jeu* được giải Interallié vào năm 1948. Tôi đã đọc cuốn ấy bốn lần: ngày nay già có thì giờ vẫn có thể đọc lại...

Ở Âu châu, thiên hạ trăm trồ khen cuốn *Drôle de jeu* kể cả cuốn *Bon pied bon oeil* có thể gọi là *Tục Drôle de Jeu*. (Cũng như *Tục Anh hùng náo*, *Tục Tái Sinh Duyên*... *Tục* là chuyện kể tiếp, cũng gọi là *Hậu*: *Hậu Anh hùng náo* chẳng hạn...)

Sách tả một mẩu chuyện kháng chiến trong thành phố Ba lê thời Pháp bị chiếm đóng: có tình bạn, có tình yêu... có hương vị phóng biếm (cynisme) rất linh động, đầy thi vị. Có một vài sinh viên vào cuộc với tất cả sự say mê của tuổi trẻ — có một vài lãnh tụ chính

trị — có một vài người đàn bà đẹp một cách vất vả, bất đắc dĩ phải yêu nước. Và có cả một mối tình: một mà thành hai... thành ra có cả một sự phản bội rất trắng trợn... rất siêu thực. Rất siêu thực vì ngày xưa Vaillant có chân trong nhóm siêu thực — sau mới bỏ nhóm. Nói bỏ là nói ép: chân trong chân ngoài, chân thấp chân cao... *Drôle de jeu* hay là nhờ cái hương vị siêu thực thấp thoáng ấy. Thấp thoáng mới hay, chứ đậm quá, dày quá thì lại làm mất thi vị. Cái hay của toàn diện tiểu thuyết của Roger Vaillant rất thắm — khó tả.

Vaillant chết. Văn học Pháp đeo một vành khăn tang lớn kia đó! Riêng tôi, xin thú thật là đã ngậm ngùi bàng khuâng... lâu

Anh Hồ hữu Tường mới tặng tôi cuốn *Nợ tình thần*, anh là tác giả.

Tôi đã đọc lại truyện ngắn *Con thần* lần chọn nghiệp — trước khi đọc những bài khác.

Nghĩ rằng, trên phương diện văn nghệ, chỉ riêng một truyện ấy cũng đủ cho phép tác giả hãnh diện — huống gì còn có những tác phẩm khác.

★

Hôm nọ, gặp anh Nguyễn Ngu Ý. Anh Ngu Ý nói với tôi một mẩu chuyện gì đó — rồi nói thêm: «Anh Tường với anh là cố nhân» Danh từ cố nhân làm tôi bàng khuâng. Trong cuốn *Nợ tình thần*, anh Tường có nhắc đến tôi, nói rằng tôi hành văn làm sao đó cho có người hiểu lầm anh bỏ sách Mạnh tử vào va-li đi tìm Bur-nhams.

Chuyện xưa — đã gần hai chục năm rồi! Từ thuở đến nay, bao nhiêu nước chảy dưới cầu, bao nhiêu tranh vân cầu, bao nhiêu chuyện bề dâu... «triều đại» đã bao nhiêu lần hưng vong... Anh Tường xuyết nữa đã vì chính quyền cũ mà bỏ xương nơi quê người, riêng tôi hàng chục năm bình tật nặng nhẹ mới hết... Mới rồi, gặp lại anh hỏi thêm về tuổi tác: té ra đối với các anh Thâu, Ninh, Hùm, Thạch... đã qua đời, anh Tường thuộc về hàng em út! Hỏi anh đã tổng cộng bao nhiêu năm tù tội, anh nói: mười lăm...

Nghe rồi, tôi kính mến anh như xưa đã kính mến.

Con thần lẩn đã chọn nghiệp...

Tạp chí Văn học số 38 ra ngày 15-5-1965 có bài Tương lai thi ca đi về dẫu của Lưu trung Khảo. Tác giả tìm lý do của khủng hoảng thi ca. Và hỏi rằng học đường có làm hại thi ca không «... Đến như những bài thơ hiện đại của Thanh tâm Tuyền, Nguyễn Sa, Nhã Ca... thì việc bình giảng theo khuôn học đường đó chắc hẳn sẽ không giúp người đọc cảm thấy cái hay, cái đẹp ở đâu cả ».

Xin đồng ý.

Báo Nouvelles littéraires ra ngày 15-4-1965, có đăng một bài của André Georges nói về Einstein. Và có nói rằng từ ngày có bom nguyên tử, Einstein thường tự hỏi không biết có phải là những nhà thông thái đã đem một con dao cạo dề vào tay một đứa con nít không. Nguyễn văn: «...mis un rasoir dans les mains d'un enfant.»

*

Tôi nhớ hình như một hôm nói chuyện với một nhà văn. Chuyện văn nghệ nói với nhau thì dài... Nhà văn có nói một câu... trong những câu: «Cái giới văn nghệ vốn là một giới hỗn lẫm...!»

*

Thực ra, hỗn chỉ có nghĩa là phi công thức: họ không sống theo công thức có sẵn: công thức về tình cảm, công thức về văn hóa. Đối với họ, vệ sinh về tâm hồn quan trọng hơn là thứ vệ sinh của tất cả những gì làm ra cái bề ngoài của con người cần trang trí những trường hợp vật chất hơn là trang trí bên trong... Bản chất họ vốn là một bản chất dễ cảm xúc cho nên họ phản ứng ngay trước những chuyện bất công, nhớp nhúa... Thái độ sống của họ vốn là một thái độ đối lập với trật tự có sẵn... cho nên họ không theo công thức... Cỗ kim như vậy, Kể cả Hàn Dũ đời nhà Đường chẳng hạn: «Đại phạm vật bất đắc kỳ bình tắc minh» Nghĩa là vật không thỏa mãn thì kêu lên. Chính vì bất mãn nên «tắc minh» và ở vào thế đối lập.. Và chính là nghệ phạm phát sinh từ tình trạng tâm lý ấy... Ở đời chẳng có cái văn thơ thù tạc và mãn nguyện nào mà lại là... danh văn bao giờ! Nếu có cũng ít Văn nghệ theo nghĩa chính, văn nghệ sĩ theo nghĩa chính là như vậy đó! Tôi nhận thấy từ thuở tối tăm của thời gian đều là thế. — còn như vậy có đúng hay không, đó lại còn tùy ở lăng kính của mỗi người...

Thực ra thì cái bộ mặt xã hội như thế, như vậy, như kia... có tốt đẹp gì đâu mà bảo họ phải khuất phục kia chứ! Một khi cái bộ mặt... đã thiếu vệ sinh thì đừng hòng ai lễ độ...

Trở lên là điều nhận xét thứ nhất. Bây giờ là điều nhận xét thứ hai.

Tôi không hiểu những nhà sinh lý học, phân tâm học, phân tâm sinh lý học,... họ đã nghiên cứu cái con người của nhà văn nghệ cỡ kim ra sao và đã tuyên bố kết quả bao nhiêu lần... — ăy, tôi nói về văn nghệ sĩ theo nghĩa chính mà thôi. Thực ra, cứ lấy thị giác thông thường mà nhìn suốt lịch sử, thì thấy giới văn nghệ thực là... lạ.

Này nhá: ngày văn học âu châu phát sinh là ngày chúng ta có chàng Homère .: mù. Cũng vào thời xa xưa ấy, bên Tàu chàng Tú uyên (La mã hóa ra là Chou Yuan) đã tự tử... Nhà thơ lớn của La mã là Lucrèce đã từng bắn khoăn một thứ bắn khoăn xao xuyến rất Kierkegaard... trong lúc chàng Leopardi thì lưng gù lên và sau này chàng Baudelaire bị bại... vì quá nhiều thiên tài. Blaise Pascal, lúc mới hai mươi bốn tuổi, lúc nào cũng đau đầu, ruột gan lúc nào cũng nóng... và còn bao nhiêu biến cố nữa trong cơ thể... Chàng Jean Jacques Rousseau không lúc nào thoải mái, lúc nào cũng như thiếu bình tĩnh và thần kinh thường không vững vàng... khỏi được lệch lạc này thì bị một một lệch lạc khác trong cơ thể và tâm hồn. Ban đêm chàng Victor Hugo lúc nào cũng vắng vắng nghe một thứ tiếng nói... và thỉnh thoảng cầu cơ để tìm hiểu những chuyện đâu đâu... trong lúc... Musset say sưa tối ngày và Gerard de Nerval điên và tự sát... Marcel Proust đau suyễn nặng... Ngày còn đi học ở nhà trường, Corneille, Voltaire, Alexandre Dumas, Claudel cũng không đẹp trai gì lắm, và tâm hồn thỉnh thoảng cũng mất thứ tự... Swift và Blake điên. Byron thì yêu em gái của chính mình, Gogol điên rồi

mới chết, Dostoievsky bị kinh phong, Kleist tự tử, Holderlin và Nietzsche loạn trí rồi chết...

★

Sử sách chép như vậy: đó là chuyện cũ. Còn ngày nay, sử sách chưa ghi chép chuyện nào cả cho nên chúng ta chưa biết có bao nhiêu thiên tài có bao nhiêu biến cố trong cơ thể và trong tâm hồn... Chuyện « biến cố như vậy là chuyện « phú bẩm »: chẳng ai muốn có, nhưng muốn không cũng không được...

★

Chỉ biết họ để cho đời sau những nghệ phẩm. Có họ, đời đẹp lên. Có họ, đời vui lên... Có họ, đời tung bừng... Không có họ thì nhân sinh như tha ma... Thiếu Nguyễn Du thì dân tộc Việt nam lấy ai để hãnh diện? À Nguyễn Du có tội gì không? Kề cả là có, sử sách cũng dấu đi: nhà nho không trần truồng như người âu tây có gì nói nấy...

★

Đương thời không hiểu họ: đương thời ganh họ cũng có, đương thời đại cũng có... Đương thời không đủ thông minh tế nhị và thiếu tinh vi cũng có..

Vì vậy, giữa đương thời với họ, có ly khai. Họ cô đơn. Những kẻ nhiều sức khoẻ tinh thần thường cô đơn, Ý ấy là của Ibsen: *L'homme fort est seul.*

★

Họ chết rồi thì người ngày sau làm tượng. Người ta thường rộng lượng với người chết, và người ta đặt đúng vị trí cho người chết. Còn lúc bình sinh, nếu họ có một mâu... tàng tật, đó là chuyện riêng của họ.

★

Ờ đời không có gì u mê hơn là thành kiến: nghĩa là có một số người cứ tưởng rằng ở đầu mình cũng đúng, lúc nào mình cũng đúng.

Xã hội loài người bao giờ cũng náo nhiệt, mất thứ tự... như trong một chuyến xe hàng sắp chạy: chen nhau loạn xạ, gọi nhau ới ới, tranh nhau và ngang dọc như cua... Có khi mắng nhau nữa kia! Cứ khi nào xe chạy rồi mới đầu vào đây, ai có chỗ nấy, ai ngồi chỗ nấy... Không chen ai nữa... Yên vị.

★

Lịch sử bao giờ cũng sắp và xếp.

Bánh xe lịch sử chạy xong rồi là ai có vị trí nấy, rõ ràng.

Bảng cờ: giới văn nghệ *Beat génération*. Nhóm này là một nhóm thi nhân hòa hợp thi tiết của họ và nhạc tiết của nhạc Jazz... Nhóm gồm có Ginsberg, Kérouac, Ferlinghetti, vân vân.

Giòng họ xa gần của nhóm cũng đông lắm.

Kể cả Henri Miller là nhà văn vĩ đại của Mỹ phải chờ hai mươi sáu năm cuốn *Tropique du Cancer* của ông mới chính thức ra đời — và ra đời xong là ngập thị trường văn hóa âu mỹ hiện đại, cũng như *L'Amant de lady Chatterley* của Lawrence... Kể cả Rimbaud và Whitman... Kể cả Evtouchenko của Nga sơ viết... Kể cả Antonin Artaud, Michaux, Prévert, Camus... Kể cả... nhiều lắm.

★

Ngày nhóm Beat Génération ra đời là thiên hạ làm như là trời sắp... sụp: giới đạo đức lam như là phong hóa sắp suy đồi, luân thường sắp đảo ngược — giới văn nghệ đã có vị trí sẵn thì sợ sắp mất giường cao chiếu

cả ăn trên ngồi trốc... — giới văn hóa chung nhìn các văn thi nhân như Ginsberg, Kérouac, Ferlinghetti... như những người đánh đu bay. Hơn thế: những người quái dị của văn thi giới..

★

Lịch sử, như tôi nói, thường sắp xếp đầu ra đó. Lịch sử hiện ra dưới hình thức một nhà xuất bản và một vài người có thể lực trong văn thi giới..

Nhà xuất bản ấy là nhà Denoel bên Pháp vừa mới tổng hợp thơ của nhóm và ra cuốn *La poésie de la Beat Génération*. Thơ do Alain Jouffroy trình bày, do Jean Jacques Lebel dịch ra pháp ngữ — và, như tôi vừa nói, do Denoel xuất bản.

★

Ngày xưa, khi Baudelaire mới ra đời, khi Rimbaud mới ra đời... thiên hạ xôn xao... Ngày xưa, khi Lawrence mới viết *L'amant de lady Chatterley*... thiên hạ sợ hết hồn... Ngày xưa, khi Henri Miller mới cho ra *Tropique du Cancer*,... thiên hạ hết hoảng...

Ngày sau lịch sử sắp xếp...

Bởi thế cho nên, mới thấy cái gì ra đời mà đã hết hoảng và xôn xao... và giữ mãi những thành kiến... thì thật là không có gì đại dột và u mê hơn!

★

Ấy cái giống người hay có thành kiến thế đấy, thường có thành kiến thế đấy — có rồi gỡ không ra, mọc rễ.

Người là một giống chứ có phải một đảng. Người ta nói giống người. Cũng như giống khỉ, giống vịt, giống chuột... Có ai nói đảng người đâu! Chứ đảng chỉ dùng cho thánh hiền mà thôi.

KHÍ HẬU PHÁO XIẾT

Buổi chiều xuống lờ đờ trong lòng phố, chuyển xe điện gõ chuông inh ỏi chạy giữa đường ồn ào. Tôi xuống ở trạm bờ hồ. Mặt nước ánh lên màu mặt trời đỏ úa như máu. Một số người tản bộ dáng thong thả, một ít đọt sen đã ló lên khỏi mặt nước loáng thoáng mấy chiếc lá nhỏ. Tôi ghé vào nhà Thủy-tạ khi nghĩ tới Linh, có thể Linh đang ngồi trong thư viện đó. Tôi vào ngó quanh không gặp ai quen. Tôi đứng nơi lan can ngó ra mặt hồ. Đi đâu bây giờ, tôi nghĩ chẳng biết mình nên làm gì. Tôi bỏ nhà Thủy-tạ ra quán mé bờ hồ uống trà và ăn bánh tôm. Tôi ngồi nơi chiếc bàn gần với mép nước, từ đó tôi có thể ngó sang mé bên kia bờ hồ gần hơn, nơi người ta đã làm một cái nhà sập tròn nhốt một con bạch tượng cho người ta vào coi mỗi vé một đồng lấy tiền giúp cho một cô nhi viện. Cái ý nghĩ nên trở về quê thăm ông tôi lại xuất hiện. Mùa hè đã bắt đầu, thi cử đã xong, tôi thấy

chẳng có gì bó buộc mình. Công việc dự định với Linh về việc mở lớp dạy kiếm tiền bỗng tôi không thấy ham muốn nữa. Tôi uống bia, ăn những miếng bánh tôm vàng ròn tan và những sợi rau muống chẻ nhỏ một cách mềm mại. Buổi chiều đã hết trên mặt hồ. Trong màn tối đục lờ lờ những ngọn đèn chung quanh hồ vắng vẻ quạnh hiu. Tôi trả tiền đứng lên với ý định vào thăm Khanh báo tin, tôi nghĩ sớm mai tôi nên trở về quê, điều gì tôi cũng muốn làm ngay, tôi thấy tôi quản trí quá.

Khanh đã ăn cơm và đang ngồi ở bàn học. Tôi bước vào, Khanh mừng rỡ, Khanh nói anh ngồi chơi đi rồi nàng vào nhà trong rót một tách nước mang ra, nàng ngồi trước mặt, tôi mệt nhọc về hơi nun. Và tôi ngồi im lặng như thế lâu lắm. Lúc sau tôi nhìn xuống và nhận ra chiếc lông gà trắng đục theo chiều gió lẩn từ bậc cửa vào nhà, nó dật dờ theo một đường vòng quanh quán như

dò tìm một cái gì trên mặt trần nhà màu gạch nâu nhạt, nó tiếp tục quay rồi mắt hút vào gặm ghế. Tôi nhìn thấy dưới chân một sợi tóc dài động đậy, tôi cúi nhặt cầm lên tay và căng thẳng ra ; sợi tóc đen bóng mềm như sợi tơ, tôi muốn có một chiếc hoa tranh trắng tươi để sỏ sợi tóc qua đài hoa rồi thổi cho năm cánh hoa quay tít như một chiếc chong chóng. Vườn chanh bây giờ đã tàn hoa, trên thân cây chỉ còn những trái dấm sau vụ mùa sót lại, có thể có một vài cánh hoa chanh chiêm cũng nên. Tiếng Khanh ướt sũng mềm nhều :

— Sao lúc nào anh cũng buồn. Chuyện gì vậy anh ?

Tôi ngả người về phía sau. Sao lúc nào anh cũng buồn. Thật thế sao ? Tại sao tôi buồn ? Vui thế nào ? Tôi mở mắt nhìn Khanh ngồi thu mình trong lòng ghế. Màu áo lụa gầy mỏng dán người nàng vào lưng ghế rộng màu gụ như một bức sơn mài, mái tóc dài vắt qua vai bỏ thông về phía ngực, đôi mắt Khanh nghiêng sang một bên như lặn đi vào khoáng mặt lạnh như một phiến ngà.

— Chiều qua em gặp chị Liên, chị hỏi : sao lâu không thấy anh lại chơi. Anh quên chị ấy rồi sao ? Hồi này em trông chị ấy có vẻ gầy hơn hồi chưa lập gia đình nhiều. Chị Liên nói gia đình sắp sửa rời xuống Hải Dương, anh ấy đi về đó... Tội nghiệp chị ấy quá...

Tiếng Khanh nhẹ dần rồi dật dờ ngã xuống. Liên cúi đầu nói : « Anh vẫn còn giận tôi sao ? » — « Không » — « Sao anh không xuống thăm tôi, và anh còn lánh mặt nữa, hôm đám cưới em Thu anh cũng không đến. Tôi biết anh có lại nhưng thấy tôi nên không vào ». — « Liên không hiểu rằng tôi vẫn yêu Liên sao ? » Trong bóng tối, Liên mờ nhạt lững lờ trôi đi trôi lại như một cánh bèo trên mặt nước gợn gió. Tôi thấy cùng ở đó con nàng gầy nhỏ như một quả bầu đen vàng xanh và gương mặt Luân vương vắng vẻ dừ dần thâm hiểm : « Anh yêu tôi như anh yêu một vài người khác, anh chỉ nghĩ đến anh. Anh có làm gì cho tình yêu đầu. Anh muốn tôi chờ anh đến bao giờ ? Đến già sao », tiếng Khanh lại cất lên :

— Nhiều khi anh tàn nhẫn...

Tôi tìm một điếu thuốc, trong túi một hộp diêm đã hết. Tôi nhắm mắt lại một chút, tay trái bỏ trong túi quần.

— Mai anh về quê.

— Anh không dạy lớp hè cho anh Linh sao ?

— Thôi, chút nữa anh qua anh Linh nói chuyện đó.

— Anh về làm gì ?

— Anh cũng chưa biết anh chỉ thấy cần phải về, cần xa em, xa Hà nội ít lâu. Anh thấy quản trí quá đi. Có lẽ như thế lại hơn.

Tôi mở mắt, Khanh nhìn tôi một lúc lâu yên lặng. Chiếc lông gà cơn gió lại mang ra ngoài nền gạch quay tít tôi ngậm sợi tóc lên miệng. Khanh rót nước rồi bưng uống. Khi nàng đặt ly xuống, tiếng kêu nhẹ của chiếc ly làm tôi giật người.

Tôi rút sợi tóc ra khỏi miệng :

— Anh thấy anh tàn nhẫn, nhưng anh không hiểu vì sao anh tàn nhẫn.

Tôi bỏ tay ra khỏi túi cầm chiếc hộp diêm không lắc mạnh. Chiếc quan tài chưa có một xác chết. Có xác chết không bỏ vào quan tài mà được vùi xuống đất. Tôi đứng lên :

— Anh sẽ viết thư cho em.

Khi tiễn tôi ra đến cửa. Khanh nói :

— Anh nghĩ lại xem. Em thấy bao giờ anh cũng quyết định một cách vội vã. Về đó rồi anh lại lên, bỏ lỡ công việc...

Tôi lặng thinh bước ra đường. Tôi bỏ Hàng Bè đi Cống Chéo Hàng Lược gặp Linh. Linh đi chưa về, tôi nằm nơi chiếc ghế dài đợi. Người em trai Linh mang cho tôi một ly nước trà nóng. Tôi hỏi Tuấn về chuyện học hành cho tới lúc Linh dắt xe đạp đi vào cửa.

— Mai tôi phải về quê, anh giao giờ của tôi cho người khác nghe.

— Có chuyện gì vậy ?

— Không, tôi không muốn ở lại nữa.

— Tình hình ở đó khá hơn không mà về ?

— Tôi nhớ nhà quá. Ông tôi mong tôi lắm. Ở nhà chẳng có ai. Tôi đã chẳng được sống ở quê nhiều gì... Tôi chán đời sống thị dân quá. Ông tôi cũng không sống được bao nhiêu nữa.

Linh thay quần áo rồi ăn cơm, tôi ngồi trước mặt Linh. Mẹ Linh đi chợ về. Tôi cất tiếng chào. Bà hỏi tôi sao không ăn cơm, bà mang vào căn nhà trống tối vẻ đăm đăm vui vầy. Tôi thấy Linh hạnh phúc. Tôi đứng dậy đi đi lại lại, gian nhà ánh đèn yếu khuất hẳn ngoài khoảng sân, ở giữa có chiếc bể nước, trên mặt có hai chậu hoa cúc bông đầy hoa như một chiếc tán, tường thấp rêu xanh ướt. Tôi muốn được sống như Linh, một đời sống vừa đủ : một bà mẹ buôn bán, một người anh có gia đình riêng hiện ở Sài Gòn, một người em trai. Gia đình Linh quê ở Vĩnh Yên nhưng lên lập nghiệp ở Hà Nội đã lâu. Căn nhà này của cha Linh hồi làm bưu điện dành tiền mua được. Sau ông mất vì lao xương. Chiến tranh xảy ra, gia đình Linh ở lại thành bình yên, căn nhà và dãy phố thấp cũ kỹ bom đạn bỏ sót. Linh thi đỗ hai phần tú tài ra đi dạy học và tiếp tục cuộc sống đều đặn. Căn nhà những chiếc cột vuông chật chội chen nhau với mái ngói thấp là xuống những khoảng sân là chỗ vắt mấy chiếc khăn mặt, chiếc thau đồng để trên chiếc giá mộc. Căn nhà ban ngày cũng không đủ ánh sáng.

Và ở trong căn nhà này chừng như Linh cũng không quan tâm bao nhiêu đến những sự việc diễn ra hàng giờ, hàng ngày ở chung quanh: Linh đã được sống hạnh phúc. Năm tới đây Linh sẽ lập gia đình với Ngọc rồi những đứa con sẽ được ra đời. Trong những lúc tôi buồn nản tôi tìm đến Linh để khỏi phải nghĩ đến những điều đó nữa. Linh sẽ pha nước chè mạn, mua kẹo lạc và chúng tôi nằm dài trên chiếc ghế ngựa đen bóng mát mẽ có thể Linh sẽ nói chuyện cha chàng thời làm bưu điện, hoặc thời gian mắc bệnh lao xương nằm ngửa viết cuốn tiểu thuyết tình độc nhất không được in ra. Tập bản thảo đó Linh đã đóng lại cẩn thận và cất riêng trong một ngăn tủ như một di sản vô giá. Tôi đã đọc tập truyện đó, tập truyện kể lại mối tình của một thanh niên với một thôn nữ, cuộc tình duyên êm đềm cho tới khi cuộc hôn nhân thành tựu, tôi nghĩ đó chắc hẳn là cuộc tình duyên của cha và mẹ Linh. Cũng có thể những lúc nằm với nhau Linh khuyên tôi thế này thế khác, hoặc Linh ca tụng một cuộc sống điền viên ở nơi một trang trại. Trong khi đó chiến tranh vẫn bùng bùng khắp chốn. Hai năm trời đã trôi qua. Trong những lo lắng trước đe dọa tôi muốn chọn một cuộc sống như Linh, nhưng sao tôi vẫn không thể chọn. Linh đã ăn xong, mẹ chàng ngồi ăn trầu nơi tràng kỷ. Tuần ngồi học bài ở bàn. Mẹ Linh nói:

— Linh con có nhớ ông bà Lộc Thành không nhỉ? Mẹ mới gặp hồi chiều, gia đình đã về thành rồi. Gặp mẹ bà ấy khóc sụt sùi. Người con cả chết, người con thứ hai mắc lại ở ngoài đó, về Hà nội chỉ có hai vợ chồng với hai đứa con nhỏ, nhà đồ nát, cả nhà mắc bệnh sốt rét ngả nước da vàng như tàu lá chuối héo. Ai ngờ có mấy năm... Bây giờ đây sống ra sao, khó khăn như lúc này...

— Con nhớ rồi, ông Lộc Thành bạn của cậu hồi ở bưu điện chứ gì?

— Phải đó.

Linh dẹp chiếc xe cho gọn vào sát chân tường. Tôi ngồi ở chiếc ghế đầu dưới ngọn đèn, Linh vừa sửa răng vừa nói:

Minh nghĩ cậu nên ở đây.

Tôi lặng im. Linh rủ tôi ra phố, tôi từ chối để trở về nhà. Mẹ Linh nghe Linh nói tôi về quê, bà ngạc nhiên:

— Về làm gì cháu, người ta bỏ quê ra tỉnh không được mà mình còn về. Đâu có yên ổn gì mà về.

Tôi bắt tay Linh ra đường. Đêm đã xuống khuya. Thành phố ngầy ngất trong ánh điện vàng yếu. Tôi đi sang cửa chợ Đồng Xuân, ngoài hiên những người gầy yếu, rách rưới ngồi tụ nhau trên những bực hàng. Hàng nước chè tươi quây quần bốn người phu xe ngồi hút thuốc lào nói cười. Chiến tranh

không có ở đây nữa. Cả phố Hàng Giấy không còn một căn nhà đổ, tôi dừng lại ở cửa hiệu ảnh Quang Vinh ngay bên gậm cầu nơi một đám người đang bàn tán. Tôi nghe phong thanh một câu chuyện tình của một cô gái có nét mặt xinh, tươi cười với hai núm đồng tiền trong tấm ảnh lớn bày trong tủ kính. Tấm hình to hơn mặt người — « Tội nghiệp xinh như vậy mà chết, thiệt thân — Tại cha mẹ chứ tại gì cô ta — Tại sao cô ta không nói thật cho cha mẹ hay — Cái gì vậy — Chuyện tự tử — Ai ? — Đó, cô này này, chết hôm qua bằng pháo xiết ở ngoài Ngọc Hà — Sao vậy — Cô ta yêu một cậu học sinh nghèo, cô ấy mang bông tai bán nuôi cậu ta đi học, cha mẹ biết đánh chửi đuổi đi, cô ta cực thân tự tử — Trời thế cũng tự tử, đại thì chết. Một chuyến xe lửa chạy từ ngoài bờ sông vào rung chuyển cầu sắt những âm thanh nhức nhối.

Bước chân vào nhà, cậu tôi ngồi ở phòng khách rời khỏi tờ báo ngó lên, ông nhìn vào tờ báo nói :

— Cháu đi đâu về vậy ? Hồi này không yên đâu đừng nên đi đâu ban đêm. Cháu có biết một vụ nổ nơi dưới phố Tràng Tiền không ?

— Thưa cậu không, lại lựu đạn sao ?

— Lựu đạn, một bà bán hàng chết. Chẳng thấy Tây chết đâu lại chết người vô tội. Mặt trận ở Vĩnh Phúc Yên thì đánh giáp lá cà, máy bay phải thả bom

napan xuống cho chết cả hai bên. Nghĩ mà thấy khiếp quá..

Tôi lắng nghe và rót nước uống. Giọng cậu tôi mệt mỏi :

— Đánh nhau hoài như thế này bao giờ cho yên được. Khổ hết sức đi, người vùng quê kéo lên tỉnh lánh nạn nhiều quá. Lôi thôi lếch thếch thật cực vô kể. Tây đi Nhật đến, Tàu đến rồi lại Tây đến... Chẳng ra làm sao cả. Dân chúng thì như cỏ, gió chiều nào ngã chiều ấy, nhưng bây giờ ngã cũng không yên.

Cậu tôi bỏ tờ báo lên lòng với bao thuốc và mồi lửa, tôi ngồi xuống ghế :

— Mai cháu xin phép chú về thăm ông cháu vài ngày.

Cậu tôi hơi nhú lông mày, cầm điều thuốc ra tay và thở hết khói ra khỏi miệng, ông hỏi có vẻ ngạc nhiên.

— Ở quê yên gì mà cháu về. Cậu tưởng cháu còn định làm gì trong mùa hè này.

Tôi lúng túng và thấy khó trả lời quá. Tôi không biết nói thế nào về sự không yên tâm của tôi về những lo nghĩ mà tôi cho rằng cậu tôi không thể hiểu được :

— Cháu nghĩ ở quê mình chắc cũng không tệ gì. Cháu nhớ nhà quá.

Cậu tôi mỉm cười :

— Kể ra mùa hè cháu cũng nên về đó nghĩ ít ngày, nhất là cháu không được sống ở quê bao nhiêu. Ông cháu

thì một mình, nhưng cậu lo, ngày thì Tây, đêm thì du kích, một cỗ hai trông mệt lắm. Cháu nghĩ lại xem, mà nếu về thì cũng không nên ở. Cháu về thì nói mẹ mua vài cái quà gì đó về.

Tôi nói vâng. Cậu tôi thường nói với tôi, tôi lớn rồi, muốn làm gì thì làm, có điều ông bảo ở với ông, ông phải chịu một phần trách nhiệm với tôi, khi trước ở với Bác tôi thì Bác tôi chịu nhất là nay mẹ tôi đã mất, bố tôi thì mắc kẹt ở ngoài. Nhưng ông cho tôi tự do với điều kiện làm gì nên cho ông biết bất cứ lớn nhỏ và ông bàn luận góp ý kiến của ông vào, quyết định là phần tôi. Điều này làm tôi đắn đo với công việc, cũng chính điều này ông giúp tôi có một óc tự chủ và tin cậy vào mình. Ông đã thực tình lo âu cho tôi như Bác tôi vậy khi tôi còn ở Nha Trang trước khi trở về đây.

— Thế cháu định mai về sao ?

— Vâng, cháu về rồi xem thế nào cháu sẽ tùy để ở lại hay ra ngay.

Cậu tôi đọc báo trở lại. Tôi trở vào phòng. Tôi muốn đi ngủ sớm nhưng rồi tôi trần trọc, tôi nghĩ tới bác tôi. Tôi trở dậy biên thư báo tin cho bác tôi biết tôi về quê thăm ông nội tôi. Cuối thư tôi hẹn về quê tôi sẽ biên thư kể cho bác tôi nghe về quê mà đã lâu bác không có dịp trở về. Tôi nhớ tới Nha Trang, nhớ hai bác tôi ở đó, thời gian tôi sống ở đó cho tới khi mẹ tôi

muốn tôi trở về Hà nội. Tôi nhớ lại hôm ra máy bay trở về hai bác tôi đều khóc và chị Nga tôi ôm lấy tôi đòi theo. Tôi biết bác tôi buồn lắm, nhưng bác tôi nghĩ tới mẹ tôi mà thương nên không muốn giữ tôi ở lại. Thời gian đã trôi. Tôi đã rời khỏi thị trấn miền biển nên thơ êm đềm và được thả xuống một thành phố tan hoang vì bom đạn. Thành phố ngỡ ngác những dãy phố đổ nát, những bức tường cháy đen, những giao thông hào còn nguyên dấu vết. Tôi đã gặp lại mẹ, gặp lại cậu mợ, gặp lại ông nội, biết mặt bà dì nhưng bố tôi thì không... Rồi mẹ tôi mất, chiến tranh mỗi lúc một khốc liệt và những vấn đề đặt ra cho tuổi trẻ tôi. Nếu không có chiến tranh tôi được sống bên bố mẹ, bác, chị, các cậu và họ hàng, đời sống bình yên trong lũy tre xanh mộc mạc, tôi chỉ là một đứa trẻ thất học, hoặc biết dăm ba chữ nơi trường làng đủ để viết lấy một tờ văn tự, biết ký tên, suốt tuổi nhỏ chỉ biết lo chăn trâu, cắt cỏ và lớn lên dần làm một người cày ruộng, vui với cảnh quê mùa như bao nhiêu người dân quê khác.

Bỗng nhiên tôi ao ước đời sống bình thường đó. Nhưng không được. Chiến tranh đã đến. Tôi đã phải có một đời sống khác. Tới ngay tôi một thái độ lựa chọn cũng đang chờ sẵn. Tôi nhận ra đời sống chui lủi ở thành phố. Người ta đã hỏi tôi : tại sao tôi không ra ngoài đi kháng chiến. Tôi bảo :

tại sao người ta đã bỏ cả kháng chiến mà về. Người bình thường bảo họ cầu an, không chịu được cực khổ nhưng sao ông Hoạch đã bỏ về, ông Hoạch nói : Họ đang lợi dụng kháng chiến. Tôi không theo họ và tôi cũng không theo Tây. Tuy Hoạch có học, đã hoạt động. Tôi thấy rõ ông nơi đời sống. Nhưng tại sao bỏ tôi chưa về ? Tôi biết bỏ tôi có chân trong một đảng mà người ta cho biết các bạn ông đã bị thủ tiêu gần hết. Tôi hỏi, ông Hoạch bảo, nhiều người ở vào thế kẹt. Và tôi lúng túng.

Đêm đang xuống chậm chậm, con đê cao lắm lỳ như lưng con cá sấu đen nằm bất động chắn ngang làm khuất lẩn những lùm cây hai bên một nền trời nhạt nằm ở phía trên lơ mờ hiện ra vẻ bằng phẳng bí bưng. Tôi ngồi ở bờ hè, hai chân bỏ xuống sân gạch, dựa lưng vào cột mái hiên. Mùa tháng mười nào một con rắn cạp long đã bỏ về nằm ở sát nơi bậc hè cùng với rơm khô chờ ông tôi bước xuống sân vì buổi chiều ông đã đánh chết con rắn đực, chồng nó, ở ngoài ruộng, nhưng con chó vàng đã sủa — ông tôi kêu : Sao chó nó cắn vậy, đứa nào cầm ngọn đèn ra đây — con rắn đã lao đầu lên và bị vụt một vè bừa gãy xương sống oằn oại lè lưởi, uốn khúc vật vờ khua động trong rơm khô. Trên nền gạch Bát Tràng lơ mờ những khe vôi sẫm

hơn, tôi khoanh tay vào ngực, đưa mắt thu hết sức nhìn lên mặt đê tìm kiếm một sự xê dịch nào đó, một ngọn tre cao nhỏ khẽ lay động. Có ai rình ở bên này, có ai rình ở bên kia. Khoảng bãi mía ở bên kia cho tới bờ sông có một con đò nào chằng. Sao lúc nào anh cũng buồn. Khanh đưa cho tôi một chùm nhãn, nắm ngón tay búp măng chụm. Tôi ngó vào vòng cổ tay nhỏ trắng như một nõi chuối. Bây giờ bác tôi đang uống café, đem sóng cao vỗ vào bờ âm vang tôi kê tai vào vách tường : vỗ đến bao giờ. Tiếng keng của nhà lao điểm chừng với những gác canh. Liên đã lên chuyến xe lửa, vượt qua thành phố, vượt qua đường số năm và Luân chờ ở ga Hải Phòng, hai người sẽ dẫn nhau vào một tiệm ăn, trở về nhà Luân sẽ hôn Liên rất lâu khi ngồi ở giường. Hạnh phúc đó phải không. Thịnh đã đập tay xuống bàn cùng với tiếng quát lớn rồi bỏ ra về. Anh Linh hỏi : cậu biết Liên nó yêu cậu không ? — Không — Làm bộ. Khanh hỏi : Anh nhất định về đó — Anh muốn về sống ở nơi mẹ anh đã chết, bố anh đã sống, ông anh còn kiên nhẫn qua nốt những ngày còn lại của tuổi già... nơi anh đã qua những ngày thơ ấu không mặt mũi, nơi bác anh ước ao trở về dưỡng tuổi già... Tôi nhìn ra khoảng trời lơ mờ trên bờ đê. Sớm mai đoàn ba-tui sẽ lại qua đó. Bây giờ đoàn du kích đã trở về xóm nào rồi.

Người lính dưới đèn chọi có đang nhìn tới chỗ này không. Xung quanh bóng đèn đen đặc trút xuống. Gạch ngói nhìn gì. Bố tôi chắc đã ngồi ở đây. Mùa tháng mười tiếng đập lúa, tiếng nói cười còn ử trong hai bờ tường. Hai dãy nhà ngang kéo dài như cánh tay của một con quái vật bò vượn ra ôm lấy khoảng sân trống nuốt tôi vào cửa miệng. Phía sân đất ở ngoài có dàn mướp kín dây che khuất chiếc bể nước. Bà đi tôi cầm ngọn đèn con từ cửa bếp đi lên vội vã, ánh sáng yếu vàng soi hắt hình bà lơ mờ chạy ở phía sau, bà đi chéo qua sân, bước qua bậc cửa nhà ngang vào buồng ở phía bên trái. Sao bà không có một người con. Tiếng đẩy cánh cửa kêu két, chân phải bước qua chân trái nhấc lên, ngọn đèn ở tay, cánh cửa từ từ khép dần rồi ngừng :

— Thuấn chưa ngủ sao ?

— Chưa.

— Ngủ đi ngồi đó làm gì, khuya rồi. Sao không nhớ dậy hết than ở bếp, nồi khoai cạn cả nước.

— Con quên.

— Ông ngủ lâu chưa ?

— Chưa, con thấy ông vừa hút thuốc. Trở trời con thấy khó chịu.

Cánh cửa đã khép lại, ánh đèn còn sáng qua một vài khe hở. Tôi

nhớ đã dập tắt bếp rồi, sao mỗi đêm bà làm gì ở bếp tới khuya. Ngọn đèn đã khêu nhỏ. Giờ này Khanh còn học. Sao không có thư của Khanh. Tôi ngã người nằm ngửa xuống hè, tiếng một đọt xương khục. Nhà thờ này đã qua ba đời, tôi nữa là bốn. Nhà ngang bên trái ông tôi làm gồm có bốn gian được ngăn ra, sát với nhà trên là buồng, gian tiếp để ăn cơm, gian tiếp thông luôn có kê hai chiếc khung cửi của mẹ tôi, gian ngoài để đồ đạc cày bừa rồi tới cổng, bên kia cổng là chuồng giò có ba chiếc nồi chứa nước tiểu chung quanh là vườn rau và gốc mướp ở chỗ đó. Dãy nhà ngang bên phải bố tôi làm để nuôi tầm không ngăn ra như ở bên này. Phía ngoài là bếp ngó ra bể nước có nắp đậy đúc bằng xi măng uốn cong, có cây hương ở trên. Chuồng trâu và chuồng lợn ở ngoài nữa cách với bếp là một giàn giậu không đã lui. Ông tôi bảo từ hồi bà tôi mất, giàn giậu cũng chết theo vì không để trở cho nó, từ đó trong nhà chẳng bao giờ được vui, bao nhiêu lần gây giống về sau đều chẳng được, cây cỏ nó cũng có tình với người. Đêm tối nặng nề, mái ngói chụp kín hai con mắt. Nếu ai thấy tôi lúc này hẳn cho rằng đây là một xác chết. Sao lúc nào anh cũng buồn, nếu Khanh ngồi ở đây. Anh buồn vì thế đó... là... Anh làm sao biết được. Xác chết cũng nằm như thế này nhưng xác chết nghĩ gì, có nhận được nơi

nhà thờ này, có thấy bóng tối của con đê, có nhớ Khanh, Liên có hỏi : nếu còn sống như thế này thì nghĩ gì, thấy gì. Tôi mỉm cười. Một con muỗi bay kêu o o ở bên tai, tôi dơ tay đập mạnh vào thái dương. Con muỗi đâu mất, chút sau muỗi lại kêu. Kêu cái gì. Muỗi ở Hà Nội đốt mới sợ. Nhà Khanh ít muỗi lắm anh. Tôi nhòm ngòi dậy nhìn ra bờ đê, vẫn một khoảng trắng lơ mờ ở trên mặt đê. Sao anh không ở Nha Trang mà về ngoài này làm gì — Anh muốn sống với mẹ và bố anh. Sống với bác anh chưa đủ. Em sống một mình được không ? Nhưng vòm cây vẫn bí mật hoàn toàn. Một tràng súng liên thanh nổ rất xa, tôi lắng tai nghe. Tiếng động ở buồng bà dì hé cửa hỏi.

— Thuận vào nhà chưa.

— Con vào đây. Lại có tiếng súng.

— Họ lại về Cầu Đàm hẳn.

Tôi đứng dậy nhẹ nhàng nhấc guốc và bước đi nhón với gót chân ra ngoài chuồng gio, đi tiểu một cơn gió thốc vào làm tôi rung mình lạnh toát cả người. Tôi trở vào nhà. Ông tôi nằm co trong ổ rơm và chiếc chăn bông màu nâu phủ kín cả đầu. Ngọn đèn huê kỳ khêu nhỏ như một hạt đậu xanh. Cổ quan tài quang dầu bóng sáng với tấm ván thiên để hở, tôi đi lại gần đưa tay vào trong tìm chiếc gối mây. Tôi trở lại ghế ngựa ngồi lên, hai chân soa nhẹ

vào nhau. Ông tôi trở mình rồi ngồi dậy kéo chiếc điều bát :

— Cháu vẫn chưa ngủ à.

Tôi nằm xuống kiểm chiếc bao tải chúi hai chân vào và kéo lên kín đầu.

— Lại có súng ở Cầu Đàm ông.

— Chắc họ bắn canh chừng... Du kích đâu về nữa, hôm trước cháu thấy mấy xác.

— Bọn : cai Trinh, cả Hoàn, thằng Mô, thằng Nhiều...

— Vậy thì còn, nhưng đâu dám về ngay. Bọn bất khôn lắm, nó cứ yên rồi hôm nào lại rình, khó thoát lắm... Tiếng hút thuốc kêu sòng sọc. Tôi lặng im nhắm mắt. Trong hai chiếc bao tải khâu liền với nhau tôi tưởng tôi là một xác chết được bó trong một manh chiếu rách. Mỗi ngày đều có người chết. Một lúc nào đó, bất cứ, hoặc Tây ở đồn, hoặc du kích đều có thể mang tôi ra nói lảng nhãng điều này, điều khác rồi nhắm súng bắn vào tôi cho gục xuống. Tôi đang sống ở một ranh giới, bên kia sông Đáy là khu vực kháng chiến, bên này sông ở ranh vùng tề cách Hà nội 22 cây số. Tôi có thể bỏ nơi này để hoặc trở vào Nha Trang với bác tôi, hoặc ra Hà Nội... nhưng tôi muốn sống ở đây với ông tôi — « Loạn còn lâu. Các anh vào cái thế hệ bị hy sinh ». Tôi nhớ ông Hoạch rần từng tiếng đang nói câu nói đó ở bên cạnh bàn đèn thuốc phiện — ... « Như thế các anh phải sáng suốt nhận xem các

anh bị hy sinh như thế nào. Chiến tranh này cũng không phải là cuối cùng... không thể cưỡng được... »

Không thể cưỡng được, như tôi nằm ở đây nhắm mắt và những di tích của quá khứ chụp xuống vẩy búa khít khao. Ba gian nhà thờ, bốn chiếc cột lớn đứng riêng, mười sáu đôi câu đối : một đôi khảm xà cừ, hai đôi sơn son thếp chữ vàng, hai đôi bằng thân dừa khoét ruột cưa đôi úp vào cột quang dầu chữ đen, còn lại là những đôi sơn then chữ son... Hai lần cửa vông ở gian giữa với những chùm nho, lá nho, dơi bay, cá hóa long thếp vàng rạng rỡ. Một tấm hoành phi lớn hơi ngả xuống chiếc sập chân quỳ bằng gỗ đen có giải chiếc chiếu hoa cạp điều — phía trong là chiếc i, một chiếc bàn thờ rộng mang nhiều tấm thẻ đề tên những tổ tiên đã qua đời tôi không nhớ hết, ông tôi đứng trên chiếc sập mỗi ngày giỗ tết lâm râm khấn... tôi làm sao nhớ hết. Mẹ tôi cũng thờ ở đây. Gian bên trái thờ thổ công với ba chiếc mũ ông táo. Gian bên phải kê chiếc tủ chè phía trên là chân dung cụ Cố Hai, thầy học của ông tôi, chiếc ảnh đã ngả văng phủ ngoài một vuông nhiễu đỏ. Cụ cố Hai ngồi trên chiếc ghế khảm chít khăn, áo gấm chữ thọ, chân mang giày ký long, tay cầm quạt. Tôi nằm sát nơi tủ chè, hai ngăn bên là những cuốn sách chữ nho được đóng ngoài bằng những tấm bìa cây màu gỗ mồi, những cuốn ông tôi

đã học, bố tôi đã học. Và ở trong đó có một cuốn lịch tàu với những chữ nhỏ li ti ông tôi xem ngày làm nhà, cưới hỏi cho họ hàng và làng xóm. Nền đất nhà màu đen với những lằn vẩy cá mát lạnh, nơi gian giữa có một bàn cờ tướng được giấp bằng hột trám chạt đôi. Đến tôi là bốn đời. Rồi tôi sẽ chết. Con tôi là đời thứ năm và tiếp tục, những người sau quên dần người trước trên tên tuổi nhưng sâu dày những quá khứ lưu truyền bền chặt kháng khí. Những tấm cánh cửa bức bàn đã có nhiều tấm mọt. Ông tôi đã sống 62 năm ở đây, trong sáu mươi hai năm một vài biến động nhẹ nhàng được kể lại. Bây giờ trên ổ rơm ông vẫn còn thức. Tôi muốn nghe một giọng ngâm thơ của ông lúc này. Ông tôi đã phụng dưỡng cụ tôi cho tới khi mất. Mười năm trời nay bố tôi đã vắng mặt cho tới giờ, bố tôi đang ở đâu. Tôi không được gặp bố tôi lần nào. Một vài gương mặt thay đổi trong ảnh, ít lá thư... Mấy tiếng súng nổ xa. Tôi nghe ngóng mỗi im lặng vẩy phủ. Dì tôi đang ngủ. Ông tôi trần trọc. Bàn ghế cô đơn thu mình vào bóng tối lời tâm sự lặng lẽ sâu kín như quá khứ đã trải qua. Tiếng ếch ngoài bờ ao lẻ loi tắt ngấm.

Tiếng chuột rúc ở trong buồng, bên kia lằn ván gỗ ngoài mộng có treo bộ tứ bình màu nâu non. Gian buồn của mẹ tôi chiếc giường tre vẫn còn ở

đó. Ba năm qua đi ngấn ngủ, lò than hồng chùng như vãn nổ lét bét, mẹ tôi đã nằm trên giường ba ngày ba đêm với tiếng rên khe khẽ, mẹ tôi nằm ngửa với chiếc bụng mang thai cao vượt mặt thờ một cách mệt nhọc, gian buồn bít bùng, chiếc cửa sổ nhỏ với mấy viên gạch vồ xếp nghiêng cũng đã được nhét giẻ kín mít. Ông tôi ngồi trầm ngâm suốt ngày hút thuốc liên tiếp lần đọc nhẩm những trang cổ thi với từng tờ giấy bản nát, chốc chốc ông hỏi: cháu nó thế nào? Bà ngoại tôi thờ dài: cháu nó vẫn thế, sao lần này nó khó quá. Bà cô họ đi đón bà mụ Hiệp sang. Bà ta người đầm thấp, mặt vuông béo đầy đà với đôi mắt híp, bà đi vòng kiềng bước chậm chạp bạch bạch như một con vịt bầu, bà cười tít: mợ ấy trở dạ hồi nào? Đêm qua lúc gà gáy đầu. Bà vào thăm mẹ tôi. Một buổi sáng mệt mỏi đến dần dần trên khuôn mặt mẹ tôi gầy và đôi mắt thâm quầng. Tôi mong chị tôi về. Tôi muốn đi tìm chị, tôi muốn viết một lá thư nhưng biết chị ở đâu. Tôi quanh co luống cuống ra vào, tôi lúng túng kiểm đồ sửa chiếc chuồng gà: mẹ tôi muốn sửa cẩn thận, hơn tháng trước có con cáo đã lần vào phá hư ngăn chuồng phía dưới bắt đi mất con gà mái già, con gà nhờ có một làn lông dày che tai đã thoát khỏi hai lần dịch gà không chết, mẹ tôi gọi là con mái cụ vàng, nó đã đẻ không biết bao nhiêu và lần ấp nào cũng nở hết không sai

con nào. Con cáo đã bắt nó vào một đêm tối mưa mang ra bờ ao sen ăn mất một nửa mình. Tôi tìm thấy xác phần còn lại mang về làm thịt kho với tương gừng, tôi sửa chiếc chuồng gà cả buổi vẫn không xong, chốc chốc chạy vào vén màn hé cửa nhìn mẹ tôi, nghe một vài câu nói. Buổi chiều trôi qua, lúc lên đèn bà mẹ ngồi ăn cơm với bà ngoại và ông nội tôi. Hàng xóm và người thân ghé lại thăm đủ mặt. Bà mụ nói: Tại mợ nghỉ sinh lâu quá cậu cả năm nay mười năm rồi-bà ngoảnh nhìn tôi-sau đó là cô con gái nếu còn thì...-Bà bấm đốt ngón tay tính nhẩm thì mười ba, cậu trai sau còn mười tuổi. Mười năm rồi tôi tưởng mợ hết sinh rồi chứ nhất là từ hồi ông lấy bà hai mà bà hai thì cứ trơ ra, ba năm rồi chứ ít gì. Những lần trước mợ dễ lắm mà, cứ hơi đau kêu tôi tới chậm lắm mất một buổi-Bà tôi nói: cháu nó nói với tôi là lần này nó lên tháng, tôi lo vì lần này nó ít làm lụng, bụng nó lớn quá mà lại cứ buồn phiền chuyện này chuyện khác, ai ngờ nó còn có mang, nghỉ lâu đi thăm chồng một lần... Số nó vất vả... ông tôi uống rượu khề khà. Bà tôi chấm nước mắt. Bỗng mẹ tôi kêu lớn bà mụ, bà tôi bỏ bát đĩa chạy vào-chắc nó sinh đó. Dáng ông tôi ngồi chờ đợi tôi ngồi thu hình ngoài vách tiếng kêu vẫn vang lên đau đớn và tiếng vật vã: Sắp sinh rồi đây... cố chút đi... bà giữ tay mợ chút... cho tôi thêm ngọn đèn nữa... thêm than vào lò đi, và cho ấm

nước đun nhanh lên... tôi sẽ có một đứa em, tôi mong nó là em gái. Ông tôi nói: sinh giờ này thì tốt lắm nếu là con gái. Bây giờ bố tôi ở đâu, và chị tôi nữa. Con đau đã rút xuống, mẹ tôi hết kêu mà rên đều đều. Tôi chờ nghe tiếng khóc của đứa em. Sao nó chưa khóc... Bà mẹ hé cửa bước ra. Đứa em vẫn chưa ra khỏi lòng mẹ. Tôi hé cửa bước vào, bà tôi đang lau mồ hôi trên trán cho mẹ tôi. Tôi đứng trên đầu giường nhìn mẹ tôi nằm ngủ lẩn chần trên ngực lùn xuống phập phồng, mẹ tôi nhắm mắt thở khó khăn. Bà cô họ tôi ngồi bên hỏa lò cho thêm than và cời những tro vụn ra ngoài, mẹ tôi mở mắt mệt nhọc nhìn tôi và ra hiệu đòi uống nước. Tôi cầm chén nước và dùng chiếc thìa bằng sọ dừa đổ nước vào miệng cho mẹ tôi cho tới lúc người ra hiệu thôi. Người nhắm mắt và nghiêng mặt qua bên trái, trên trán những giọt mồ hôi vẫn còn lấm tấm. Bà cô bảo: thôi ra ngoài cho mẹ cháu nghỉ để cô trông cho, tôi trở ra, là tôi ngồi lại ăn nốt bát cơm còn dở, ông tôi vẫn uống rượu khè khè. Bà mẹ đang quạt vôi vào lá trầu và cuộn tròn trên tay. Tôi mệt mỏi ngồi ở bậc cửa. Đêm đã xuống từ lâu, gió tháng tám lạnh buốt dàn phẳng trên nền trời xám im. Tôi thấy thương mẹ tôi vô hạn, người sinh bốn lần chỉ được chị tôi, tôi, bây giờ lại đi xa, còn một mình tôi làm con trai. Hai lần sinh sau — tôi không biết — đều không được nuôi.

Ông tôi nói chuyện đó làm bố tôi buồn mà lấy đi tôi trước khi tôi trở về đây một năm. Tôi ngồi ra đầu hiên áp tay vào tường nghe ngóng tiếng rên nhỏ đều đều. Mẹ tôi chắc sinh tôi ra cũng đau đớn như thế. Đêm nặng nề trôi, bà tôi thắp hương ra sân và đứng im khăn vái.

Tôi cũng tâm niệm một cách vụng về cầu mong cho mẹ tôi, tôi cầu mong một cái gì vu vơ giúp mẹ tôi hết đau đớn và sinh một đứa em kháu khỉnh... Lúc trở vào nhà tôi hé cửa nhìn vào buồng. Bà tôi nói khẽ: cháu đi ngủ thôi. Mẹ cháu ngủ rồi — Tôi trở ra. Ông tôi vẫn còn ngồi gật gù với chai rượu cạn. Tôi nói: Ông đi nghỉ khuya rồi — Ờ ờ mặc ông... ông đi ngủ đây... Mẹ cháu thế nào? — Mẹ cháu ngủ rồi... — Bố con tệ quá... tệ quá... ông buồn lắm... ông nghiêng ngả lẩn sang phía giường. Tôi kêu nhỏ ngọn đèn xuống. Đêm trôi qua. Ngày thứ hai mẹ tôi vẫn chưa sinh. Tôi nói với bà tôi: con muốn mang mẹ con ra Hà Nội. Bà tôi bảo: mẹ cháu mệt lắm không đi được đâu, xe tàu, rồi ai ra trông nom. Bà đã cho người đi kêu thím Khánh mang thuốc men lên. Bà đỡ lần này sao ấy. Khoảng gần đứng bóng mẹ tôi kêu lớn, cơn đau lại trở lại, bà đỡ hấp tấp chạy vào. Bà tôi bảo: vỡ đời ối rồi sắp sinh. Ông tôi dặn tôi: lúc nào thấy tiếng em khóc xuống bếp mang lên cho ông nắm đũa. Tôi chạy ra vào

không biết làm gì, lòng dạ rối bời những lo âu, hy vọng và sung sướng. Tôi sắp có một đứa em. Sao bố không về. Bố tôi có biết mẹ tôi đau đớn khổ sở thế này không? Tiếng rên vẫn vang lên làm tôi cồn cào ruột gan... Bà tôi trở ra khỏi buồng mắt đỏ hoe. Ông tôi hỏi: Cháu nó khó khăn lắm sao? — Vâng, tôi sợ đứa nhỏ nó lớn quá. Ông tôi rầu rầu: nó yếu sẵn, mọi lần nó khoẻ... Khoảng quá trưa người đi gọi thím Khánh trở về nói thím xuống tỉnh từ sáng, mai mới về. Tôi lo âu: Làm sao bây giờ bà... Thím Khánh là cô đỡ được đi học ở dưới tỉnh có bà con về đăng ngoại tôi Thím lấy chồng đã mười năm nhưng không sinh nở, bà tôi nói vì thím xinh đẹp nên viên đốc tờ tây đã nhiều lần đòi cưới làm hầu nhưng không được nên tiêm thuốc cho không đẻ để chung chạ. Sau mỗi lần viên đốc tờ về thăm ngủ lại người chồng lại nổi ghen vì bà tôi nói con ở nó thấy viên đốc tờ ngủ với thím còn người chồng nằm nhà ngoài, nhưng nhờ vậy nên thím giàu có và đầu sắp được lên làm ở tỉnh. Tôi mong thím Khánh đến, nhưng thấy tức giận: Chắc lại đi tìm thằng đốc tờ... Những giờ giấc nặng nề trôi qua. Nghe nói đi gọi người khác, bà mẹ làm vẻ không bằng lòng: Mấy lần trước tôi đỡ cho mẹ ấy cả, bao giờ cũng mẹ tròn con vuông... thôi nếu kêu bà Khánh thì để tôi xin phép về ngộ có ai kêu không có

thì khổ người ta. Ông tôi phải nói khéo bà tôi nài nỉ.

Mẹ tôi mệt nhọc với hơi thở đã yếu, đôi mắt lơ mờ. Tôi cầm tay người run run ướt át mồ hôi. Chiếc bụng cao lên như một khối đá. Một sinh mạng ở trong đó. Xưa tôi cũng ở trong đó. Mang nặng đẻ đau là sứ mệnh của người đàn bà. Một sứ mệnh lớn lao và hiểm nghèo. Tất cả những gì, tất cả những khổ sở của con người người đàn bà phải mang nhiều hơn hết. Cuộn tóc rũ rượi, khuôn mặt hốc hác, miệng hơi hé mở thở từng hơi dài đứt khúc và lặn bụng cao lên xuống với hơi thở. Tôi oán bố tôi, trách chị tôi, ghét thím Khánh. Một đêm nặng nề nửa trôi qua trong sự mong ngóng, giây phút căng trên những sợi tơ cùng độ sự đau đớn những lặng im vô bờ bến, rồi ra sao? Rồi ra sao? Tôi lâm râm khẩn cầu... Bao nỗi đau khổ của người đàn bà lúc lâm bồn? Mỗi đau khổ của sứ mệnh sinh ra một đứa con, nở ra một mầm sống...

Lúc thím Khánh trở lên mẹ tôi thôi không kêu nữa, thím Khánh vào thăm thai cho mẹ tôi rồi hốt hoảng trở ra: vỡ đôi ối hai ngày rồi, đầu đứa nhỏ mắt kẹt, phải làm sao chứ... mẹ ấy hết sức rồi làm sao mà rặn được nữa. Ông tôi ngó mặt. Bà tôi khóc thút thít. Tôi bàng hoàng và rần rụa nước mắt. Thím Khánh nói: Đứa nhỏ chết rồi, phải cứu lấy mẹ, kiếm cái móc

cho tôi... Tôi bỏ chạy ra ngoài ở cầu ao bỏ hai chân xuống mặt nước. Mẹ ơi! Bố ơi!

Lúc tôi trở vào mẹ tôi đang khóc, cô tôi mang ra khỏi buồn một chậu lớn máu... Bà tôi đắp lên chiếc bụng cao tằm chần đơ. Mẹ tôi yếu ớt ra hiệu cho tôi lại gần. Ông tôi lật đật chạy vào mắt đỏ hoe : khổ con tôi, khổ con tôi, năm nay năm tuổi của nó... ai ngờ... Mẹ tôi mấp máy không ra tiếng rồi nấc lên mấy cái. Ông tôi nói giọng nước mắt : ai ngờ con chết trước cha.. con nhớ... con nhớ ông đặt hiệu cho con là... tay mẹ tôi đã lạnh ngắt, tôi oà khóc. Tôi khóc mẹ hay khóc đứa em không biết mặt... em làm khổ mẹ, khổ mẹ... Đôi mắt người mở ra lơ lơ, khuôn mặt lạnh lùng vẻ đau đớn còn nhăn nhó... con ơi là con ôi...

Tôi trở mình trong bao tải, tôi dụi nước mắt ràn rụa chảy tự bao giờ. Tiếng gió thổi ngoài bờ ao. Ông tôi trở dậy hút thuốc :

— Cháu mê cái gì vậy... con trai gì mà khóc... tôi chui đầu ra ngoài bao tải hỏi:

— Bố cháu bây giờ ở đâu ông ?

— Nghe dì con nói đầu ở Phú Thọ.

Hỏi mẹ con xuống thăm lúc đó ở Đồng Quan... Nay đây mai đó chẳng biết rõ bao giờ...

— Cháu muốn ra ngoài đó...

— Lẩn thân, đi ra tìm đã chắc gặp. Ít lâu yên ổn rồi về chứ gì...

Vài tiếng súng nổ xa xa. Tôi tự hỏi: Bao giờ yên? Giọng ông tôi đều đều:

— Lâu lắm không được tin gì của

bố cháu, chẳng biết bố cháu đã biết tin mẹ cháu đã mất nữa không. Đã lâu lắm, hỏi mẹ cháu ra tìm rồi ở ngoài đó đến hai tháng mới về, chắc cháu nhớ, rồi mẹ cháu có mang đó... Về sau có tin gì nữa đâu, mẹ cháu nhắn bao nhiêu người ra ngoài nhưng chẳng có ai gặp cũng chẳng có ai tin gì về nữa. Dù kích họ về ông hỏi nhưng cũng chẳng biết. Có người đoán chừng bố cháu sang Tàu cũng nên... Loạn lạc chẳng ra thế nào. Cháu cũng không nên ở nhà lâu. Cháu đã gửi thư cho cậu cháu chưa. Chắc cậu mợ cháu nóng ruột lắm.

— Hôm về cậu cháu đã dặn, xem có yên thì hãy ở, nếu không thì nên ra sớm. Vì nghỉ hè cháu cũng muốn ở nhà ít lâu. Cháu muốn biết tin của bố cháu.

— Hỏi mẹ cháu muốn cháu về, ông đã gàn, ông nghĩ cháu ở trong ấy với bác vẫn hơn, nhưng mẹ cháu buồn cứ khóc hoài, nhà thì leo người, chị cháu cũng không có tin gì. Ông lo cho cháu, hay là cháu nên vào với bác.

— Cháu cũng không muốn vào trong ấy nữa, và chuyện học hành đâu có được. Ở trong không có đại học.

Mấy tràng súng nổ liên hồi và gàn. Không khí như bị xé rách, ông tôi trở dậy hút thuốc lờ, tiếng kêu sòng sọc, tôi mừng tượng vẻ bi thảm của chiến tranh : Sự chia xẻ đời sống tôi, chặt cắt những người thân yêu ra, khỏi tầm tay tôi. Bố tôi ở đâu ? Chị tôi ở đâu ? Tôi thấy tôi cô đơn giữa khoảng không bao la bứt rứt những lo âu.

CHO LÒNG THỎ' THÂN

Cái ao nước đó, cánh đồng đó, khuya hôm nay bỗng sáng chói trong linh hồn chị Năm một cách xót xa tê dại. Đó là một trong muôn vàn cái ao, cánh đồng Việt-Nam hay rộng hơn của Á-châu đau khổ đang phản chiếu lại cùng tận những gì là khôn khổ, thể lương của mỗi linh hồn đau khổ, bơ vơ, trong đó, khuya hôm nay có một chị Năm đang lắng nghe, đang lắng nghe.

Đã lâu rồi chị Năm không biết khóc nữa. Nhưng khuya hôm nay những dòng lệ thi nhau lăn xuống đôi má nhăn nheo của chị như những giọt sương nào lăn xuống những cọng cỏ đã khô. Chị nằm đó một cách bất động-đang lắng nghe tiếng côn trùng nỉ non bên phía, thỉnh thoảng căn nhà tăm tối bỗng vụt lóe lên những tia chớp ngời sáng rồi tắt lịm, như tiếng một con dế đang hăng hái gáy rân bỗng tắt lịm.

Chị hình dung đến một con rắn mổ vào đầu con dế như chị đã thấy trưa hôm kia con ve đang cất tiếng hát bài ca mùa hè bất tận của nó thì một con cắc-kè lừ-lừ, lạnh lùng mổ vào đầu con ve nghe một cái «cụp» khô khan và rồi khoảng không gian như đọng cứng lại với cái oi bức của trưa hè vắng lặng mêng mêng dàn trải ra trong linh hồn chị một nỗi xót thương cùng cực.

Chị không hiểu sự đời sao lại như thế! Con ve và con cắc kè. Con rắn và con dế. Và cánh đồng quê làng mỗi đêm đen tối, thỉnh thoảng đặng cuối chân trời vụt lên những tia chớp cũng một cách thê lạnh lùng, tàn bạo như hình ảnh con ve và con cắc kè. Làm sao biết chị nghĩ gì với những hình ảnh mà có kẻ cho là thơ mộng đó. Ấy là những ngày Việt-nam hắt hiu tự bao đời với vô vàn sự sống và sự chết. Ấy là

những đêm Việt-nam với vô vàn mộng寐 và khổ đau. Một chị Năm quê mùa chắt phác có suy nghĩ gì đâu. Chẳng qua những hình ảnh đó ngẫu nhiên đến với chị, và đến trong một kỷ-niệm khó phai mờ.

Cũng khuya nay chị lắng nghe trong xương máu mình rung động lên nhịp điệu dậy lừng của thời con gái. Và thời con gái đã trôi qua đem đến cho chị một vết thương theo với tháng ngày dai dẳng của một đời lạnh lẽo khôn nguôi. Người ta chắc phải sinh ra để sống với một vết thương. Bởi vì người ta không ai lại chẳng thương mình.

Như thế, hẳn là chị Năm có đủ duyên cớ để thương mình gấp bội hơn ai.

Thời con gái, tình yêu đã đến với chị Năm một cách dằm thắm, dung-dị. Có gì đâu, một sớm kia, sự tình cờ duyên rủi đã khiến chị gặp anh Năm. Lúc đó, anh Năm là một chàng trai chăn trâu mượn cho một điền chủ trong làng. Bữa nọ anh lơ đãng thề nào mà để trâu vào ăn và đạp phá vườn của ông Hai Lý. Ông Hai Lý giận lắm quát tháo om-sòm khi cột hai con trâu vào gốc mít.

— Có chuyện gì vậy ba. Chị hỏi, chị là con gái thứ hai của ông Hai Lý.

— Trâu nhà ai thả vào dẫm nát hết vườn chó gì. Tao cột lại đây để ai là chủ nó thì phải bồi thường. Tức lắm không chịu nổi. Đâu phải cây trái tự nhiên nó mọc. Làm hết hơi hết nghìn mới coi được mát mắt một chút chó phải chơi đâu.

Và chị Năm cũng cảm tức nữa. Chị biết rằng vườn tược xanh tốt là do sự cần cù chăm sóc của ba chị và chị để kiếm hoa lợi nuôi bòn đũa em nhỏ — Má chị mất cách đây bòn năm sau cơn bệnh trầm kha suốt mười mấy năm trời. Do đó mà gia đình đã nghèo lại khổ hơn. Tự nhiên chị cảm thấy thương ba chị vô hạn. Và càng thương ba chị càng cảm thấy căm giận kẻ nào đã thả trâu vào dẫm phá vườn chị.

Nhưng kẻ thả trâu vào vườn chị vốn là một chàng trai. Và chàng trai đó đủ sức làm chị thẳng thốt tâm thần khi chị gặp mặt. Sự xuất hiện của chàng trai có một cái gì như hình ảnh khổ đau của gia đình chị lắng vắng, nhất là qua điệu bộ bi thảm và giọng nói phân trần chân thực của anh ta :

— Xin bác thương tình tha cho cháu, cháu nghèo khổ mới đi làm thuê ở mượn cho họ, đừng kiếm tiền...

— Chú mày làm có tiền thì phải bồi thường những thiệt hại này chớ không thương tình gì ráo trọi.

— Dạ cháu định nói là cháu làm kiếm tiền để nuôi ba cháu ba cháu bị bệnh bại năm liệt giường mấy năm nay.

— « Thôi mệt lắm rồi » giọng nói ông Hai Lý lạt hẳn xuống

— Xin bác thương mà tha cho cháu, thuộc men cho ba cháu còn chưa đủ lấy gì mà bồi thường. Tội nghiệp cháu mà bác. Giọng anh Năm lúc đó trầm lắng xuống và dư vang âm ỉ tỏa rộng ra phủ trên tâm hồn chị Năm khi chị hai tay chấp đàng sau đứng dựa vào vách lắng nghe. Hốt nhiên chị nghe trái tim chị đập rất rất mạnh và nhanh. Và chị cũng biết rằng ba chị đã động lòng — có thể ông Hai Lý sẽ nghĩ đến bà Hai Lý. Có thể ông sẽ nhớ đến tuổi trẻ của ông không còn nữa.

Vậy là hôm ấy có hai trái tim đã cùng đập rất mạnh và nhanh khi anh Năm quay cặp mắt hoảng hốt, ngờ nghẹn của mình về phía chị Năm : hai cặp mắt dường như nói rất nhiều, và có thể nói rất lớn hơn tất cả những chiếc loa trên cõi đời hiện

tại mà ta thường nghe — Và chị Năm vội chạy xuống nhà bếp.

Cồ nhiên, sau cùng anh Năm khỏi phải bồi thường gì cả. Nhưng có một điều mà anh Năm vượt qua một cách khó khăn là việc anh cậy người đến cưới chị Năm. Ông Hai Lý thì không ghét gì anh, còn trái lại là khác. Song cái khổ mà gia đình ông đã kinh qua, khiến ông lạnh lùng đứng đưng trước hai trái tim đập mạnh đó. Ông đã biết thề. Ông cũng thương « con Liên nó giống mẹ nó lắm », ông thường khoe với người ta như vậy. « Song nếu thương thì phải cương quyết » ông tự nghĩ « bởi vì một đời cha mẹ nó đã khổ, lẽ nào con Liên cũng khổ nữa hay sao ! ».

Đó là những tình tự của Á châu đau khổ, nghèo nàn. Ở đó những đêm nằm không ngủ nghe bồn bèn vắng lên tiếng côn trùng thao thức như dòng suối róc rách trôi chảy không ngừng, như cuộc đời đi mãi những thề hệ: bởi sau cùng chị Năm cùng anh Năm đã tạo ra một đứa con trai ngộ nghĩnh. Nó tên là Luân. Trần văn Luân.

Khi bé Luân được mười hai tháng thì có tin « Tây lại đổ bộ lên đất nước Việt Nam yêu dầu

của chúng ta» và ít hôm sau thì có tin Tây sắp đi bỏ vùng quê làng chị Năm. Chị bàn tính với anh Năm nên đi trước «Đàn bà với con nít bề gì cũng không đến nỗi nào ». Chị nói và hỏi thúc anh Năm nên đi tránh trước. Nhưng sáng hôm sau thì làng kề cận khói lửa đã bốc cao và súng đã nổ một cách dồn dập, một cách ngăn ngớt, lạc lõng bởi từ lâu làng quê vốn im lặng dịu hiu.

Chị hỏi hả bóng bề bé Luân chạy theo đám đông. Khi ấy những cành gai mắc cỡ dưới chân chị vừa cộm nhứt vừa mát lạnh bởi những giọt sương. Đó là một buổi sáng nào như sáng nay, nhưng là một buổi sáng của dân làng hốt hoảng, một buổi sáng không còn cạnh những bát chè xanh bốc khói đang khởi đầu thêm một ngày bình lặng, quen thuộc của làng Bình Thới Trung một buổi sáng mà sự bình lặng quen thuộc chợt vỡ tung ra như tiếng « xoảng » vang vọng khô khan của một cái chén rơi xuống nền nhà. Đó là một buổi sáng của chị Năm. Vâng, phải nói rằng đó là một buổi sáng duy nhất mà chị Năm đã trải qua. Một buổi sáng mà chị biết thế nào là thương yêu, hỏi tiếc, đau khổ,

xót xa. Đó cũng là một buổi sáng của Á châu, nơi ánh mặt trời lên rất đẹp, vì những dòng sông lóng lánh, phản chiếu cứ trôi chảy mãi không ngừng.

..

Khuya hôm nay, cái ao đó, cánh đồng đồng đó, buổi sáng đó sống lại trong trí nhớ chị một cách rõ ràng khi chị chợt nghe trong tiềm thức vẳng lên tiếng hát ru em của bác Liêu. Bác Liêu là người đàn bà miền Bắc, theo chồng vào đã Nam lâu, tận cái thời theo đợt tuyển nhân công cho đồn điền cao su. Bác Liêu vào đây đã lâu, nên giọng hát của Bác như có một sự giao nối giữa hai miền; nhất là giữa trưa vắng vẻ của làng quê hoặc những đêm mưa rã rích trên mái lá, cạnh ngọn đèn dầu, người ta nghe giọng hát ấy ngân dài ra một cách tức tưởi, một cách xót xa bởi lời hát bình dị dường như đã được người hát phổ vào đây linh hồn mình. Linh hồn của một người đàn bà Á châu nghèo nàn, khốn khổ không biết bởi vì đâu!

Người ta thường đem câu chuyện của bác Liêu ra bàn tán. Qua những câu chuyện ấy ta biết rằng bác Liêu trai đã bỏ xác ở một

đồn điền xa xôi vì lam sơn chướng khí và vì những lý do không ai biết được. Bơ vơ lạc lõng bác Liêu đành phải ở mướn làm thuê kiếm tiền nuôi mây đũa con. Đôi khi quá buồn bác cũng nhậu nhẹt thẳng tay nên đã say sưa đèn đối. Nằm lăn giữa đường. Chười rửa tục tũ. Đập phá đồ đạc. Xóm làng ai cũng khinh ghét bác. Nguyên rửa bác là người đàn bà hư đốn « Thứ đàn bà mà uống rượu thì còn ra cái nước mẹ gì ».

Duy chỉ có một người có thể « thông cảm » hoàn cảnh bác Liêu ấy là chị Năm. Phải nói rằng chị Năm hết sức thương yêu bác. Vì qua giọng hát tức tưởi, xót xa đó chị Năm như cảm nghe được cái hình ảnh bi đát hẩm hiu của người đàn bà góa bụa và lại xa cách quê hương. Quê hương xa rồi là xa cả những hoài vọng thiết thân tự thưở mình biết thở nhịp thở đầu tiên của một đời sống : nhịp thở rất yếu mềm song rất keo sơn gắn bó với trời đất giao hòa. Người chóng mặt rồi là mất cả niềm vui sâu rộng, là mất hết sự đau khổ cao vút huy hoàng của ánh mặt trời lên. Bởi những người như chị Năm và bác Liêu lầy chổng không phải để sung sướng tâm thân, lên xe xuống ngựa,

nhưng là để thiết lập bảng giá trị mới của riêng mình : sống trong nỗi sầu như sông và niềm vui như núi, và dựng lại cuộc đời mình qua hình ảnh của một Trần văn Luân chẳng hạn.

Sau buổi trưa duy nhất ấy chị Năm đã trở thành là một kẻ xa quê. Cũng là sự tình cờ dun ruổi hình ảnh quê hương chợt hiện lên trong tâm hồn chị qua tiếng hát của bác Liêu. Có gì lạ lắm đâu. Nếu có một tấm gương đôi diện, ta sẽ thấy ngay mặt mình. Cái mặt vừa hiện lên rõ ràng vừa chập chờn thoáng hiện, bởi vì khi ta nhìn cái mặt ta nó không còn là cái mặt : nó là một đôi diện trong gương đã mất đi những khung trời tưởng nhớ.

∴

Mặt trời lên vừa khỏi ngọn cau — Người ta nghe tiếng chó sủa dồn dập đặng xa rồi càng lúc càng gần hơn. Khói. Nắng. Cánh đồng như nghe được sự đổ vỡ trong cơn gió hắt hiu, xào xạc. Đất nghe rền lên thành thịnh của những bước chân. Rất nhiều bàn chân hồi hả. Những bàn chân không còn bước đi trên trái đất về nẻo chân trời. Những bàn chân lạc mất nhịp điệu hòa hài : hồi hả, dồn dập, ngo ngác, lưỡng lự.

Đúng là những bàn chân không thầy con đường về cõi trú ngụ. Những bàn chân đang quẩn quại chọn lựa giữa lẽ sống và sự chết. Những bàn chân hốt hải như con kiến, đang lằng xằng chạy tới chạy lui trên một khúc cũi đang cháy dở. Những bàn chân ấy ai biết sẽ về đâu? Và súng nổ dồn dã. Và khói bốc cao, bốc cao. Và mặt trời lấm li ướt đẫm mồ hôi.

Có tiếng đứa bé khóc thét lên từng hồi cùng với tiếng vang rền của từng những bàn chân nện xuống bờ ruộng thành thạch. Đứa bé càng khóc thét lên. Súng càng nổ gần hơn với khói bốc cao lên tận chân trời. Tiếng chó sủa vọng theo cơn gió bùng lên lảng xuống từng hồi như sự ngổn ngang dàn trải lên cánh đồng cháy nắng chói chang. Buồn thay đứa bé vẫn khóc và khóc một cách không gì cản nổi.

Có tiếng thét lên lạnh lãnh như một mệnh lệnh của Thượng Đế ác nghiệt:

— Bóp họng nó lại hay là mày trăm người sẽ chết.

Tiếng thét như một nhát dao chém xuống dưới nước thật mạnh, dư âm của nó là một sự bất thần vụt điềng lạng mệnh

mông. Những con mắt ngơ ngác tìm nẻo cảm thông. Rất nhiều những con mắt chớp lên nhìn xuống, ta trông như những con đom đóm lập lòe lìm lòi trong đêm tối.

— Bóp họng nó ngay hay là liệng nó xuống ao! Trời ơi không thể chần chờ được.

Rồi như từ một cõi ma quái nào có tiếng nức nở vọng lên một cách rời rã, một cách đứt đoạn, một cách tan nát.

Được rồi bà con cô bác ơi tôi sẽ ném nó xuống ao, trời ơi tôi không thể nào bóp họng nó được nó tên Trần Văn Luân nó mới được mười hai tháng tôi không thể nào hiểu được tôi sợ lắm anh Năm ơi con ơi cha mẹ tôi đâu... súng nổ... lửa khói — tôi sợ lắm tôi có biết gì đâu. Con ơi... trời ơi tôi sẽ ném nó xuống ao tôi sẽ ném nó xuống ao, trời ơi...!

Và những cái bọt nước bực lên sùng sục từng cụm, từng cụm rồi lan mãi lan mãi vào bờ, mặt ao lại lặng lẽ phản chiếu một bầu trời rất đẹp vì từng khối mây trắng chổng chật ngổn ngang lên nền trời xanh biếc

— Im lặng — Im lặng — Im lặng
Im lặng. Thình thoảng người ta
nghe một tiếng nắc lên song đã
được chặn lại bởi sự dồn nén
quá độ. Một tiếng nắc tức tưởi,
nhỏ nhoi, vô vọng nhưng ta nghe
như đất trời đã rung chuyển bởi
vì trong một buổi trưa người
đàn bà chợt thấy cuộc đời khác
hẳn. *Cuộc đời đâu có cho ta được
quyền mãi mãi yêu con. Ta là nó
nó là ta. Sao ta vẫn còn mà nó
đâu ?*

∴

Câu hát không có gì cả nó
chỉ có hai câu được lập đi lập
lại qua giọng hát náo nức của bác
Liêu. Không biết ma lực nào đã
gợi lên trong tiềm thức chị Năm
tất cả những hình ảnh : quê
hương, âu thơ, tình yêu, đau khổ.
Những hình ảnh ấy quay cuồng
thoảng hiện qua giọng hát chợt

trăm chợt bỗng theo nhịp vồng
kéo kẹt đung đưa. Giữa một
đêm khuya tiếng hát bỗng bùng
lên như tiếng nói vô cùng đích
thực của cuộc đời. Một cách
ray rứt. Một cách ẩn ức, xót xa.
Câu hát ấy như vậy :

*Trách trời sao khéo rạng
đông,
Chẳng khuya chút nữa cho
lòng thờ than.*

Phải nói thêm rằng câu hát
này là của chị Năm. Của riêng
biệt một chị Năm. Bởi vì chị Năm
vẫn năm đó — một cách bất động
— trong căn nhà tối tăm mà thình
thoảng những tia chớp đặng cuội
chân trời lóe lên cũng không sáng
được bao nhiêu. Khuya khoắt —
Tối đen — Im lặng — Duy chỉ có
tiếng hát là lên thật cao — Thật
cao vút tận bốn chân trời.

HOÀI - KHANH

NGỒI ĐỢI NGOÀI HÀNH LANG

Tường ngồi đó, gần như bất động. «Có thể có ai còn là con gái ở đây không», Tường sực tỉnh và nghĩ ngợi mông lung, chua xót, một chút chua xót thôi. Vâng, một chút, một chút chua xót, một chút đau đớn. Một chút thôi nhưng cần thiết vô cùng. Tiếng nói xi xẩm, lao nhao của bọn con trai, con gái, đàn ông, đàn bà phá tan sự yên tĩnh của Tường. Nhưng Tường cần sự ồn ào phá tan đó. Tường đòi thế ngồi, dang chân rộng ra và chống hai tay lên gối. Tường thấy mình bắt đầu chìm tan vào những khối người hỗn tạp kia tuy hôm nay Tường cố gắng không bắt chuyện với ai. Con đau nhức cũng chìm xuống. Chìm xuống không phải để tan đi mà để thâm nhập, kinh niên. Tường biết rõ. Nhưng mặc kệ. Những khối người kia như đã là một an ủi, dù xa vời và huyền hoặc. Nhưng hãy để cho Tường còn tin như thế. Ý nghĩ đó làm cơn nhức của Tường lại tan đi nhanh hơn. Dù không tan biến đâu, mà chỉ thâm lạm. Như ruộng muối.

— Ai là Trần Văn ?

Tiếng người Y tá lớn tuổi kêu lên. Khối người lại nhúc nhích, xao động. Người ta đưa mắt nhìn nhau.

— Sao ? Trần-Văn à, à tôi.

Ông lão Tàu lai nhích người lên một cách khốn khổ, chệnh chạng, xiềng niềng bước vào phòng Bác-sĩ. Không hiểu sao lão còn có thể sống được, nhất là khi sống bằng một nghề nhọc nhằn như bán ve chai. Hôm qua người ta đã nói chuyện về lão Tàu lai đó. Lão bị lậu kinh niên, đã hơn 30 năm nay. Bây giờ thì vi trùng đã lớn nên lão không biết đau đớn như bọn trẻ. Miệng lão xệch qua một bên, kéo trệch đi một con mắt. Lão gãi gãi liên hồi. Tường không hiểu tại sao lão còn sống và muốn sống. Bọn thanh niên đã hết chuyện nói về lão nên xoay quanh nhiều chuyện gẫu. Một đứa trong bọn mở cái transistor bỏ túi ra nghe. Tiếng phản lực skyraider đầu dây trên bầu trời càng làm tăng thêm không khí

náo động. Hôm qua lúc 2 giờ 30 một trăm phi cơ phản lực Hoa-Kỳ xuất phát từ hàng không mẫu hạm Coral Sea và từ phi trường Đà-Nẵng đã oanh tạc một vùng gần Vinh tiêu hủy hai toa xe lửa... Lúc phi đạn bắn xuống các phi công đều nghe thấy tiếng nổ... Hỏa lực phòng không địch rất mạnh nhưng phi cơ Việt Mỹ đã về an toàn và đầy đủ tại căn cứ xuất phát. Cũng hôm qua lúc 3 giờ kém 15 hơn 500 phi cơ Việt Mỹ thay phiên nhau oanh kích cho đến tối một vùng khả nghi có Việt Cộng. Khu vực oanh kích rộng chừng 10 km và dài trên 25 km. Lúc bom thả xuống các phi công đều nghe thấy những tiếng nổ kinh hồn và lửa khói bay cao trên 2 nghìn thước. Đại khái tin tức như vậy. Tường không biết mình nghe họ nói gì. Thậm chí Tường không biết mình có nghe hay không nữa. Tường trợ người ra. Chỉ mong cho chóng tới phiên mình. Tường quay về phía phòng chích. « Bao nhiêu người đã bỏ mạng và diên khùng cũng chỉ vì bệnh hoa liễu ». Một câu viết y hệt như thế được dán hai nơi trong dãy nhà đợi. Lúc mới vô Trung Tâm Quốc Gia Bài Trừ Hoa Liễu, Tường còn giựt mình khi đọc cái câu kia dù Tường đã biết rõ hậu quả nguy kịch của những bệnh phong tình. Bây giờ thì lờ đi. Coi như mọi việc trợ trợ.

— Anh biết đàn bà từ hồi mấy tuổi? Tường hỏi thẳng một thiếu niên tóc dài tai bồm xồm nhưng khuôn mặt rất sáng đang ngồi giữa đám thanh niên.

— Mười bốn. Hắn trả lời không chút ngập ngừng sau khi tỉnh nhằm trong miệng.

« Trời ơi! » Một tiếng kêu nhỏ, dậm, sâu, sâu vô cùng nổi lên từ bãi cỏ tưởng như đã héo úa của tâm hồn Tường. Tường cố nén cơn quẫn quại dị thường. Ngủ im đi. Nằm yên đi. Chết thật đi. Chết. Chết. Ta không thể nào sống nổi. Tường muốn được tức khắc trở lại tuổi mười bốn. Tường sẽ hành động như thiếu niên kia và chàng sẽ chết hài lòng.

— Thế bây giờ anh chết được rồi!

Không ai hiểu Tường nói chơi hay nói thật. Không ai hiểu Tường muốn nói gì. Tường cũng đã ân hận nói ra câu ấy. Thiếu niên không giận, có lẽ liều lĩnh:

— Bây giờ tôi mười sáu. Hai năm nay, hay đúng ra từ ngày tôi mới chơi đàn bà, chưa bao giờ tôi bị bệnh.

— Thế khi bước chân vào đây, anh có mắc cỡ không?

— Mắc cỡ gì?

— Phải đi qua cái tấm biển đề những chữ lớn: Trung Tâm Quốc Gia Bài Trừ Hoa Liễu; phải đi qua phòng các nhân viên ghi tên, tuổi; phải ngồi chung ở đây với những người lớn; phải vào độ mặt với bác sĩ...

— Tưởng gì!

Hay thẳng bẻ kia đã chết rồi? Tường nghĩ như vậy và nhìn kỹ thêm gương mặt thiếu niên để tìm những nét biến chuyển. Gương mặt

trẻ quá và trong sáng quá. Trẻ còn hơn những đứa học trò của Tường nhiều. Nếu gặp thiếu niên này ở một nơi nào khác, Tường khó có thể tin rằng hắn đã dám nằm lên trên một thân thể đàn bà và nhất là đã dám hiên ngang vào đây, đã dám trả lời như thách đố như câu hỏi của Tường.

Chàng nhớ lại tuy đã bước chân vào bệnh viện này đã 3 lần, lần nào Tường cũng còn thấy gương ngưng, khó chịu. Buổi sáng chàng phải đi thật sớm, đứng bên kia đường và bắt chợt băng qua đường đi nhanh vào bệnh viện, đi nhanh qua những phòng nhân viên và ngồi im một mình ở hành lang. Ngồi ở băng đợi, lúc nào Tường cũng cố gắng làm ra vẻ rất người lớn, coi mọi việc thường tình. Muốn vậy Tường thỉnh thoảng hỏi chuyện với những thanh niên hay đàn ông khác về bệnh tình và trường hợp của họ. Tất cả đều bộc lộ ít nhiều lo lắng. Tất cả đều ảm ức, tức tưởi. « Sao lại có cái thứ bệnh ác nghiệt và quái gở này nhỉ ». Một thanh niên đáng chừng có một chút học thức nói như vậy. Tất cả mọi người đến đây chắc không ai không từng nghĩ như thế. Chỉ có thiếu niên kia. Hắn có vẻ trơ trơ, thách đố, xem thường. « Rồi cái thể hệ tiếp nối mình chúng sẽ lạnh lùng hơn ».

Tường nghĩ như vậy sau khi liên tưởng đến những đứa con trai con gái trong lớp đệ tam ở một tư thực chàng dạy.

Tiếng Skyraider vẫn bay âm âm đầu đây. Một tiếng nổ kinh hoàng dội ngược lên không trung. Âm thanh

nhộn, sâu như bản âm rất mạnh làm rung chuyển cả dãy hành lang.

— Tiếng phản lực vượt bức tường âm thanh.

— Tiếng phản lực vượt bức tường âm thanh.

— Thiếu niên chậm rãi lên tiếng vừa đủ và không góp chuyện chính trị, tin tức chiến sự với những người khác. Hắn không nói nhiều hơn, như cho là thừa. Hắn cũng không có vẻ sợ hãi gì sau tiếng nổ lớn. Hắn bình tĩnh ra trước sân nhìn lên trời, chỗ có một cây vú sữa che lấp một mái nhà. Một số đông lần lượt ra xem. Tất cả đều nhìn lên một vạt khói trắng dài giăng trên trời xanh, mất hút ở đằng xa. Cọng khói bỏ đi và tan dần.

Tường hơi vui khi thấy hai người thợ sơn đang nằm sắp trên mái ngói. Một ở trên khu đỉnh, có vẻ lớn tuổi. Một ở gần phía mái nhà, gần tàn cây vú sữa. Một lon sơn đỏ lăn từ mái ngói, mắc kẹt ở máng xối, đổ xuống nền nhà, bằng tung toé.

— Cái gì, cái gì, ai, làm sao ?

Một cô Y tá đang dẫn mấy đứa con gái trong đồng phục vải ta trắng vàng màu bố dừng lại, cất tiếng. Bọn thanh niên, đàn ông, đàn bà, cả cái khối người trông thấy đều không tỏ thái độ vui đùa gì hết. Tường tưởng tượng nếu cảnh tượng này đúng là

lắm nhưng dễ thương. Vân có đi làm thêm để đi học, Tường biết. Nhưng Tường tin tưởng ở Vân, như tin tưởng ở mây bay trên trời cao, sóng trên biển rộng. Chàng luôn luôn tin tưởng ở những đứa con gái hiền hậu như Vân. Chàng không quên được những chiếc áo trắng tinh của Vân, với chiếc cổ vira phải. Không biết chàng tin để làm gì nhưng chàng phải tin. Còn một chút đó. Dù chẳng bao giờ gặp những Vân lại. Nhưng bây giờ Vân đã có mặt ở đây. Nghĩa là phải đi qua cái tấm biển dài rộng với hàng chữ trắng lớn : Trung Tâm Quốc Gia Bài Trừ Hoa Liễu, phải đi qua những gian phòng nhân viên ghi tên, tuổi, địa chỉ, phải đi qua đám người chai đá, phải đi qua những bà phước và bao nhiêu người khác. Phải đi qua bao nhiêu dư luận.

— Thưa Thầy.

Trời, Vân có thể đến trước mặt Tường ở đây để chào một cách thách đố vô tình hay hữu ý như vậy sao.

— Vân đến đây...

— Em không biết sao.

Tường tức tưởi. Tường thấy mắc cỡ khi biết mình ăn mặc có vẻ tồi tàn : áo sơ mi bỏ ra ngoài, dép nhật.

— Ai là Phan - thị Thu - Vân ?
Tiếng người Y-tá.

— À, kia Vân. Vân đến trước tôi sao ?

— Em đến trước từ lâu. Em ngồi ở góc bàn phòng kia nên thầy không thấy. Em trông thấy thầy từ ba hôm nay. Lần nào em cũng tinh tránh thầy. Em suy nghĩ. Em thấy đến chào thầy là hay hơn.

Có tiếng cười. Nhiều khuôn mặt chú lại Tường. Họ nhận định chỗ đứng của Tường và Vân. Minh phải trợ trợ hơn thế nữa. Lát nữa phải ra về với Vân. Bây giờ thì không ai còn nên giữ miếng với ai. Tường sẽ nó thẳng với Vân. Không còn gì hết t. Mây đã trôi xa. Sóng cũng tan biến. Còn lại trời, biển, vô tri. Tường ngần người. Bên dãy phòng tắm thuộc bệnh viện Thanh Quan dòm qua, Tường quan sát một đám con gái mặc toàn vải ta trắng vàng như vải bố. Họ bị bắt vào đây từ những ổ nhện nhện ở xung quanh đô thành. Mỗi buổi sáng hình như họ phải vào phòng tắm. Có phải đó là phòng tắm không ? Liên tiếp ba hôm Tường đều nhìn sang đó, và đúng giờ nào đó, buổi sáng. Có tiếng đùa giỡn ở phía trong, lắng nghe rõ mới thấy. Bỗng một đứa trong bọn ở trường chạy ra khỏi cửa rồi chạy vào. Hình như không phải là hành động khiêu khích. Cũng không phải hành động vô ý.

Không khí buổi sáng gần trưa như cao lên cùng với dãy tường cao bao bọc xung quanh. Tất cả đều không còn vẻ nhao nhao như hồi sớm. Ở phía cây vú sữa, một trái thật chín và tím rưng xuống đột ngột, nhanh, như một cục chì. Nhưng em ai biết bao nhiêu. Một bà Phước béo nộn đi qua, không chú ý gì đến trái vú sữa. Đống vải trắng thô vụng với đôi máy sục xuống khiến không khí nặng nề trông thấy. Bà Phước có thái độ và cử chỉ một kẻ cai quản bệnh viện.

KINH TÀ BANG

Bà phán Được vừa thấy Tấn, vội reo lên:

— A, có chú Tấn đến chơi, hay quá, để tôi hỏi thăm cái này.

Tấn sượng ghê đi.

Phán Được là bạn học cũ của Tấn, nhưng ông ta cao niên hơn Tấn đến năm tuổi. Sau mấy mươi năm cách mặt, cả hai đều gặp lại nhau ở Saigon, cả hai đều thành công trên đường đời, mặc dầu Tấn luôn luôn cháy túi, còn Được thì có bà vợ làm nhà xuất nhập cảng.

Bà Được cái gì cũng biết cả, từ giá thị trường cho đến vụ con gái ông đốc công Kiệt có chửa hoang, bí mật trốn lên Dalat để đẻ. Cái gì bà không biết, chẳng hạn như một qui chế mới cho các nhà xuất nhập cảng, chẳng hạn như thảo một lá đơn xin diện ba dây cho xưởng tiện sắt của bà, thì đã có ông Được lo cho.

Bà chỉ hỏi ý kiến « chú Tấn nó » về những chuyện ngoắt ngoéo, những trường hợp lương tâm khó xử thôi.

Con người ăn không đủ no là

chú Tấn, được dịp trả thù mỗi bận bà vợ bạn vẫn kể như vậy. Đó là những cơ hội báo thù đời hiểm hoi của những người không được thủ va quan trọng trong một xã hội nào đó, y như cụ tiên chỉ trong làng, già quá không tham gia vào sanh hoạt thôn ở được nữa, bị làng nước bỏ quên, và chỉ hãnh diện mỗi năm có một lần vào dịp cúng kỳ yên mà cụ làm chủ tế.

Bà phán Được gọi trẻ rót trà rồi chạy tuốt vào trong phòng đáp câu hỏi: « Còn anh đâu chị? » của khách.

Giày lát sau bà trở ra, tay cầm một phong thư đã bóc rồi, bì thư bằng giấy màu thật mỏng loại bì dùng để gói máy bay.

— Thơ của thằng Ngọc, bà nói, chú nó uống trà rồi đọc đi thì biết.

« À, ra thế, ngộ gì! » Tấn nói thầm như vậy rồi thất vọng vô cùng. Hằng năm, anh ta chỉ có dịp dạy đời con người tài giỏi này một đôi lần thôi, mà lần này lại không phải là dịp đó, vì đây chỉ là lối khoe gián tiếp cái gì đó của bà Được thôi.

Bà Được có tánh hay khoe khoan, với nhà giàu thì bà khoe thương vụ của bà, bà khoe hột xoàn, còn với những kẻ biết chữ như Tấn, bà khoe con, khoe rể, khoe dâu, đứa nào đỗ đạt cái gì, Tấn đã thuộc lòng rồi mà thỉnh thoảng cứ bị bà ta bắt nghe lại mãi.

« Không biết cái ông kỹ sư ấy lại thi đậu cái gì nữa đây? Mình không thích đọc thư của người khác gửi cho một người khác, nhưng có được với chị này đâu! Nào, coi có gì lạ ».

Thư như vậy :

Ba Lê, 12 tháng 5 năm 1965
Thưa ba má,

Con Đào đã ra nhà thương rồi, và khỏi bệnh, chỉ còn phải dưỡng nữa mà thôi.

Có một người đồng hương, học y khoa năm thứ tư muốn xin cưới nó, nhưng coi bộ nó bần - dùng lắm. Vợ chồng con thấy nó cũng còn trẻ nên cứ đề nó liệu định, không muốn làm áp lực nào.

Còn thằng Lực thì tháng tới đây nó thi tú tài I, con chắc nó đậu.

Có một điều này, vợ chồng con bán khoản lắm, muốn thưa với ba má coi ba má nghĩ sao.

Thằng Thề sanh ra tại Ba Lê, và đi nhiên được Pháp tịch.

Nhưng nó là cháu đích tôn của ba má, vợ chồng con không biết ba má có muốn cho nó trở về Việt tịch hay không. Có cái vụ cúng cơm rắc rối ấy mà!

Vợ chồng con thấy cứ đề vậy lợi hơn, nhưng lại sợ ba má buồn, thành

thứ mới kính thư này về xin nhắc nhở ba má một vấn đề mà ba má có lẽ không hay rằng có.

Vân... Vân...

Ký tên

NGỌC

Bà phán Được theo dõi Tấn ở đôi mắt hần và khi thấy hần đọc thư xong rồi, bà liền hỏi :

— Sao chú nó nghĩ thế nào?

Tấn chưa nghĩ thế nào cả về vụ này. Hần đang nghĩ ngợi về chuyện khác.

Đó là một chuyện ngày xưa mà câu hỏi hôm nay bỗng dưng gợi nhớ cho hần.

Hai câu chuyện mới trông, dường như không có liên hệ nào với nhau hết. Trí và lòng Tấn làm việc chớp nhoáng như một cái máy tính điện tử, phối hợp lại không biết bao nhiêu là dữ kiện để lập thành một hệ thống cảm nghĩ có đầu có đuôi, tất cả, trong một khoảng tic tắc đồng hồ, bộ máy ký ức của chàng cũng được huy động giữa khoảng thời khắc ngắn ngủi ấy và cả câu chuyện cũng được nhớ lại một cách hỏa tốc.

Ngày xưa, ông ngoại hần làm nghề « đi rồi ». Các bạn có biết đi rồi là đi đâu hay không? Các bạn cứ nghe câu ca dao sau đây thì sẽ có một ý niệm sơ lược về cái nghề ấy.

Anh đi ghe lớn trãng lườn

Ở trên Gia Định xuống vườn thăm em.

Ông cụ sắm ba bốn chiếc « ghe lớn », kiểu ghe của miền đông, rồi đi

Hậu giang, mà thuở ấy người ta gọi là « miệt vườn », mua cá đồng về bán

« Miệt Vườn » thuở ấy còn hoang vu lắm, với lại Tấn còn bé quá, chưa đi đâu xa được, nên những địa danh mà hẳn thường nghe ông ngoại hẳn nói đến, rất có vẻ man rợ và xa xôi như là ở đâu tận những chơn trời ngoại quốc nào.

Vì vậy mà hẳn không còn nhớ tên nơi chốn nào cả mà ông ngoại hẳn đã lui tới làm ăn, chỉ trừ cái kinh Tà Bang hay Trà Bang gì đó mà có đến ba người nhắc nhớ mà một người, mãi cho tới khi hẳn lớn khôn, còn nói đến hoài, nói đến cả lúc người ấy hấp hối.

Người thứ nhì làm cho con Kinh xa lạ ấy nổi danh trong gia đình Tấn là ông bảy Cưa.

Ông ấy giữ một chức vụ như là xếp ga ra bây giờ, nghĩa là ông coi sóc cả đoàn thuyền rỗi của ông ngoại Tấn, gồm bốn chiếc ghe nhà và thêm ba bốn chiếc ghe thuê nữa.

Tất cả những bọ ghe của đoàn ghe rỗi nhà đều có bắt tình với một cô gái « miệt Vườn » và đều nhớ to lên quê hương của nơn tình của họ. Riêng ông bảy Cưa, ông ấy quyết lấy vợ dưới ấy, nhưng cô gái lại không thích bỏ xứ, thành thử ông ta cứ hỏi ý kiến người này người nọ, xem chính ông ta có nên bỏ xứ hay không.

Thuở ấy người làm công ở chung với chủ nhà, hay ít lắm cũng ăn chung, nên trong gia đình Tấn, mọi

người đều bị con kinh Tà Bang của ông Cưa ám ảnh.

Ông Cưa chết vợ và năm ấy ông đã bầm tám rồi, ông cũng không đẹp trai gì đó, mà còn hơi già trước tuổi nữa là khác, vì Tấn và cả nhà đều kêu bảy Cưa bằng « ông bảy Cưa » ngay từ lúc ông chưa tục huyền. Vậy mà không biết nhờ bùa ngãi gì mà rồi rốt cuộc bà bảy Cưa lại theo ông về xứ của ông.

Nếu cô gái kinh Tà Bang ấy mà không nói lai lịch của cô ta ra thì ai cũng ngỡ cô ta là người Việt Nam vì cô nói tiếng ta thạo không kém chị bếp ở nhà chút nào, chỉ khác vài danh từ dùng gọi các vật dụng thường ngày.

Cô ta là gái « đầu gà đít vịt », nghĩa là cha khách, mẹ « đàng thờ », tức Cao Miên.

Ông bảy Cưa tục huyền rồi thì cất nhà ở riêng, nhưng kế cận nhà ông ngoại Tấn, thành thử Tấn thường lui tới nhà ông bảy vì sự gần gũi mà cũng vì người đàn bà xứ xa mà Tấn thấy rất hay lạ.

Từ đó, vùng này chỉ còn một người nói đến kinh Tà Bang. Ông ngoại Tấn già quá nên giải nghệ, ông bảy Cưa thất nghiệp, xuống làm bọ chèo ghe, những ghe thương hồ không đi xa hơn Saigon.

Chỉ còn một người nói, mà nói đến cái xứ ấy nhiều gấp hai, gấp ba hai người kia, vì bà bảy Cưa đã mất liên lạc với « nước » của bà.

Vâng, trong vùng này, người ta định ninh rằng cái địa danh kỳ dị ấy,

Tà Bang, là tên của một làng, Cao Miên hay một làng Trung Hoa gì đó. bằng cứ là bà bầy khai lý lịch của bà như vậy, bà là dân khác nước với người mình.

Không đường sá lưu thông, lối xe dịch độc nhất là ghe thuyền, đi chín mươi ngày, lắm khi chưa tới nơi, mà ông bầy lại đổi nghề thì bà, phận gái, còn làm sao mà về thăm quê quán ở « nước ngoài » cho được.

Tình trạng ấy lắm cho bà bầy tuyệt vọng và nhớ xứ nhiều hơn lên, bà khóc dữ lắm. Những khi không khóc bà tìm người để bắt nghe chuyện Kinh Tà Bang của bà.

Trong tháng đầu mới theo chồng lên miền Đông, bà bầy quên mất quê hương của bà vì bà vui duyên mới, vì cảnh vật chung quanh bà xinh đẹp bà khen hoài: ở đây nước sông trong và ngọt, bờ sông là bãi cát trắng chớ không phải bãi bùn, sau làng có suối trong veo, sau suối có đồi cao, bà cho rằng đẹp hơn cảnh bùn lầy của xứ bà nhiều lắm.

Nhưng qua cái tháng đó, hay tin chồng đổi nghề, bà bắt đầu nhớ quê hương. Sông cứ mà ngọt, suối cứ mà trong, đồi cứ mà cao, bà bầy luôn luôn thêm cái chân trời quen thuộc của bà mà bà tả ra, nghe thua ở đây thật. Cái gì mà cánh đồng mình mông bát ngát, rồi cánh đồng bát ngát mình mông, ngoài ra không có gì nữa cả.

Nhưng vậy mà bà cứ nhớ và khóc.

Bà bầy mang lên miền Đông câu hát này :

*Cây bần de con đóm đậu sáng ngời
Lỡ duyên tại bậu, trách trời sao nên.*

Rồi bà tã những cây bần mọc de ra ngoài dòng rạch, khi hoàng hôn xuống, bùng sáng lên như là ai thắp đèn mà rơi vào đó, hay như là có muôn ngàn ngọn đèn nhỏ thật nhỏ treo trên đó.

Những cây bần treo đèn đóm ấy, đẹp thì có đẹp thật, nhưng chỉ đẹp đầu hôm thôi, còn ban ngày thì nó cứ vẳng sao cho nổi cảnh phặng lì của xứ bà. Chẳng qua là không có gì để khoe, bà bầy cố làm nổi bật lên cái món lạ hơn hết để cho có lý do mà khóc đấy thôi.

Bà bầy khoe cái này mới là kỳ đời cho chớ.

Bà thường kể chuyện những năm kinh mới được nhà nước đào xong. Đất hai bên bờ kinh là đất hoang vu, rậm rạp rừng tràm. Kinh đào rồi thì thiên hạ đổ xô tới cất nhà ở ven kinh rồi đi sâu vào trong để giành đất, phá rừng đặng làm ruộng.

Cái thuở khai hoang ấy, mà mới lên tám thôi, vậy mà cũng theo cha mẹ để làm công việc nhọc nhằn đó.

Bà nói là vui lắm, nhưng không ai thấy là vui ở chỗ nào cả: cái gì mà rừng lại mọc dưới nước, thọc cẳng xuống đất là đất lún, chôn chơn mình gần tới háng, cái gì mà đất ướt quanh năm, chết không có chỗ để mà chôn, cái gì mà chiều lại là phải vô mùng « kéo muỗi nó khiêng đi », cái gì mà trâu cũng phải ngủ mùng nữa,

ai nghèo không có mùng, nó bị muỗi đốt nó rống suốt đêm.

Lại còn nào là cộp nước, nào là sấu, nào là rắn độc nữa, toàn thú dữ không mà thôi, người dân không được một tí an ninh nào hết.

Ừ hự, nghe mà bắt mệt.

— Nhưng người các chú nước bà, sao lại đi bậy. Vô rùng làm chi để phải chịu cực như vậy? Người trong làng hỏi.

— Đâu có phải nước các chú.

— Chị nước gì? Nước Cao Mên hả?

— Cũng đâu phải. Nước An nam chớ.

— Vậy sao, té ra xứ Tà Bang ở trong nước An Nam.

À, cái mới là kỳ cực nhất trên đời. Nếu bà bậy nhớ bên Tàu, nhớ Cao Mên thì còn cho được đi, cái này ai lại đầu gà đít vịt mà lại nhớ xứ An nam!

Hay là tại mẹ ghẻ của bà bậy là người mình? Cứ theo lời bà kể thì má của bà chết đi sau khi ruộng nương thành khoảnh rồi. Tía của bà bấy giờ mới tục huyền với một người đàn bà người mình, để thêm ba bốn người con nữa.

Nhưng giả thuyết ấy cũng không đứng vững, vì cũng cứ theo lời bà thì bà bị mẹ ghẻ hành hạ dữ lắm. Bà ấy ác ghê đi, con gái lớn lên, có người đi hỏi, bà không cho chồng bà gã, giữ lại để bắt «mần». Bà phải ở tới hăm lăm tuổi là vì vậy. Còn sở dĩ bà phải bỏ quê hương xứ sở, trốn mà đi theo ông bảy Cưa về miền Đông là để thoát khỏi tay mẹ ghẻ của bà.

Mùa mưa là mùa mà bà bậy khóc nhiều nhất. Dĩ nhiên là như vậy. Bà này cảm nghĩ chương đời thì phải chương đời luôn cho tới cùng thì mới là hợp lý. Chẳng mùa mưa nước nổi, xứ của bà đã xấu, càng xấu thêm, ấy bà ta mê cái xấu nên chọn mùa mà cái ấy xấu nhất để mà nhớ vậy.

Bà bậy Cưa chết năm bà bốn mươi lăm tuổi, nghĩa là hai mươi năm sau khi lấy chồng về miền Đông. Ông bảy Cưa bấy giờ đã năm mươi lăm rồi mà vẫn còn khỏe mạnh. Trong những ngày cuối cùng của bà, bà khóc mà van nài chồng thuê một chiếc ghe để đưa thi thể bà về Kinh Tà Bang và lời cuối cùng của bà như sau đây: «*Trời ơi, hai mươi năm rồi, tía tôi với lại các em tôi, không biết còn hay chẳng, nhưng xứ sở của tôi chắc phải còn. Ông ơi, ông có thương tôi, xin ông làm theo lời tôi trời trần*».

Ông bảy Cưa cũng nghèo, nhưng ông đủ sức thuê một chiếc thuyền để đưa cỗ hòm của vợ ông về quê của bà ấy.

Nhưng ông không làm theo ý muốn của bà. Ông thương vợ ghê lắm và chính vì thương bà nên ông mới làm trái ý bà. Ông muốn nhìn thấy nắm mồ của bà nằm cạnh mồ ông mã cha của ông, tất cả những nắm mồ của bao đời rồi sẽ hợp với nắm mồ mới này để làm cuộc đời ông. Cuộc đời ông gồm có quá khứ và hiện tại, có những hình bóng cũ, có những gương mặt bấy giờ, có

chờn trời đóng khung bằng những nắm mồ ấy.

— Sao, chú nó nghĩ như thế nào?

Tấn giựt nẩy mình. Hắn vừa xem một cuốn phim và hai chữ «The End» hiện lên màn bạc rồi mà hắn vẫn còn bàng hoàng.

Đây là vấn đề hay nhất trong gia đình bà chủ nhà xuất nhập cảng rồi, bao nhiêu vấn đề mà Tấn được tham khảo ý kiến, không ra ngoài chuyện cô Nga, con gái thứ của bà nên lấy ông Đước sư hay nên lấy ông ở trường Quốc gia hành chánh mới ra trường, không ra ngoài chuyện cất một ngôi nhà mát ở Dalat có lợi hay không?

Nhưng Tấn lại không trở tài được với bà vợ bạn. Nếu có ông Đước ở nhà, chưa chắc ông đã hiểu những gì Tấn muốn nói.

Hắn nói một câu rất tài mà bà Đước nghe xong rồi ngơ ngác, định bụng «Chú nó» bí quá nên nói tầm ruồng.

— Việt tịch mà làm gì chị!

— Ừ, tôi cũng nghĩ như chú nó.

— Mà cúng cơm cũng không làm gì tuốt.

— À, cái đó thì quan trọng lắm chớ.

— Cốt là ngày sau, cháu nó còn nhớ tới ông bà, tổ tiên hay không.

— Ừ, đúng như vậy.

— Mà cháu nó nhớ ông bà, tổ tiên, đất nước hay không là do chúng nó có tâm hồn Việt Nam hay không.

Muốn có tâm hồn Việt Nam hay không, phải thờ ngay không khí Việt Nam trong những năm đầu của

đời nó. Nó phải biết thưởng thức mùi vị của một con cá rô nướng đậm mắm nêm, nó phải có nghe tiếng nhạc ếch vào buổi chiều ở các ruộng sâu, nó phải được nghe những câu chuyện cổ tích đẹp như một mái lá mà một bà ngoại, một bà nội kể cho nó hằng đêm, từ thuở nó lên ba.

Nếu nó không phải đến rừng để khai hoang làm ruộng như người ta thì ít ra nó cũng phải là nạn nhân của một nạn bảo lụt nào, giữa đồng bào của nó, nạn nhân của một cuộc chiến tranh, tóm lại nó phải cũng đau khổ với người đồng chủng của nó.

Bằng như mà không có vậy, nó sẽ là một người Tây, mặc dầu nó mang Việt tịch, nó biết cúng cơm, nó học Việt sử.

— Ừ, chú nói đúng.

Câu của bà chủ nhà xuất nhập cảng rõ ràng là như vậy, không thể hiểu được bằng lối nào khác, nhưng Tấn tin chắc rằng bà chỉ hiểu có mấy tiếng đầu: «Việt tịch mà làm gì, chị» và nhất định bà sẽ khuyên con bà để cháu bà giữ Pháp tịch.

Một người có học thức, chưa dễ đã hiểu Tấn. Nếu tâm hồn Việt Nam không thể dạy được mà phải «sống Việt Nam» mới có được, thì những lời của Tấn cũng không phải nói ra là người ta hiểu liền đâu.

Phải có thấy người Trung Hoa nhớ quê hương Việt Nam, người Việt Nam nhớ quê hương Pháp mới hiểu được Tấn mà thôi.

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỒI

hộp thư 935 — Saigon

*

SÁCH ĐÃ IN :

1. BÔNG HỒNG CÀI ÁO của NHẬT HẠNH (in lần thứ hai), giá 10 đ.
2. ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI của NHẬT HẠNH (hết)
3. ĐẠO PHẬT HIỆN ĐẠI HÓA của NHẬT HẠNH, 256 trang, giá 50 đ.
4. Ý THỨC MỚI TRONG VĂN NGHỆ VÀ TRIẾT HỌC của PHẠM CÔNG THIÊN, 656 trang, giá 85 đ.
5. TÌNH NGƯỜI của TÂM QUÁN (in lần thứ hai), 152 trang, giá 36 đ.
6. HÀNH HƯƠNG (thơ) của TRỤ VŨ, 125 trang, giá 45 đ. (in trên giấy tốt)
7. CHẬP TAY NGUYỄN CẦU CHO BỐ CẦU TRĂNG HIỆN (thơ) của NHẬT HẠNH, 108 trang, giá 40 đ. (in trên giấy tốt)
8. DIALOGUE của NHẬT HẠNH, HỒ HỮU TƯỜNG, BÙI GIÁNG, PHẠM CÔNG THIÊN, TAM ÍCH, 96 trang, giá 100 đ. (in trên giấy tốt)

SÁCH ĐANG IN :

1. CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG của HERMANN HESSE, PHÙNG KHÁNH và PHÙNG THẮNG dịch
2. ĐẠO PHẬT NGÀY NAY của NHẬT HẠNH
3. LE BOUDDHISME D'AUJOURD'HUI
4. TRĂM TƯ CỦA MỘT NGƯỜI TỘI TỬ HÌNH

SÁCH SẼ IN :

1. VẾT HÂN NĂM THÁNG
2. Ý TƯỞNG VÀ NHÂN SINH
3. TẬP NHẠC TUYẾN « MƯỜI BÀI TÂM CA »
4. KHUNG CỬA HẸP (La porte étroite) của ANDRÉ GIDE VĂN MÔNG dịch

*

Sách sẽ được gửi bảo đảm đến nơi nếu quý độc giả ở xa.

Thư từ và tác phẩm xin gửi về : THANH TUỆ, hộp thư 935 — Saigon.

Bưu phiếu xin để ÔNG TRƯỞNG PHÚ

K.D. số 2616 BTT/BC3/XB ngày 2-7-65

Giá 20 s

công sở giá gấp đôi

